



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**



**2021**





**Tên tiếng Việt:** CÔNG TY CỔ PHẦN FECON  
**Tên tiếng Anh:** FECON CORPORATION  
**Tên viết tắt:** FECON

**Giấy đăng ký kinh doanh:**  
Số 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội  
cấp lần đầu ngày 18/6/2004

**Địa chỉ:** Tầng 15, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà  
Nội

**Điện thoại:** 024 62690481  
**Email:** [info@fecon.com.vn](mailto:info@fecon.com.vn) | **Website:** [www.fecon.com.vn](http://www.fecon.com.vn)

**FECON**

[fecon.com.vn](http://fecon.com.vn)

# THÔNG ĐIỆN CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

*Kính gửi Quý Cổ đông và toàn thể CBCNV Công ty FECON,*

Năm 2021 là một năm đầy thách thức của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây lắp nói riêng khi vừa phải đối mặt với những hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19, vừa phải chống đỡ “cơn bão giá” nguyên vật liệu xây dựng chưa từng thấy. Đây được coi là “phép thử” sức đề kháng, sự linh hoạt và nhạy bén cho các doanh nghiệp.

Nối tiếp đà tăng trưởng năm 2020, FECON tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2021 với những chỉ số tăng trưởng dương với 3.484 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng gần 10% trong bối cảnh đầy khó khăn và thách thức. Năm 2021 cũng là lần thứ 4 liên tiếp FECON lọt Top 10 nhà thầu xây dựng uy tín với vị trí thứ 6 trên bảng xếp hạng, tăng 4 bậc so với năm 2020.

Năm 2021, với việc hoàn thành đúng tiến độ trong vai trò tổng thầu CBoP, FECON đã góp phần đưa hàng loạt dự án điện gió kịp vận hành thương mại (COD) trước mốc 31/10 như: Cụm trang trại điện gió B&T Quảng Bình, Điện gió Thái Hòa, Điện gió Trà Vinh V1-3, Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.. Các dự án FECON đảm nhiệm hầu hết là các dự án quy mô lớn, có địa hình thi công phức tạp và đòi hỏi gắt gao về tiến độ thi công. Dấu ấn này tiếp tục khẳng định năng lực thi công của FECON trong mảng xây dựng công nghiệp, nhằm hướng tới mục tiêu trở thành tổng thầu mảng xây dựng công nghiệp và xây dựng hạ tầng, trên cơ sở phát huy năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm.

Năm 2021, FECON cũng ghi dấu tại Dự án giao thông trọng điểm Thủ đô: Hàm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3. Sau hơn 1 năm thi công, các hạng mục do FECON phụ trách được triển khai đúng lộ trình. Với tiến độ hiện tại, Dự án có thể hoàn thành vào tháng 10/2022 theo dự kiến ban đầu, giúp giải quyết xung đột, ùn tắc tại nút giao Lê Văn Lương - Vành đai 3.

Về lĩnh vực đầu tư, Công ty Cổ phần đầu tư FECON (FECON INVEST) được thành lập là minh chứng cho quyết tâm tạo dựng một “hệ sinh thái” song song giữa thi công và đầu tư của FECON, nhằm tiến tới mục tiêu trở thành Nhà thầu, nhà đầu tư uy tín sở hữu năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm. Công ty tiếp tục mảng đầu tư dự án năng lượng xanh, khu công nghiệp xanh và khu đô thị sinh thái. Ngày 30/1/2021, Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng do FECON Invest cùng liên danh Ecotech làm chủ đầu tư đã chính thức được công nhận vận hành thương mại (COD) sau hơn 1 năm triển khai. Nhà máy có công suất giai đoạn 1 là 30MW, tổng mức đầu tư hơn 1.420 tỷ đồng trên diện tích quy hoạch 7,5 ha trên đất liền, gồm 6 trụ turbine gió. Khi đi vào hoạt động, nhà máy sẽ cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia với sản lượng khoảng 97,5 triệu kWh/năm. Bên cạnh các dự án tại Bình Thuận, Gia Lai, Bình Phước trong lĩnh vực năng lượng sạch, FECON vẫn tiếp tục theo đuổi và phát triển các dự án bất động sản công nghiệp tại Thái Nguyên, Bắc Giang và các dự án bất động sản đô thị tại Hưng Yên, Bắc Ninh, Đồng Tháp.

Khép lại năm 2021, FECON thực hiện thành công việc chào bán 32 triệu cổ phiếu cho hai nhà đầu tư là Quỹ đầu tư hạ tầng Red One và Công ty CP Raito Kogyo, góp phần tăng vốn điều lệ của FECON từ 1.254 tỷ đồng lên 1.574 tỷ đồng. Hai nhà đầu tư này được xem là hai mảnh ghép hoàn hảo cho FECON thực hiện thành công chiến lược 2020-2025.

2021 cũng là năm ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ của cổ phiếu FECON - FCN, từ mức 10.000 đồng (tính theo giá điều chỉnh) lên trên 30.000 đồng.

Những tin vui này không chỉ góp phần gia tăng tiềm lực tài chính của FECON, giúp công ty có thể thực hiện các kế hoạch phát triển doanh nghiệp mà còn cho thấy FECON đang ngày càng chiếm lĩnh lòng tin, trở thành đối tác tin cậy của các nhà đầu tư và cổ đông.

Năm 2021 là một năm khó quên đối với thế giới, Việt Nam cũng như FECON khi đại dịch Covid quét qua và để lại nhiều hậu quả vô cùng nặng nề. Trong năm 2021, với sự điều hành linh hoạt, ứng phó nhanh nhạy của ban lãnh đạo và sự đồng lòng của tập thể cán bộ nhân viên, FECON tiếp tục đứng vững giữa cơn bão Covid và sẵn sàng tâm thế bứt phá mạnh mẽ trong năm 2022.

Năm 2022, FECON phấn đấu đạt kế hoạch tăng trưởng về doanh thu với 5.000 tỷ đồng – tăng 44%, lợi nhuận sau thuế đạt 280 tỷ đồng – tăng 296 % so với cùng kỳ năm trước. Đây là một thử thách không hề nhỏ cho FECON nhưng chúng ta tin rằng, với sự đồng lòng của quý cổ đông, cùng sự đoàn kết, đồng tâm nhất trí của BLĐ FECON cũng như toàn thể 1.500 cán bộ công nhân viên công ty, FECON sẽ mạnh mẽ, bứt phá thành công trong năm 2022.

*Trân trọng cảm ơn các quý vị Cổ đông và toàn thể anh chị em cán bộ, nhân viên FECON.*

T/M Hội đồng quản trị  
Chủ tịch HĐQT



PHẠM VIỆT KHOA

# Mục lục

## PHẦN 01



### THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

## PHẦN 02



### DẤU ẤN NĂM 2021

- 10. Các con số ấn tượng 2021
- 12. Chỉ số kinh doanh tiêu biểu
- 14. Dấu ấn FECON 2021

# PHẦN 03



## VỮNG CHẮC NỀN MÓNG

- 20. Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh
- 22. Lịch sử phát triển công ty
- 24. Sơ đồ tổ chức tập đoàn
- 26. Các đơn vị thành viên
- 28. Mô hình tổ chức và nhân sự
- 30. Hội đồng quản trị
- 34. Ban Điều hành
- 38. Ban Kiểm soát
- 40. Chính sách nhân sự

# PHẦN 04



## SẴN SÀNG BỨT PHÁ

- 44. Báo cáo hoạt động kinh doanh
- 44. Báo cáo của Ban điều hành
- 48. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Hoạt động của công ty
- 54. Báo cáo của ban kiểm soát
- 60. Quản trị rủi ro
- 62. Báo cáo phát triển bền vững

# PHẦN 05



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 68. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 70. Báo cáo kiểm toán độc lập
- 72. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 74. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 75. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 76. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

# PHẦN 02

---

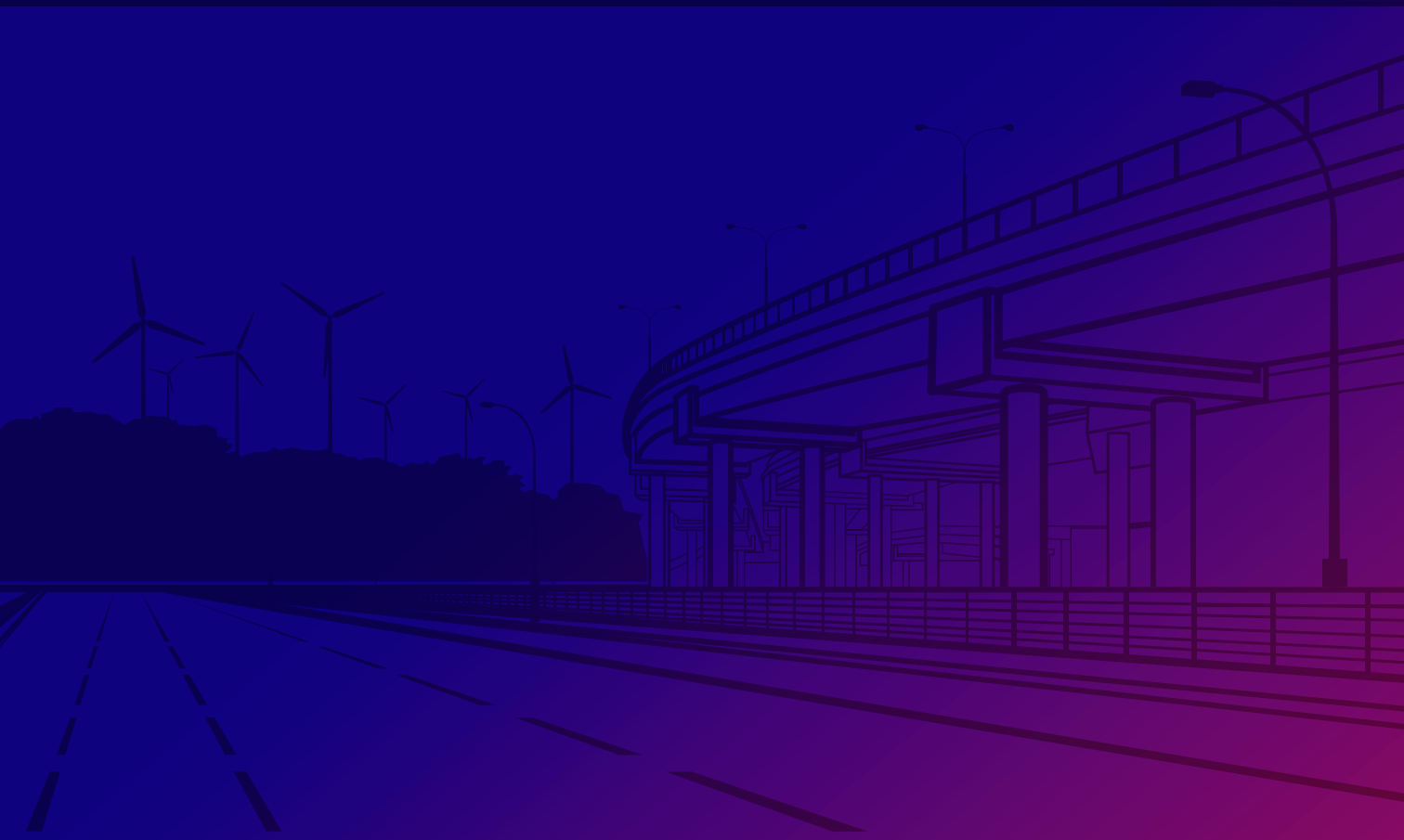




# DẤU ẤN CỦA NĂM

---

Những con số ấn tượng năm 2021	- 10
Chỉ số kinh doanh tiêu biểu	- 12
Dấu ấn FECON 2021	- 14



# NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG NĂM 2021



**2.929** TỶ ĐỒNG  
VỐN CHỦ SỞ HỮU



**7.496** TỶ ĐỒNG  
TỔNG TÀI SẢN



**3.484** TỶ ĐỒNG

DOANH THU



**71** TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ



**1.574** TỶ ĐỒNG

VỐN ĐIỀU LỆ



**1.569**

CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

## CHỈ SỐ KINH DOANH TIÊU BIỂU

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

KẾT QUẢ HĐKD	2017	2018	2019	2020	2021
Doanh thu	2.320	2.846	3.092	3.154	3.484
Lợi nhuận gộp	337	428	434	473	470
Lợi nhuận trước thuế	222	306	277	168	110
LN sau thuế	178	249	212	133	71
LN thuộc về cổ đông công ty mẹ	167	246	201	119	68

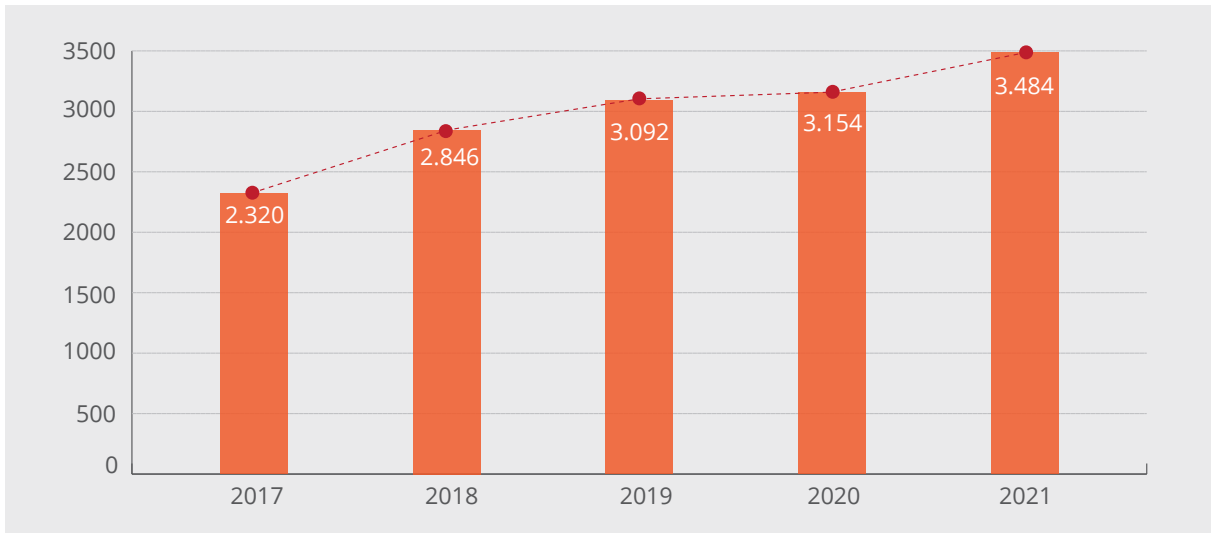
(Đơn vị tính: tỷ đồng)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng tài sản	3.838	4.723	5.647	6.780	7.496
Tài sản ngắn hạn	2.857	3.651	4.502	5.557	5.063
Tài sản dài hạn	981	1.072	1.146	1.223	2.433
Nợ ngắn hạn	1.798	2.172	2.804	3.896	3.365
Nợ dài hạn	652	617	388	381	1.201
Vốn chủ sở hữu	1.387	1.934	2.456	2.503	2.929
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	231	130	256	288	275

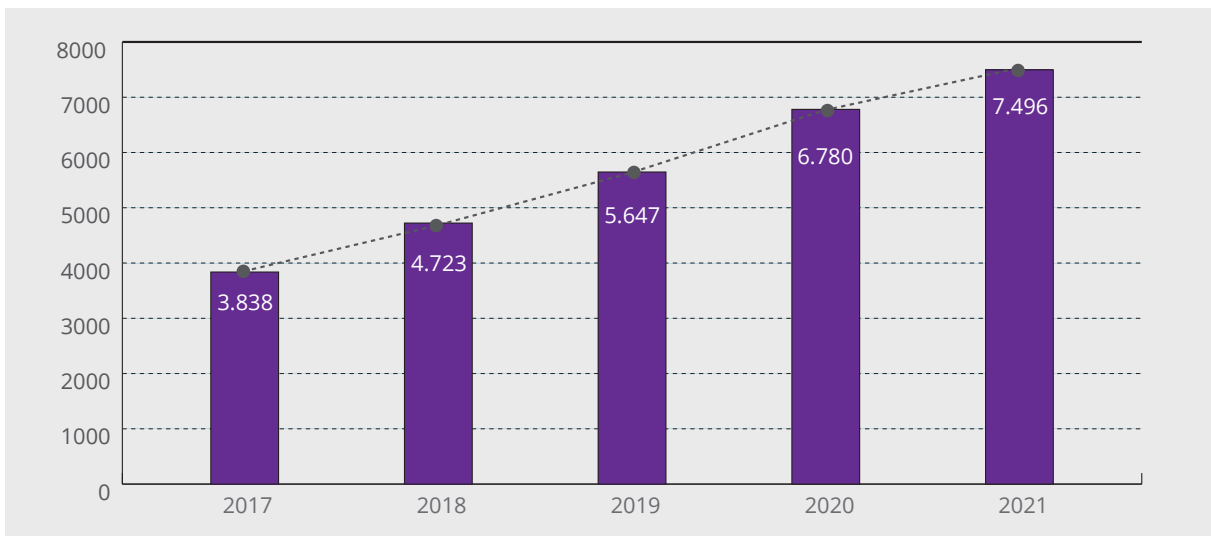
Tỷ lệ lợi nhuận	2017	2018	2019	2020	2021
Doanh thu/Tổng tài sản	60%	60%	55%	47%	46%
Tỷ lệ lãi gộp/ Doanh thu	15%	15%	14%	15%	13%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	10%	11%	9%	5%	3%
Tỷ lệ lợi sau thuế/ Doanh thu	8%	9%	7%	4%	2%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	14%	15%	10%	5%	3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	5%	6%	4%	2%	1%

Thanh khoản	2017	2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ thanh toán hiện hành	1,59	1,68	1,61	1,43	1,50
Tỷ lệ thanh toán nhanh	1,35	1,44	1,36	1,16	1,01
Đòn bẩy tài chính	2017	2018	2019	2020	2021
Nợ/ VCSH	1,77	1,44	1,30	1,71	1,56
Tổng tài sản/VCSH	2,77	2,44	2,30	2,71	2,56
VỐN ĐIỀU LỆ	2017	2018	2019	2020	2021
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	543	943	1.195	1.254	1.574

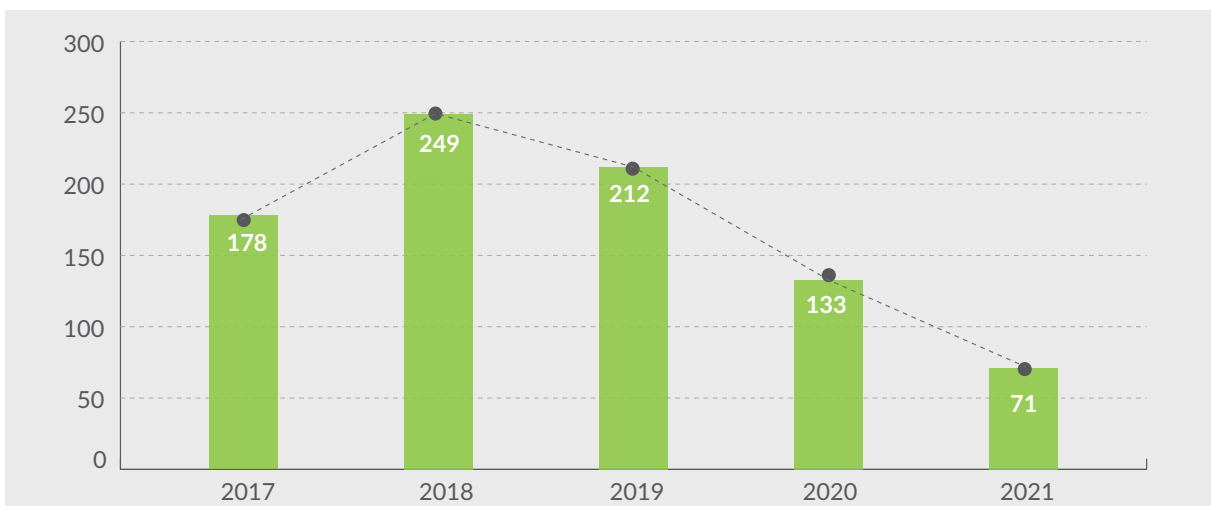
Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)



Tổng tài sản (tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



# DẤU ẤN FECON 2021

## GIỮ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG DƯƠNG TRƯỚC KHỦNG HOẢNG “KÉP”, TĂNG 4 BẬC TRÊN BẢNG XẾP HẠNG TOP 10 NHÀ THẦU XÂY DỰNG UY TÍN NĂM 2021

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây lắp nói riêng khi vừa phải đối mặt với những tác động của đại dịch Covid-19, vừa phải chống đỡ “con bão giá” nguyên vật liệu xây dựng chưa từng thấy. Đây được coi là “phép thử” sức đề kháng, sự linh hoạt và nhạy bén cho các doanh nghiệp. Nối tiếp đà tăng trưởng năm 2020, FECON tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2021 với những chỉ số tăng trưởng dương. Kết quả kinh doanh tích cực từ các Quý đã mang về cho FECON 3.484 tỷ đồng doanh thu trong năm 2021, tăng trưởng 10% trong bối cảnh đầy khó khăn và thách thức.

Năm 2021 cũng là lần thứ 4 liên tiếp FECON lọt Top 10 nhà thầu xây dựng uy tín với vị trí thứ 6 trên bảng xếp hạng, tăng 4 bậc so với năm 2020.

Những thành quả đạt được cho thấy vị thế FECON ngày càng được khẳng định trên thị trường xây dựng, đồng thời minh chứng những bước đi đúng đắn của lãnh đạo doanh nghiệp trong chiến lược phát triển.



## PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG 32 TRIỆU CỔ PHIẾU, Củng cố NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Khép lại năm 2021, FECON thực hiện thành công việc chào bán 32 triệu cổ phiếu cho hai nhà đầu tư Quý đầu tư hạ tầng Red One và Công ty CP Raito Kogyo, góp phần tăng vốn điều lệ của FECON từ 1.254 tỷ đồng lên 1.574 tỷ đồng. Hai nhà đầu tư này được xem là hai mảnh ghép hoàn hảo cho FECON thực hiện thành công chiến lược 2020-2025, trong khi Raito Kogyo là nhà đầu tư cùng ngành sở hữu các công nghệ hàng đầu Nhật Bản về nền móng, công trình ngầm và hạ tầng, thì Red One là mảnh ghép mạnh về tài chính sở hữu mạng lưới đối tác tài chính quốc tế hùng hậu.

2021 là năm ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ của cổ phiếu FECON - FCN, từ mức 10.000 đồng (tính theo giá điều chỉnh) lên trên 30.000 đồng.

Những tin vui này không chỉ góp phần gia tăng tiềm lực tài chính của FECON, giúp Công ty có thể thực hiện các kế hoạch phát triển doanh nghiệp mà còn cho thấy FECON đang ngày càng chiếm lĩnh lòng tin, trở thành đối tác tin cậy của các nhà đầu tư và cổ đông.

## DẤU ẤN TỔNG THẦU TẠI CÁC DỰ ÁN LỚN

Về đích loạt gói thầu CBoP mảng Xây dựng công nghiệp: Năm 2021, với việc hoàn thành đúng tiến độ hạng mục xây dựng móng trụ turbine và hạ tầng trong vai trò tổng thầu CBoP, FECON đã góp phần đưa hàng loạt dự án điện gió kịp vận hành thương mại (COD) trước mốc 31/10 để hưởng ưu đãi giá FIT. Các dự án FECON đảm nhiệm hầu hết là các dự án quy mô lớn, có địa hình thi công phức tạp và đòi hỏi gặt gao về tiến độ thi công. Dấu ấn này tiếp tục khẳng định năng lực thi công của FECON trong mảng xây dựng công nghiệp, nhằm hướng tới mục tiêu trở thành tổng thầu mảng xây dựng công nghiệp và xây dựng hạ tầng, trên cơ sở phát huy năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm.

Nổi bật trong các gói thầu điện gió mà FECON đã hoàn thiện trong năm 2021 là tại Cụm trang trại điện gió B&T Quảng Bình - một trong những trang trại điện gió trên bờ lớn nhất Việt Nam hiện nay với tổng công suất 252 MW, bao gồm 60 turbine. Đây cũng là dự án điện gió có giá trị trúng thầu lớn nhất của FECON khi liên tiếp trúng nhiều gói thầu với tổng trị giá 1.392 tỷ đồng, đảm nhiệm vai trò tổng thầu thi công toàn bộ móng trụ turbine và 60 km đường giao thông nội bộ, cung cấp nhân công lắp ráp turbine điện gió.

Trong khi đó, Điện gió Trà Vinh V1-2 là dự án điện gió nearshore (gần bờ) đầu tiên FECON thử sức, đảm nhiệm thi công 12 móng trụ turbine, hệ cầu dẫn tại dự án với

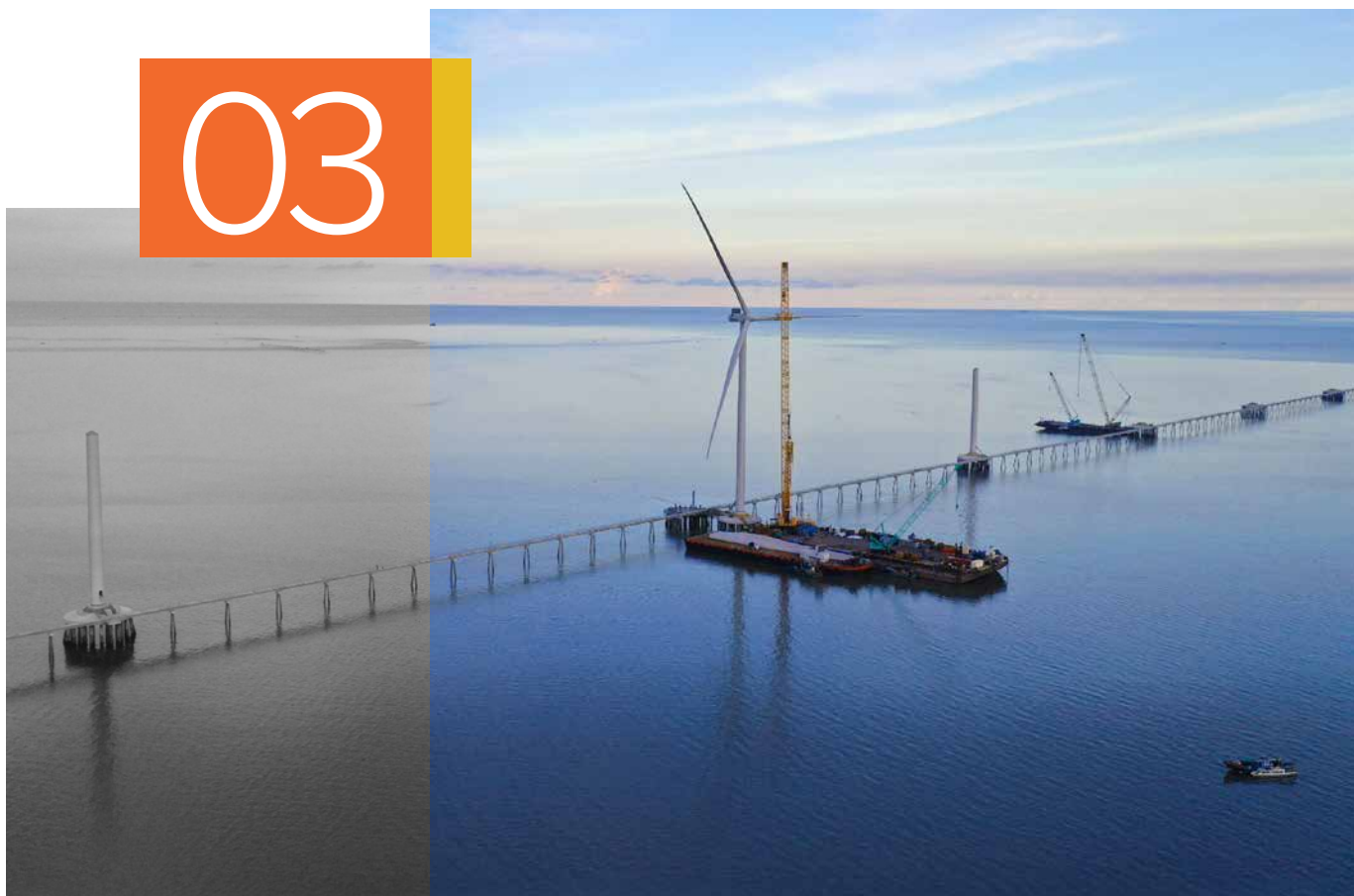
tổng chiều dài gần 4km, nối từ đất liền đến các turbine gió. Do đặc thù thi công trên biển, công tác vận chuyển thiết bị và thi công gặp nhiều khó khăn nhưng các hạng mục công việc vẫn về đích đúng tiến độ.

Ngoài ra, FECON còn đảm nhiệm vai trò tổng thầu CBoP tại các dự án Điện gió Thái Hòa (90MW), tổng thầu EBoP tại Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (30MW),...

Ghi dấu tại Dự án giao thông trọng điểm Thủ đô: Hàm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3 là dự án giao thông trọng điểm của Thủ đô, do FECON cùng các liên danh đảm nhiệm vai trò tổng thầu. Sau hơn 1 năm thi công, các hạng mục do FECON phụ trách được triển khai đúng lộ trình. Với tiến độ hiện tại, Dự án có thể hoàn thành vào tháng 10/2022 theo dự kiến ban đầu, giúp giải quyết xung đột, ùn tắc tại nút giao Lê Văn Lương - Vành đai 3.

Cốt nóc vượt tiến độ tại gói tổng thầu mảng xây dựng dân dụng: Công ty cổ phần FECON trúng gói thầu thi công tòa nhà điều hành và nghiên cứu A9 (30 tầng) thuộc trường Đại học Phenikaa, đảm nhiệm thi công xây dựng toàn bộ phần hầm, kết cấu thân - kiến trúc, M&E với quy mô 30 tầng nổi và 1 tầng hầm, diện tích sàn 4 tầng khối đế là 1500m<sup>2</sup>, 26 tầng điển hình là 800m<sup>2</sup>.

Mặc dù phải tạm dừng thi công gần 2 tháng theo Chỉ thị 17, đầu tháng 12/2021, Dự án đã hoàn thành triển khai cốt nóc, nhanh hơn kế hoạch đề ra 15 ngày, chứng minh năng lực thi công, quản lý dự án của FECON trong lĩnh vực xây dựng nói chung, xây dựng dân dụng nói riêng.





## BƯỚC TIẾN MỚI TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ: VẬN HÀNH THƯƠNG MẠI DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ QUỐC VINH SỐC TRĂNG

Đầu năm 2021, Công ty Cổ phần đầu tư FECON (FECON INVEST) được thành lập là minh chứng cho quyết tâm tạo dựng một “hệ sinh thái” song song giữa thi công và đầu tư của FECON, nhằm tiến tới mục tiêu trở thành Nhà thầu, nhà đầu tư uy tín sở hữu năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm. Công ty tiếp tục mẫn đầu tư dự án năng lượng xanh, khu công nghiệp xanh và khu đô thị sinh thái.

Ngày 29/10/2021, Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng do FECON Invest cùng liên danh Ecotech làm chủ đầu tư đã chính thức được công nhận vận hành thương mại (COD) sau hơn 1 năm triển khai. Nhà máy có công suất giai đoạn 1 là 30MW, tổng mức đầu tư hơn 1.420 tỉ đồng trên diện tích quy hoạch 7,5 ha trên đất liền, gồm 6 trụ turbine gió. Khi đi vào hoạt động, nhà máy sẽ cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia với sản lượng khoảng 97,5 triệu kWh/năm.

Cột mốc quan trọng này không chỉ giúp dự án chính thức được hưởng ưu đãi giá FIT theo quyết định của Chính Phủ trong việc phát triển năng lượng tái tạo mà góp phần nối dài danh mục dự án đầu tư của FECON nói chung và các dự án năng lượng sạch nói riêng. Điểm chung của các dự án là đều được phát triển vì mục tiêu ích nước lợi nhà, không chỉ góp phần phát triển doanh nghiệp mà còn góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của các địa phương và đất nước, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.





## LỢT TOP 50 THƯƠNG HIỆU TUYỂN DỤNG YÊU THÍCH: TẠO DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC AN TOÀN - BỀN VỮNG - HẠNH PHÚC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

“Con người là tài sản quý giá nhất” luôn là kim chỉ nam của FECON từ khi thành lập đến nay. Triết lý này càng được khẳng định rõ nét trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát.

Năm 2021, nhằm bảo đảm an toàn sức khỏe cho người lao động, FECON đã sớm chủ động tìm kiếm nguồn vaccine và tổ chức tiêm cho CBCNV trên toàn hệ thống. Theo đó, hầu hết người lao động FECON đã được tiêm đủ 2 mũi vaccine theo chương trình tiêm chủng tập trung của Tập đoàn.

Hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vẫn được triển khai một cách linh hoạt trong năm 2021. Tiêu biểu nhất là Chương trình FECON Leader Foundation 2021 (FLF 2021) được thiết kế dành riêng cho quản lý cấp trung của FECON - một trong những chiến lược phát triển nguồn nhân lực công ty, nhằm mang đến những tri thức quản trị tinh hoa, vừa giúp học viên nâng cao năng lực/tư duy quản lý, vừa có thể áp dụng để giải quyết các vấn đề hiện có của công ty.

Bên cạnh đó, FECON cũng giúp người lao động yên tâm làm việc bằng cách duy trì chính sách chi trả lương và phúc lợi đầy đủ.

Với những nỗ lực tạo dựng cho người lao động, FECON đã đạt được nhiều giải thưởng giá trị trong lĩnh vực tuyển dụng nhận sự, tiêu biểu như Top 6 “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021” ngành Xây dựng/Kiến trúc, Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn...

# 05



# 06



## ĐỒNG HÀNH CÙNG CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI Ý NGHĨA, LAN TỎA VĂN HÓA CỐNG HIẾN TỚI THẾ HỆ TRẺ

Mặc dù đại dịch Covid-19 kéo dài gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của FECON, tuy nhiên Tập đoàn vẫn thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua việc đồng hành cùng các địa phương bằng các hoạt động thiết thực tổ chức như: Chương trình thăm khám, cấp phát thuốc miễn phí và tặng quà cho người dân tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Chung tay vào công tác phòng, chống dịch tại tỉnh Bắc Giang; Ủng hộ người dân chịu ảnh hưởng của bão lũ tại tỉnh Quảng Bình, chương trình tình nguyện “Áo ấm mùa đông” tại huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang...

Bên cạnh đó, FECON còn đồng hành cùng ban nhạc Bức Tường trong liveshow “Trở về”, để cùng lan tỏa nhiều hơn nữa nguồn năng lượng tích cực tới cộng đồng, truyền cảm hứng đến giới trẻ - Hãy dám mơ ước, sống lạc quan và cống hiến nhiều hơn nữa những điều tốt đẹp cho cuộc đời này, chúng ta sẽ nhận lại muôn vàn yêu thương. Với FECON, doanh nghiệp luôn hướng đến việc phát triển thế hệ trẻ, để khơi dậy niềm đam mê cũng như tinh thần sống tích cực. Trước đó, từ năm 2013-2017, FECON đã đồng hành cùng liên đoàn Võ cổ truyền Việt Nam, với mong muốn góp phần gìn giữ phát huy bản sắc dân tộc, cổ vũ phong trào đào tạo Võ cổ truyền trong nhà trường như một môn thể thao được ưa thích của giới học sinh, sinh viên. Thông qua đó, thế hệ trẻ Việt Nam sẽ rèn luyện được cho mình bản lĩnh chiến đấu, vượt qua khó khăn trong mọi hoàn cảnh để tự lập và phát triển bền vững.

# PHẦN 03



# VỮNG CHẮC NỀN MÓNG

Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh	- 20
Lịch sử phát triển công ty	- 22
Sơ đồ tổ chức tập đoàn	- 24
Các đơn vị thành viên	- 26
Mô hình tổ chức và nhân sự	- 28
Hội đồng quản trị	- 30
Ban Điều hành	- 34
Ban Kiểm soát	- 38
Chính sách nhân sự	- 40





## TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2025.



## SỨ MỆNH

FECON không ngừng học hỏi, sáng tạo nhằm mang đến giá trị bền vững cho xã hội thông qua các hoạt động xây dựng và đầu tư dự án.





## TRIẾT LÝ KINH DOANH FECON

- Mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là: ích nước – lợi nhà;
- Mọi sản phẩm và dịch vụ dù là lớn hay nhỏ luôn làm thỏa mãn khách hàng;
- Chất lượng, hiệu quả, đúng hẹn để khắc ghi ấn tượng “Chuyên nghiệp” trong tâm thức của khách hàng;
- Tài sản quan trọng nhất của Công ty là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập;
- Văn hoá doanh nghiệp là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng;
- Học tập, rèn luyện không ngừng để đổi mới và thích nghi là trách nhiệm của Công ty và của mỗi thành viên FECON.

# CÁC DẤU MỐC LỊCH SỬ

## 2004 – 2006

- ✓ Ra đời ngày **18/6/2004**
- ✓ Khởi đầu bằng nghề ép cọc tại các dự án: Big C, Melinh Plaza và Siêu thị Metro 2
- ✓ Bắt đầu tham gia các dự án của nước ngoài, đặc biệt là các dự án Nhật Bản
- ✓ **93 nhân sự**

## 2007 – 2008

- ✓ Áp dụng công nghệ sản xuất cọc mang Thương hiệu FECON Pile tại Nhà máy FECON Pile (Hà Nam)
- ✓ Áp dụng công nghệ ép cọc bằng robot
- ✓ FECON Mining – Nhà máy sản xuất cọc – là công ty con đầu tiên ra đời
- ✓ **407 nhân sự**

## 2009 – 2011

- ✓ Áp dụng công nghệ xử lý nền bằng phương pháp cố kết chân không
- ✓ Thành lập thêm 2 công ty con: FECON GH, Viện Nền móng và Công trình ngầm
- ✓ Lần đầu tiên tổ chức Hội nghị quốc tế GEOTEC Hà Nội, gây tiếng vang lớn và định kỳ tổ chức vào các năm 2013, 2016, 2019 sau đó
- ✓ **748 nhân sự**

## 2012 – 2014

- ✓ Thành lập FECON Nghi Sơn, FCI, FCU
- ✓ Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán với mã giao dịch: FCN
- ✓ Dự án đầu tư đầu tiên: BOT Quốc lộ 1 – Đoạn tránh TP. Phủ Lý
- ✓ 6 công ty thành viên
- ✓ **1.330 nhân sự**

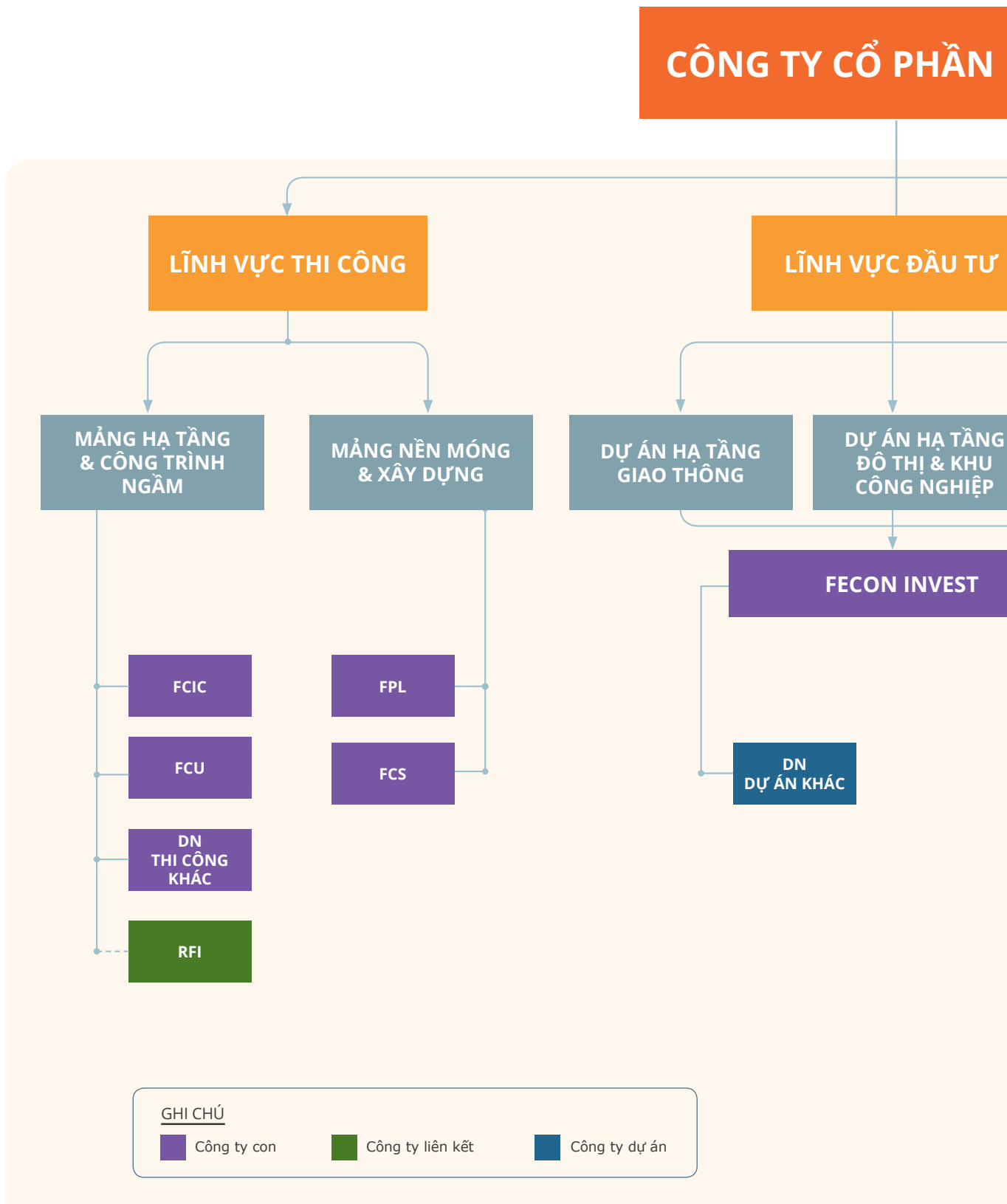
## 2015 – 2017

- ✓ Đổi tên thành Công ty CP FECON
- ✓ Thành lập FECON Rainbow (Myanmar), FCS, RFI
- ✓ Công ty VN đầu tiên hoàn tất việc chuyển nhượng 20% cổ phần cho đối tác nước ngoài (Nexco, Jexway - Nhật Bản) tại dự án BOT Phủ Lý
- ✓ Nhà thầu VN đầu tiên vận hành robot khoan hầm TBM tại dự án Metro Line 1 TPHCM
- ✓ 9 công ty thành viên
- ✓ **1.856 nhân sự**

## 2018 – 2021

- ✓ Khởi công Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 và bắt đầu dự án đầu tư đầu tiên ở mảng năng lượng
- ✓ Ra đời chiến lược kinh doanh mới theo 5 lĩnh vực chính
- ✓ Thành lập FCPL1, FDB, FECON Trung Chính (Myanmar) và FPL, FMS
- ✓ Rút vốn khỏi nhà máy sản xuất cọc tại Hà Nam
- ✓ 23 công ty thành viên
- ✓ **1.569 nhân sự**

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TẬP ĐOÀN



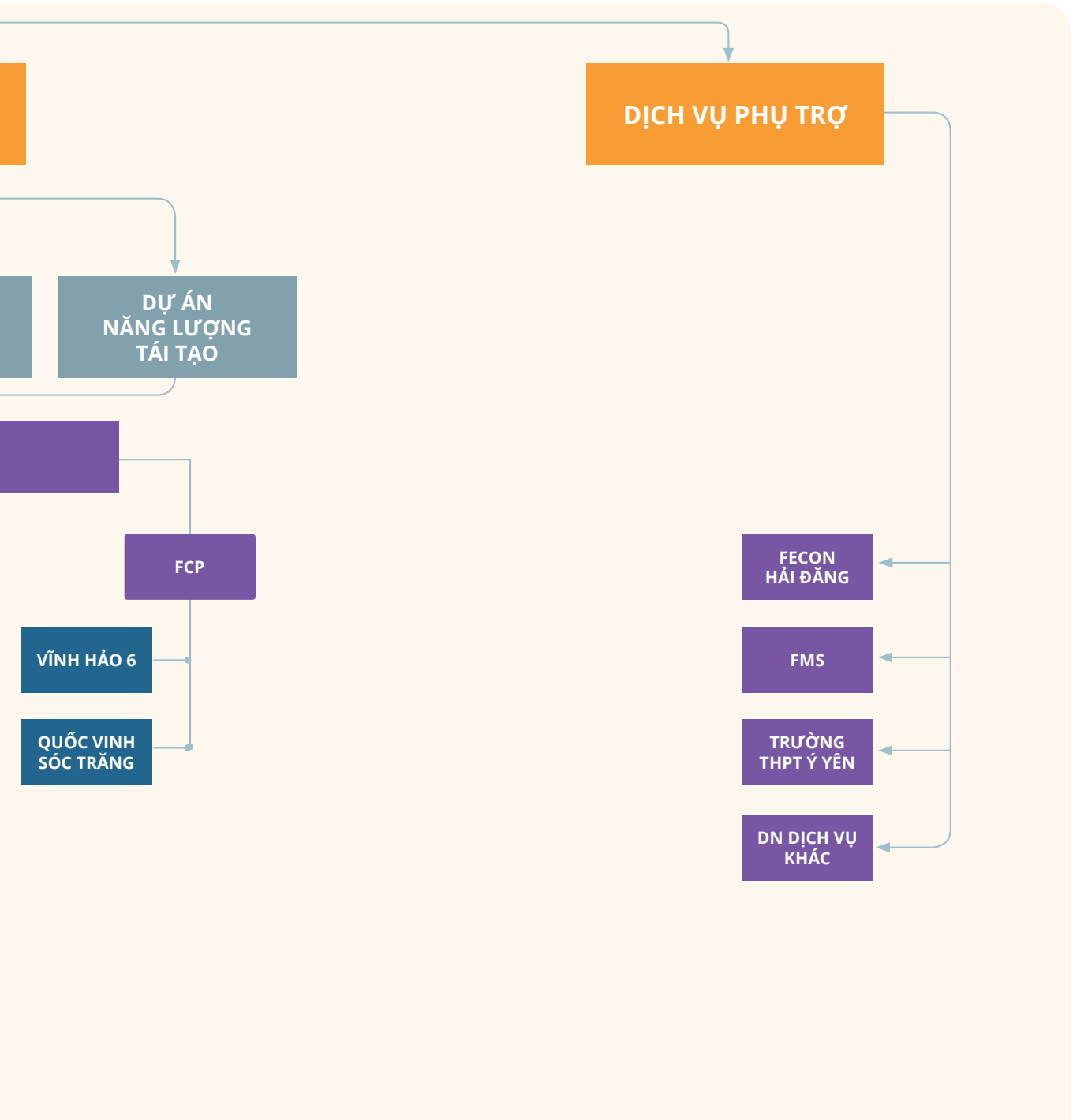
**GHI CHÚ**

■ Công ty con

■ Công ty liên kết

■ Công ty dự án



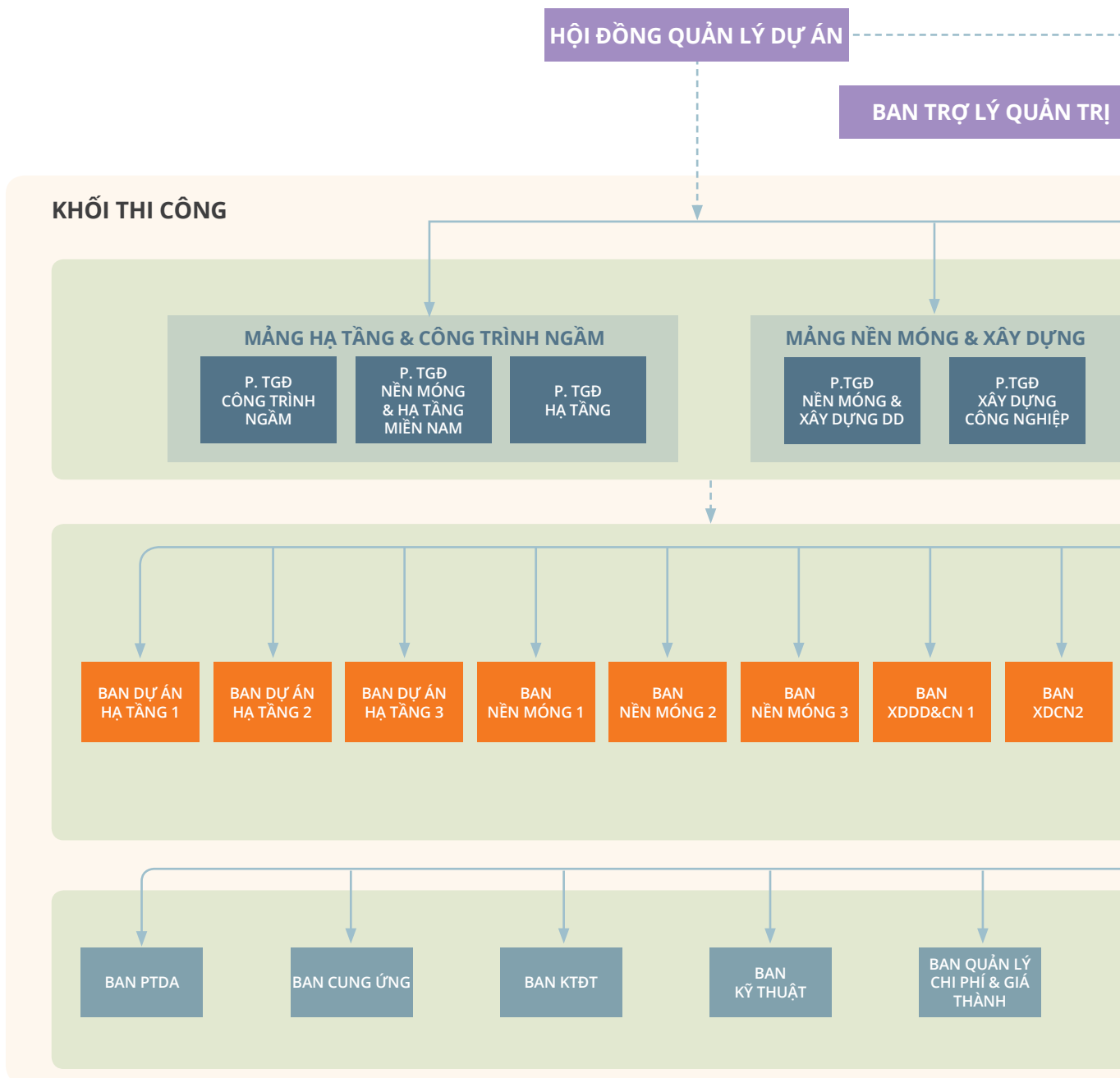




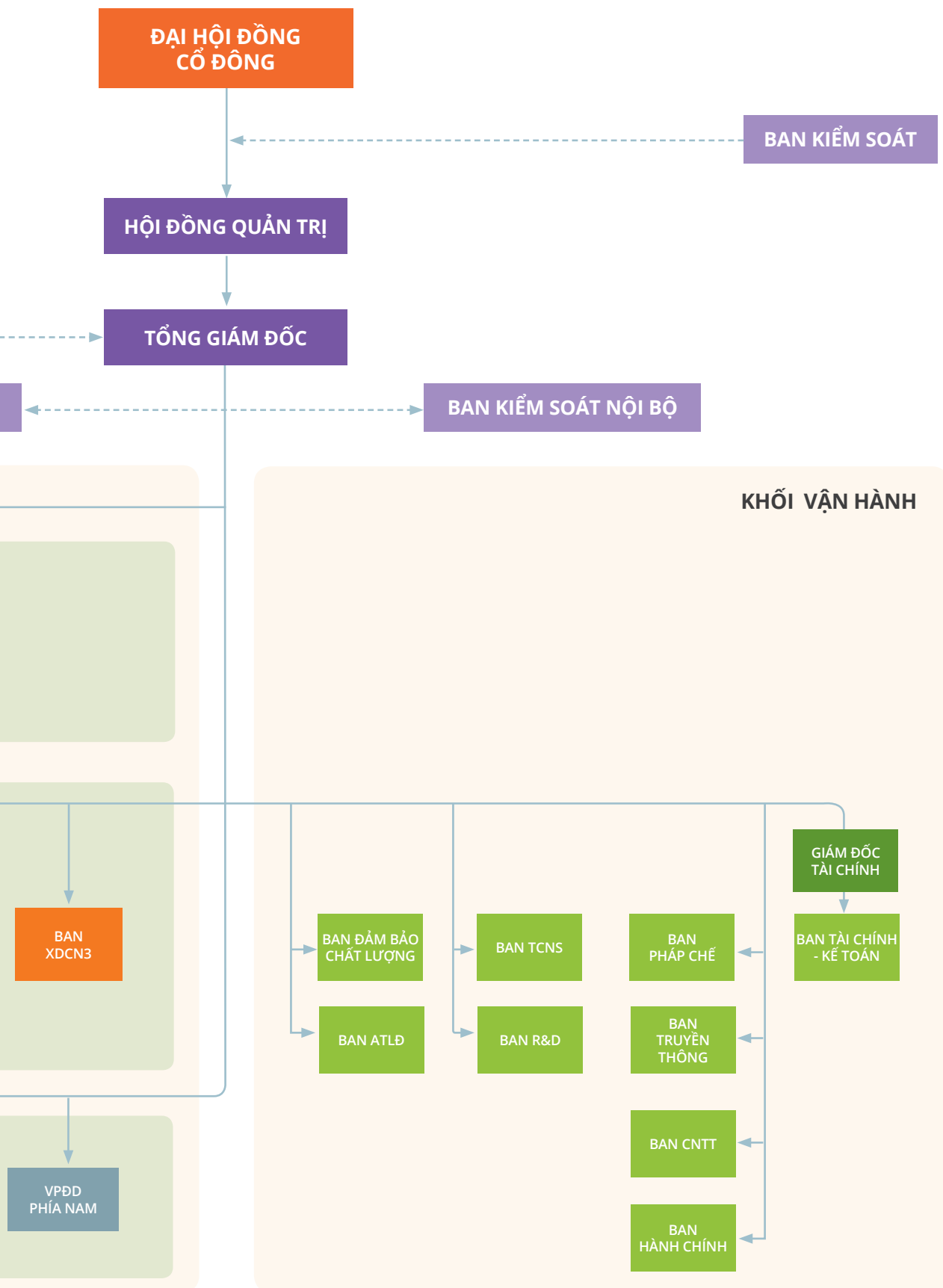
CÁC ĐƠN VỊ  
THÀNH VIÊN

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN NĂM GIỮ	QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH
<b>I Đầu tư vào các Công ty con</b>						
1	Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần công trình ngầm FECON)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	99,93%	99,93%	94,12%
2	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm	99,89%	99,89%	99,89%
3	Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc	99,89%	99,89%	99,89%
4	Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần thi công cọc và xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	99,94%	99,94%	99,94%
5	FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
6	Công ty CP Xây dựng Hạ tầng FECON (trước là Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
7	Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (trước là Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON)	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
9	Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	57,90%	57,90%	57,90%
10	Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
11	Công ty CP Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Đầu tư FECON)	Hà Nội	Đầu tư các dự án năng lượng tái tạo	99,99%	99,99%	91,87%
12	Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	97,22%	97,22%	88,01%
13	FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%
14	Công ty CP Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	99,99%	99,99%	96,59%
15	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	99,99%	99,99%	95,85%
16	Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	100%	100%	100%
17	Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng và bán bê tông	100%	100%	99,56%
18	Công ty CP FECON Miltec (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Xây dựng Hạ tầng FECON)	Long An	Sản xuất sản phẩm từ plastic như bắc thềm, vải địa kỹ thuật và các sản phẩm khác từ plastic.	50,29%	50,29%	50,07%
19	Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (Tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Đầu tư Năng lượng Ecotech Việt Nam)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.	90,00%	90,00%	90,00%
<b>II Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>						
1	Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6		Sản xuất điện	40%	40%	40%
2	Công ty CP Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Hà Nội	Thi công xây dựng	49%	49%	28,4%
3	Công ty CP Hạ tầng Omega Fortune	Hà Nội	Thi công xây dựng	49,10%	49,10%	49,10%
4	Công ty CP Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	48,83%	48,83%	48,83%

# MÔ HÌNH TỔ CHỨC & NHÂN SỰ



**GHI CHÚ**  
 Tham mưu ←-----→      ————— Quản lý trực tiếp —————→



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### **Ông PHẠM VIỆT KHOA** **Chủ tịch HĐQT**

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sĩ ngành Cơ học đất, Nền móng  
và Công trình ngầm; Thạc sĩ Quản trị  
Kinh doanh.

#### **1994 - 1998**

Công tác tại Công ty xây dựng số 20 (LICOGI 20).

#### **1999 - 2003**

Công tác tại Công ty Tư vấn và Thiết kế cầu lớn hầm (BRITEC).

#### **2003 - 2004**

Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng FECON.

#### **2004 - 2015**

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc (sau là Tổng Giám đốc) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

#### **2016 đến nay**

Ông là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FECON.

Ông được vinh danh trong Top 10 Doanh nhân tiêu biểu của Việt Nam (giải thưởng Sao Đỏ) năm 2014.



### **Ông HÀ THẾ PHƯƠNG** **P. Chủ tịch HĐQT**

Sinh năm 1954. Quốc tịch Việt Nam.  
Kỹ sư CNTT - Đại học Bách khoa Hà Nội.

#### **1977 - 1987**

Giảng viên Khoa Toán, Lý Trường CĐ sư phạm Nam Định.

#### **1987 - 1995**

Quản lý lao động tại Nhà máy Dệt Donhet thuộc Liên Xô cũ.

#### **2000 - 2004**

Giảng viên Trường trung cấp Công nghệ Hà Nội.

#### **2004 - 2008**

Giám đốc Trung tâm thí nghiệm FECON.

#### **2008 - 2009**

Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.

#### **2009 - 2010**

Phó Giám đốc Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.

#### **5/2010 - 2014**

Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Khoáng sản FECON.

#### **Hiện nay**

Ông là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FECON.



**Ông TRẦN TRỌNG THẮNG**  
**P. Chủ tịch Thường trực HĐQT**

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam.  
Kỹ sư Địa chất công trình - Địa kỹ thuật.  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học  
Khoa học Ứng dụng Northwestern (Thụy Sĩ).

**1994 - 2002**

Công tác tại Công ty Xây dựng 20 – LICOGI 20.

**2002 - 2004**

Công tác tại Công ty Tư vấn Thiết kế Công nghiệp & Đô thị  
VCC - Bộ Xây dựng.

**2004 - 2014**

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần  
Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

**2014 - 2017**

Quyền Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần  
FECON.

**2017 - 2018**

Ông được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm  
Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON.

**11/2018 - nay**

Ông là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty CP FECON.



**Ông HÀ THẾ LỘNG**  
**Ủy viên HĐQT**

Sinh năm 1953. Quốc tịch Việt Nam.  
Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm kỹ thuật -  
Điện Xí nghiệp.

**1983 - 1987**

Quản đốc phân xưởng mạ Công ty Điện cơ thống nhất.

**1987 - 1991**

Quản lý lao động tại NM dệt Cherocatsu thuộc Liên Xô (cũ).

**2004 - 2007**

Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và  
Công trình ngầm FECON.

**2007 - 2010**

Giám đốc Công ty TNHH Cọc bê tông Dự ứng lực FECON.

**2010 - 2014**

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.

**11/2018 - nay**

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị FECON

**Hiện nay**

Ông là Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON.

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)



**Ông SATOYUKI YAMANE**  
Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1967. Quốc tịch Nhật Bản.  
Cử nhân Kinh tế

**1991 - 2018**

Trưởng Phòng Phát triển kinh doanh, Giám đốc phát triển kinh doanh, Giám đốc Kế hoạch kinh doanh tại Raito Kogyo Co., Ltd,

**2018 - nay**

Giám đốc Khối nước ngoài tại Raito Kogyo Co., Ltd

**4/2019 - nay**

Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON



**Ông NGUYỄN SONG THANH**  
Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sĩ Địa chất công trình tại Đại học Mở  
địa chất Hà Nội.

**1996 - 06/2003**

Kỹ sư địa chất công trình tại Công ty Tư vấn khảo sát thiết kế hàng không.

**2003 - 2011**

Phó Giám đốc Xí nghiệp khảo sát Xây dựng, Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.

**11/2011 - 05/2012**

Phó Giám đốc Xí nghiệp Địa kỹ thuật - Viện Nền móng và Công trình ngầm.

**06/2012 - 12/2013**

Trưởng phòng Địa kỹ thuật - Viện NM và Công trình ngầm.

**01/2014 - 04/2018**

Phó Giám đốc Viện NM và Công trình ngầm (FECON INS)

**04/2018 - 05/2019**

Giám đốc Viện Nền Móng và Công trình ngầm (FECON INS)

**5/2019 - nay**

Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON, Chủ tịch GE



**Ông PHẠM TRUNG THÀNH**  
Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.  
Cử nhân sư phạm hóa học

**1999 - 05/2008**

Giáo viên tại Trường THCS Yên Phú- Ý Yên- Nam Định

**6/2008 - 10/2009**

Trưởng phòng Cung ứng vật tư Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON

**10/2009 - 4/2010**

Quản đốc xưởng Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON

**5/2010 - 12/2014**

Phó Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản FECON

**01/2015 - nay**

Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

**4/2019 - nay**

Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON





**Ông PHÙNG TIẾN TRUNG**  
**Ủy viên HĐQT**

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ xây dựng.

**1995 - 2010**

Công tác tại Công ty Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) - Bộ Xây dựng.

**2010 - 2011**

Giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế hạ tầng - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC).

**2004 - 2015**

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON

**2015 - nay**

Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC), Giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế kết cấu 2 - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC).

**2018 nay**

Ủy viên HĐQT Tổng Công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP (TEDI)



**Ông NGUYỄN HỮU THÁI HÒA**  
**Ủy viên HĐQT**

Sinh năm 1969. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sĩ Ngành Quản trị Kinh doanh  
tại đại học CEIBS

**1994 - 1997**

Kỹ sư Thiết kế nội thất & kiến trúc tại Tập đoàn Thiết kế Eppstadt, Toronto, Canada.

**1997 đến 2001**

Giám đốc Bộ phận Phương pháp & Chất lượng công nghiệp tại Công ty TNHH Schneider Electric Việt Nam.

**2001 đến 2005**

Giám đốc Bộ phận Thí điểm Quốc tế Công ty TNHH Schneider Electric Pháp.

**9/2005 - 2008**

Giám đốc Phương pháp & Hệ thống Chất lượng Giải pháp kinh doanh điện Schneider Hồng Kông - SEBS HK Limited. Bộ phận điều hành châu Á Thái Bình Dương.

**3/2008 - 10/2010**

Cố vấn chất lượng cấp cao của Bộ trưởng Bộ Khoa học & Công nghệ (MOST), Việt Nam.

**1999 - 2009**

Kiểm toán viên trưởng (Chứng nhận Kiểm toán viên quốc tế) Kiểm toán tư vấn trưởng của BVQI).

**1/2011 - 9/2015**

Giám đốc chiến lược tại FPT Group.

**9/2015 - 06/2016**

Giám đốc CTS (Trung tâm khoa học tư duy) Trung tâm khoa học và công nghệ.

**06/2016 - 05/2018**

Phó chủ tịch Hội đồng chiến lược VNPT - Kiêm GD chiến lược.

**6/2017 - nay**

Chủ tịch của iBOSSSES VIETNAM.

**6/2018 - nay**

Giám đốc chiến lược của VN DIRECT VN.

**4/2019 - nay**

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON

## BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông NGUYỄN VĂN THANH**  
**Tổng Giám đốc**

Sinh năm 1980. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ xây dựng tại Đại học công  
nghệ Nanyang (NTU).

**2003 - 2005**

Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà Hà Nội.

**2005 - 2006**

Công tác tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam Lilama.

**2006 - 2009**

Trợ lý Giám đốc dự án - Tập đoàn Kỹ thuật và Xây dựng Kim Seng Heng – Singapore.

**2009 - 2011**

Tư vấn Trưởng dự án – Công ty Tư vấn CPG Singapore Ltd.

**2011 - 2017**

Giám đốc kinh doanh – Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.

**2017**

Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần FECON.

**11/2018 - nay**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.



**Ông NGUYỄN QUỐC BẢO**  
**Phó Tổng giám đốc thường  
trực**

Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ kỹ thuật và công nghệ chuyên  
ngành Xây dựng tại Liên bang Nga (Trường  
Đại Học Quốc Gia Tam Bốp)

**2011 - 2012**

Kỹ sư thiết kế - Công ty VSL Việt Nam

**2012 - 2013**

Phó Giám đốc kế hoạch - Công ty Forio JSC

**2013 - 2018**

Chỉ huy trưởng, Đội trưởng đội QLDA, Trưởng Ban Dự án 2  
Công ty Cổ phần FECON

**2018 đến nay**

Phó Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty  
Cổ phần FECON.



**Ông LÊ QUANG HANH**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm 1978. Quốc tịch Việt Nam.  
Phó Giáo sư ngành Giao thông vận tải, Tiến sĩ Kỹ thuật Trường Đại học Kỹ thuật Tổng hợp Darmstadt (Đức)

**2000 - 2003**

Công tác tại Công ty tư vấn Thăng Long – Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long

**2003 - 2010**

Giảng viên Trường Đại học Giao thông Vận tải

**2006 - 2009**

Trợ lý nghiên cứu – ĐH Technische Universitaet Darmstadt (Đức)

**2011- 2014**

Viện Trưởng Viện Nền móng và Công trình ngầm FECON

**2015 đến nay**

Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.

**4/2017 đến nay**

Phó Tổng Giám đốc Công ty CP FECON



**Ông ĐOÀN LAM TRÀ**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Maastricht school of Management.

**2000 - 2002**

Kỹ sư – Công ty LILAMA 18

**2002 - 2009**

Phó giám đốc Dự án – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam LILAMA

**2001 - 2020**

Trưởng phòng QLDA - Tổng Công ty Xây dựng số 1

**2020 - 2021**

Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần FECON. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON South.

**2019 - 12/2021**

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON

## BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp)



### **Ông NGUYỄN THANH TÙNG** **Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm 1981. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Schidler  
College of Business

#### **2004 - 2005**

Kỹ sư Xây dựng – Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS/CTCI

#### **2005 - 2014**

Kỹ sư Xây dựng Vamed Engineering GMBH & Co.

#### **2015**

Quản lý dự án – Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA

#### **2016 - 2018**

Giám đốc điều hành – Công ty Hạ tầng Econs Việt Nam

#### **10/2018 - 11/2019**

Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng công nghiệp

#### **12/2019 đến nay**

Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng ban Xây dựng công nghiệp 2,  
Trưởng Ban Kỹ thuật Công ty Cổ phần FECON.



### **Ông TẠ CÔNG THANH VINH** **Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Địa chất công trình Trường Gadjah  
Mada ijazah (Indonesia)

#### **2010 - 2013**

Quản lý Kỹ thuật tại Menard SNC

#### **2013 - 2014**

Trưởng phòng Đại diện phía Nam, Chỉ huy trưởng/ GD DA-  
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm  
FECON

#### **2014 - 2016**

Giám đốc kỹ thuật - Công ty Cổ phần FECON

#### **2016 - 2019**

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Giám đốc Công  
ty Cổ phần FECON South

#### **Hiện nay**

Ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON



**Ông ĐỖ MẠNH CƯỜNG**  
**Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.  
Tốt nghiệp ngành Xây dựng cầu hầm –  
Đại học GTVT

**2000 - 2003**

Kỹ sư thiết kế - Công ty CP TVTK Cầu lớn hầm – TEDI

**2003 - 2005**

Kỹ sư cầu – Liên doanh tư vấn Nippon Koei – TEDI

**2005 - 2007**

Trưởng nhóm kỹ sư Việt nam mảng kết cấu Cầu, cống, công trình trên biển.

**08/2007 - 09/2008**

Kỹ sư thiết kế Công ty CP TVTK cầu lớn Hầm – TEDI

**10/2008 – 09/2010**

Phó kỹ sư thường trú (trưởng nhóm kỹ sư Việt nam) – Liên danh tư vấn OC – TEDI – APECO

**09/2010 – 10/2014**

Phó trưởng phòng Cầu 4 – Công ty CP TVTK Cầu lớn Hầm TEDI

**10/2014 – 07/2016**

Trưởng phòng Kinh tế - kỹ thuật – Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC

**07/2016 – 07/2019**

Phó giám đốc – Công ty CP Hạ tầng FECON

**07/2019 – 05/2020**

Giám đốc Công ty CP Hạ tầng và phát triển đô thị FECON

**06/2020 – Nay**

Phó Tổng giám đốc – Công ty CP FECON.



**Bà NGUYỄN THỊ NGHIÊN**  
**Giám đốc Tài chính**

Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sĩ Tài chính tại Đại học Kinh tế quốc dân

**07/2011 - 04/2015**

Phó Phòng kế toán Thống kê Tài chính Công ty viễn thông liên tỉnh.

**05/2015 - 12/2016**

Trợ lý TGD về Tài chính Công ty Cổ phần FECON

**05/2015 - 09/2018**

Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON.

**09/2018 - 08/2019**

Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON

**09/2019 đến nay**

Giám đốc Tài chính, Trưởng Ban Tài chính – Kế toán, Công ty Cổ phần FECON.

# BAN KIỂM SOÁT



**Bà PHẠM THỊ HỒNG NHUNG**  
**Trưởng Ban**

Sinh năm 1980. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ kinh tế ngân hàng và tài chính (MEBF)  
tại CFVG do 2 trường đồng cấp: Trường quản  
lý Châu Âu ESCP Europe  
và Đại học Paris Dauphine.

**2002 - 2004**

Công tác tại Tổng Công ty hợp tác kinh tế Việt Lào.

**2004 - 2007**

Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Tce Vina Denim.

**2007 - 2009**

Giám đốc tài chính – Tập đoàn Hà Thanh Bình, Công ty liên  
doanh Vinastone.

**2009 - 2014**

Giám đốc Công ty liên doanh Vinastone, Tp. Hồ Chí Minh.

**4/2015 đến nay**

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần FECON



**Ông Nguyễn Tiến Thành**  
**Thành viên BKS**

Sinh năm 1991. Quốc tịch Việt Nam.  
Thạc sỹ Kinh tế (chuyên ngành:  
Kế toán) – Học viện Tài chính

**2013 – 2014**

Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài  
chính quốc tế IFC.

**2014 – 2015**

Trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC  
Việt Nam.

**2015 – 2018**

Trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán PKF  
Việt Nam.

**4/2019 đến nay**

Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP FECON



**Ông Trần Công Tráng**  
**Thành viên BKS**

Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam.  
Cử nhân Kinh tế  
tại trường ĐH Thương mại Hà Nội.

**01/2000 - 12/2002**

Phụ trách Phòng Kế toán Chi nhánh Công ty Vận tải và Xây  
dựng đường thủy nội địa.

**01/2003 - 05/2008**

Kế toán Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số  
22- Tổng công ty HANDICO - Kiểm Kế toán trưởng Xí nghiệp  
xây dựng 5.

**1/2008 - 6/2011**

Phó phòng kế toán Công ty xây dựng số 3 Hà Nội - Tập đoàn  
BRG. Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Nhiệt Đới.

**T7/2011 - T7/2013**

Phó Giám đốc Công ty TNHH Việt Lâm.

**07/2013 - 10/2014**

Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty kiểm toán Vietin.

**2018 - 2/2019**

Trưởng phòng kế toán tại Công ty CP Tư vấn kỹ thuật Hạ tầng  
Golden Earth

**2/2019 đến nay**

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

**4/2019 đến nay**

Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần FECON.

The background is a solid orange color with a repeating pattern of the word 'FECON' in a light orange, outlined font. Interspersed with the text are stylized icons of buildings with multiple windows, also in a light orange outline. A central purple rectangle contains the main title text.

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2021**

# ➤ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ & PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ





## A. CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2021 là: 1.569 lao động.

“Con người là tài sản quý giá nhất” luôn là kim chỉ nam của FECON từ khi thành lập đến nay.

Năm 2021, đứng trước nguy cơ dịch bệnh đe dọa sức khỏe, tính mạng của CBNV, FECON đã sớm chủ động tìm kiếm nguồn vaccine và tổ chức tiêm chủng cho CBNV trên toàn hệ thống. Theo đó, đến tháng 12/2021 hầu hết người lao động FECON đã được tiêm đủ 2 mũi vaccine. Đây là hoạt động mang tính nhân văn sâu sắc thể hiện sự quan tâm, chăm lo của ban lãnh đạo Công ty tới sức khỏe, an toàn của CBNV FECON trong bối cảnh chống dịch quyết liệt của Chính phủ.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp, FECON đã đưa ra chính sách nhân sự hợp lý, đặc biệt là chính sách lương thưởng để đảm bảo cuộc sống cho CBNV và gia đình. Điều này đã góp phần không nhỏ trong việc ổn định nhân sự cho Công ty để sẵn sàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau dịch, mà còn cho thấy sự đồng hành tích cực của doanh nghiệp đối với Chính phủ trong công tác đảm bảo ổn định an

sinh xã hội giữa đại dịch Covid 19.

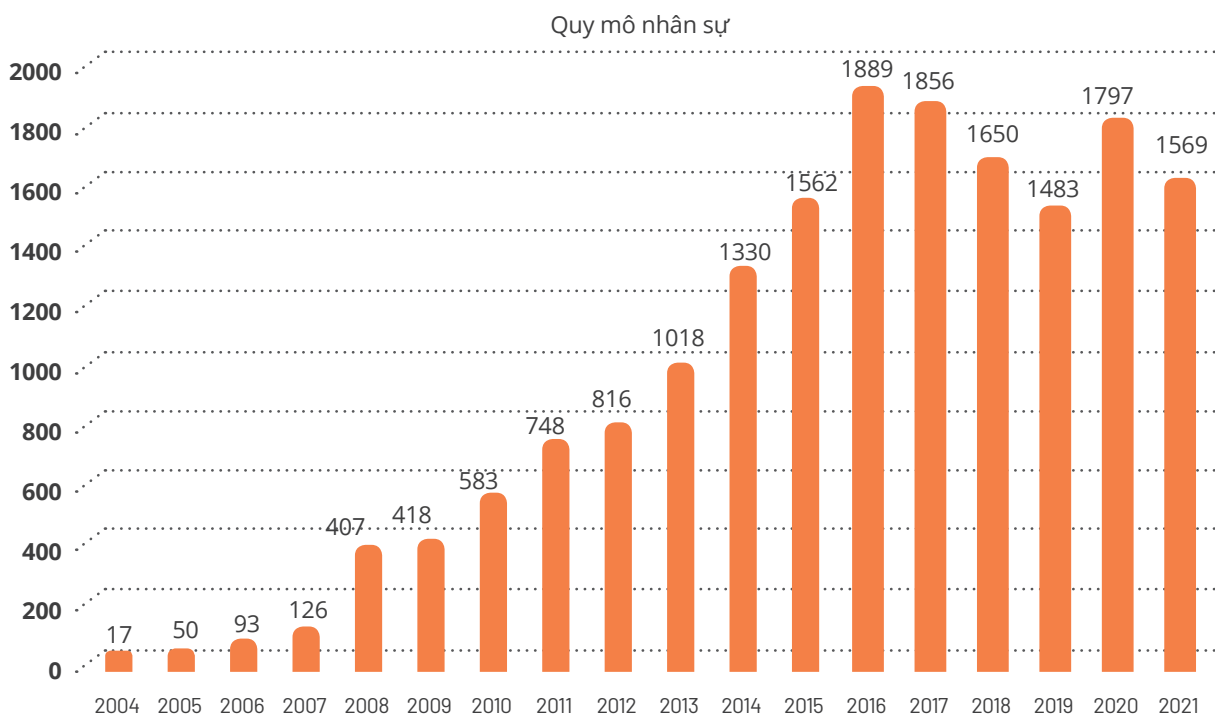
Hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vẫn được triển khai một cách linh hoạt trong năm 2021. Tiêu biểu nhất là Chương trình FECON Leader Foundation 2021 (FLF 2021) được thiết kế dành riêng cho quản lý cấp trung của FECON - một trong những chiến lược phát triển nguồn nhân lực công ty, nhằm mang đến những tri thức quản trị tinh hoa, vừa giúp học viên nâng cao năng lực/tư duy quản lý, vừa có thể áp dụng để giải quyết các vấn đề hiện hữu của công ty.

Với những nỗ lực tạo dựng cho người lao động, FECON đã đạt được nhiều giải thưởng giá trị trong lĩnh vực tuyển dụng nhân sự, tiêu biểu như Top 6 “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021” ngành Xây dựng/Kiến trúc, Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn...

## B. QUY MÔ NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM

Tổng số nhân sự tại FECON năm 2021 là 1.569 người, giảm 12,7% so với năm 2020 do Công ty thực hiện triển khai tái cấu trúc một số các đơn vị theo hướng tinh gọn đội ngũ nhân sự, tăng năng suất lao động.

## QUY MÔ NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM



PHẦN

04



# SẴN SÀNG BÚT PHÁ

---

Báo cáo hoạt động kinh doanh	- 44
Báo cáo của Ban Kiểm soát	- 54
Báo cáo quản trị rủi ro	- 60
Báo cáo phát triển bền vững	- 62



# ➤ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



## A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây lắp nói riêng khi vừa phải đối mặt với những tác động của đại dịch Covid-19, vừa phải chống đỡ “cơn bão giá” nguyên vật liệu xây dựng chưa từng thấy. Đây được coi là “phép thử” sức đề kháng, sự linh hoạt và nhạy bén cho các doanh nghiệp.

Nổi tiếp đà tăng trưởng năm 2020, FECON tiếp tục ghi nhận kết quả tăng trưởng kinh doanh năm 2021 với 3.484 tỷ đồng doanh thu tăng trưởng 10% trong bối cảnh đầy khó khăn và thách thức.

Năm 2021 cũng là lần thứ 4 liên tiếp FECON lọt Top 10 nhà thầu xây dựng uy tín với vị trí thứ 6 trên bảng xếp hạng, tăng 4 bậc so với năm 2020.

Những thành quả đạt được cho thấy vị thế FECON ngày càng được khẳng định trên thị trường xây dựng, sẵn sàng đón nhận các cơ hội lớn trong giai đoạn phục hồi kinh tế hậu Covid-19.

## a) Tình hình tài chính

### I. Tình hình tài sản

Biến động tài sản của Công ty

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021	% TĂNG/GIẢM
Tài sản ngắn hạn	5.557.412.775.682	5.062.620.383.406	(8,9)
Tài sản dài hạn	1.222.701.947.188	2.433.084.195.177	98,9
Tổng tài sản	6.780.114.722.870	7.495.704.578.583	10,6

Tài sản ngắn hạn trong kỳ giảm 495 tỷ (-8,9%) chủ yếu do Phải thu ngắn hạn của khách hàng và Trả trước cho người bán ngắn hạn giảm lần lượt 606 tỷ (-22,8%) và 447 tỷ (-72,0%). Tiến độ thu tiền khách hàng của các dự án lớn của Công ty trong năm 2021 rất khả quan đã giúp giảm số dư Phải thu ngắn hạn của khách hàng. Ở chiều ngược lại, Hàng tồn kho tăng thêm 633 tỷ (+61,7%) do một số hạng mục sản lượng thi công của Công ty chưa được chủ đầu tư/nhà thầu chính nghiệm thu. Công ty đang tích cực triển khai các giải pháp đẩy mạnh tiến độ nghiệm thu để giảm giá trị hàng tồn kho, đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn.

Tài sản dài hạn trong kỳ tăng mạnh 1.210 tỷ (+98,9%) chủ yếu do hợp nhất báo cáo tài chính của đơn vị thành viên là Công ty Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng – chủ đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng với công suất 30 Mw, tổng mức đầu tư khoảng 1.400 tỷ đồng.

### II. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% Tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	3.896.088.221.242	3.365.479.978.631	(13,6)
Nợ dài hạn	381.112.007.782	1.201.043.299.905	215,1
<b>Nợ phải trả</b>	<b>4.277.200.229.024</b>	<b>4.566.523.278.536</b>	<b>6,8</b>

Nợ ngắn hạn trong kỳ giảm 531 tỷ (-13,6%) chủ yếu do Chi phí phải trả ngắn hạn giảm 533 tỷ (-53,3%) do tại thời điểm 31/12/2021 nhiều dự án lớn của Công ty đã cơ bản hoàn thành, Công ty đã thực hiện thanh toán cho các thầu phụ, nhà cung cấp. Ở chiều ngược lại, Vay ngắn hạn trong kỳ giảm 111 tỷ (-9,1%) chủ yếu do Công ty sử dụng một phần nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ 32 triệu cổ phiếu trong Quý 4/2021 để thanh toán dư nợ ngân hàng nhằm giảm chi phí tài chính và áp lực trả gốc, lãi vay trong thời gian tới.

Nợ dài hạn trong kỳ tăng mạnh chủ yếu do Vay dài hạn trong kỳ tăng 766 tỷ (+204,5%) nguyên nhân chính do Công ty hợp nhất khoản vay dài hạn của đơn vị thành viên là Công ty Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng tại Dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.

### b) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

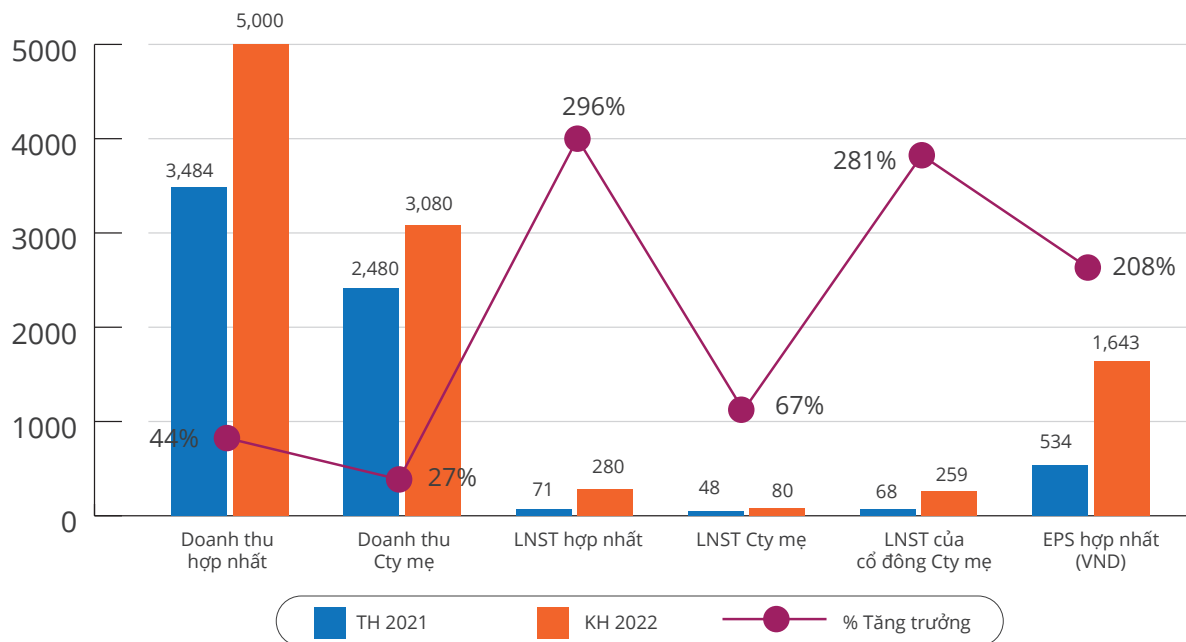
Công ty đang từng bước hoàn thiện cấu trúc doanh nghiệp theo định hướng chiến lược Tập đoàn 2020-2025; Nổi bật là việc tái cấu trúc các công ty thành viên, tái cơ cấu Ban Phát triển dự án, Ban Cung ứng, Văn phòng phía Nam và thành lập Ban Quản lý chi phí và giá thành.

### c) Kế hoạch kinh doanh năm 2022

Kế hoạch kinh doanh 2022 (Tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2022	TĂNG TRƯỞNG %
Doanh thu Hợp nhất	tỷ đồng	3.484	5.000	44%
Doanh thu Công ty Mẹ	tỷ đồng	2.418	3.080	27%
LNST hợp nhất	tỷ đồng	71	280	296%
LNST Công ty Mẹ	tỷ đồng	48	80	67%
LNST của cổ đông Công ty Mẹ	tỷ đồng	68	259	281%
EPS hợp nhất	Đồng/CP	534	1.643	208%

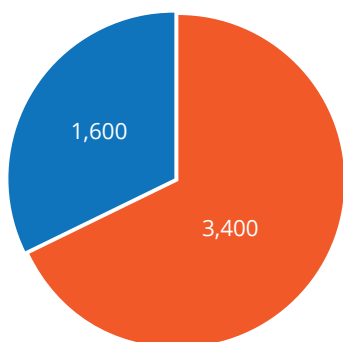
- Tình hình thanh khoản của FECON ở mức khá an toàn khi các chỉ số thanh khoản nhanh và hiện hành lần lượt đạt 1,43 và 1,16 lần, luôn giữ mức ổn định và an toàn qua các năm.
- Trong năm 2020, FECON không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, được các tổ chức tín dụng, đối tác đánh giá ở mức tín nhiệm cao và duy trì trạng thái tài chính lành mạnh, ổn định và bền vững trong dài hạn



### Kế hoạch kinh doanh theo mảng (Tỷ đồng)

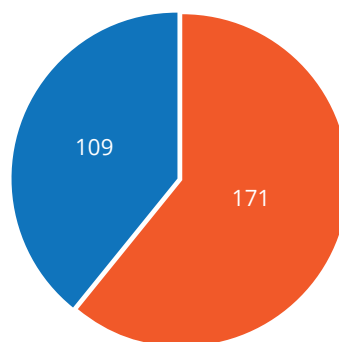
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2022
<b>Doanh thu hợp nhất tập đoàn</b>	tỷ đồng	<b>5,000</b>
Mảng Nền móng và xây dựng	tỷ đồng	3,400
Mảng Hạ tầng và Công trình ngầm	tỷ đồng	1,600
<b>Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất tập đoàn</b>	tỷ đồng	<b>280</b>
LNST từ hoạt động thi công	tỷ đồng	171
LNST từ hoạt động đầu tư	tỷ đồng	109

Doanh thu hợp nhất 2022



- Nền móng và xây dựng
- Hạ tầng và Công trình ngầm

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 2022



- LNST từ hoạt động thi công
- LNST từ hoạt động đầu tư

The background is a solid orange color with a repeating pattern of the word 'ECONOMIA' in a light orange, outlined font. The letters are arranged in a grid. In the 'O's, there are stylized icons of buildings with multiple windows.

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2021

# ➤ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY





## A. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Công tác điều hành & tổ chức

Hoạt động điều hành Công ty được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và đảm bảo tính ổn định trước bối cảnh còn nhiều khó khăn của nền kinh tế và tình trạng giãn cách xã hội do dịch bệnh.

Trong năm 2021, Công ty đã tập trung phát triển các mảng kinh doanh chính và đẩy mạnh các công tác quản trị tập trung Tập đoàn các chức năng: phát triển kinh doanh, cung ứng, tài chính, quản trị nhân sự, quản trị thương hiệu và khoa học công nghệ... Đồng thời, FECON đang từng bước thực hiện việc tái cấu trúc các công ty thành viên để tập trung nguồn lực và tăng cường năng lực cạnh tranh trong các phân khúc thị trường đã được lựa chọn. Việc tái cơ cấu Công ty cổ phần Hạ tầng FECON trở thành Tổng công ty đầu tư FECON ("FECON Invest") là một trong những quyết định mạnh mẽ để hiện thực hóa chiến lược này. Bên cạnh đó, hệ thống công cụ lập kế hoạch chiến lược và quản trị mục tiêu OGS (Objective - Goal - Strategy - Measure) cũng đã được áp dụng tại Công ty mẹ từ sáu tháng cuối năm 2021 để tăng cường quản lý kế hoạch kinh doanh và nâng cao hiệu quả quản trị, khắc phục được những hạn chế mà hệ thống BSC/KPIs đã triển khai trong những năm vừa qua.

### Hoạt động kinh doanh

Năm 2021 vẫn là năm nền kinh tế thế giới nói chung cũng như nền kinh tế Việt Nam nói riêng tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid 19. FECON không nằm ngoài sự ảnh hưởng này tuy nhiên Công ty vẫn duy trì được vị thế và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết thúc năm 2021, Vốn điều lệ của FECON là: 1.574 tỷ đồng, Tổng tài sản là 7.496 tỷ đồng. Doanh thu hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất ghi nhận trong năm 2021 lần lượt là 3.484 tỷ đồng và 71 tỷ đồng. Trong bối cảnh khó khăn, Công ty vẫn đảm bảo được lợi ích của Cổ đông và người lao động trong công ty. Các công trình do FECON thi công và đầu tư được đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ và an toàn, luôn được Chủ đầu tư đánh giá cao và ngày càng khắc sâu hình ảnh FECON là Nhà thầu chuyên nghiệp và Nhà đầu tư uy tín trên thị trường.

## B. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Mặc dù, doanh thu và lợi nhuận còn khá khiêm tốn so với kỳ vọng của cổ đông nhưng Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Tập đoàn đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó, bao gồm:

Đối với công tác vận hành tổ chức: Nhìn chung, Ban điều hành đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, duy trì các buổi họp giao ban định kỳ, các chỉ đạo đưa ra kịp thời và hiệu quả. Trong quá trình quản lý điều hành, Ban Điều hành và các cán bộ phận quản lý của Tập đoàn đã tuân thủ đúng phân cấp thẩm quyền tại Điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ cũng như quyết định của HĐQT.

Đối với công tác phát triển kinh doanh: Duy trì vị thế dẫn đầu của mảng kinh doanh cốt lõi là nền móng & ngầm, từng bước chuyển dịch sang mô hình nhà thầu chính/tổng thầu mảng xây dựng công nghiệp và hạ tầng nói chung; đã cùng với đối tác chiến lược bước ra thị trường khu vực bằng các năng lực sở trường của công ty. Các thành viên Ban tổng giám đốc đã phát huy tốt uy tín công ty và mối quan hệ của mình để phát triển thành công các dự án theo mảng phụ trách. Các cuộc họp phát triển kinh doanh được tổ chức định kỳ hàng tháng bài bản hơn, các dự án theo đuổi được rà soát kỹ lưỡng hơn, nâng cao tỷ lệ trúng thầu trong năm.

Đối với công tác quản lý dự án: Mặc dù chịu tác động kép của đại dịch và bão giá vật liệu xây dựng nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp vẫn đạt ở mức 13,5% trong năm 2021 đã thể hiện hiệu quả của các biện pháp kiểm soát chi phí dự án bên cạnh việc tối đa hoá các ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa biện pháp thi công. Công tác cung ứng mặc dù chưa đáp ứng hoàn toàn yêu cầu công việc nhưng cũng đang từng bước được cải thiện bằng việc được tái cơ cấu và bổ sung nguồn lực quản lý cung ứng dự án tổng thầu. Hệ thống quản trị cung ứng tập trung cần phải được TGD chú trọng hoàn thiện trong năm 2022 và đẩy mạnh triển khai đấu thầu E-Bidding trên phạm vi toàn Tập đoàn để kiểm soát chặt chẽ công tác cung ứng từ công ty mẹ đến các công ty thành viên.

Đối với hoạt động tài chính: Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện kinh tế và dịch bệnh nói chung, dẫn tới công tác quản trị tài chính của Công ty gặp nhiều thách thức, nhưng Ban Điều hành đã rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, hạn chế phát sinh công nợ khó đòi, thúc đẩy dòng tiền từ các dự án, thể hiện qua số dư công nợ giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2020 và FECON luôn duy trì xếp hạng tín dụng tốt với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, việc thành lập Ban quản lý chi phí và giá thành cùng với sự tham gia của Ban Kiểm soát nội bộ trong công tác quản lý chi phí dự án bước đầu đã phát huy được hiệu quả. Công tác quản trị tài chính Tập đoàn nhìn chung đã có

---

Kết thúc năm 2021, Vốn điều lệ của FECON là: **1.574 TỶ ĐỒNG, TỔNG TÀI SẢN LÀ 7.496 TỶ ĐỒNG**. Doanh thu hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất ghi nhận trong năm 2021 lần lượt là **3.484 TỶ ĐỒNG VÀ 71 TỶ ĐỒNG**.

---

nhiều cố gắng nhưng vẫn cần cải thiện tích cực hơn nữa để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, cụ thể là việc quản lý tài chính các công ty thành viên trong tập đoàn cùng với việc hỗ trợ kịp thời cho mảng tài chính đầu tư.

Đặt trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn, HĐQT ghi nhận kết quả mà Ban điều hành đã đạt được trong năm qua. Ban Điều hành cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác phối hợp cấp cao, huy động tối ưu các nguồn lực, củng cố phát huy điểm mạnh trong phát triển kinh doanh, khắc phục mọi hạn chế trong quản lý hiệu quả dự án. Đồng thời nâng cao tinh thần tự giác kỷ luật, nêu gương trong quản trị minh bạch để phát triển tổ chức theo hướng văn minh & chuyên nghiệp.

### C. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Hoạt động của HĐQT trong năm tuân thủ theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Năm 2021, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp bất thường để giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và đưa ra chủ trương về đầu tư kinh doanh, tái cấu trúc bộ máy, các nhiệm vụ tổ chức nhân sự quan trọng và các hoạt động vận hành khác với các nội dung chính như sau:

Thời gian	Nội dung
Quý I/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2021</li> <li>- Thông qua chủ trương nghiên cứu, phát triển một số dự án đầu tư</li> <li>- Thông qua chủ trương tái cấu trúc mảng đầu tư</li> <li>- Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số vị trí trưởng Ban</li> </ul>
Quý II/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thôi giữ chức vụ PTGD CTCP FECON và bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư FECON đối với ông Muôn Văn Chiến</li> <li>- Thôi giữ chức vụ PTGD CTCP FECON đối với ông Phạm Quốc Hùng và bổ nhiệm vị trí PTGD Công ty cổ phần Đầu tư FECON đối với ông Phạm Quốc Hùng</li> <li>- Thôi giữ chức vụ Giám đốc đầu tư đối với ông Nguyễn Hoàng Long</li> <li>- Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch với Công ty cổ phần Khoáng Sản FECON</li> <li>- Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần CTCP Năng lượng FECON cho Công ty cổ phần Đầu tư FECON</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021</li> <li>- Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021 lần 1</li> </ul>
Quý III/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT</li> <li>- Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</li> <li>- Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần FECON</li> <li>- Ban hành Quy chế quản trị công nghệ thông tin tập trung</li> <li>- Ban hành Quy chế quản lý máy móc thiết bị tập trung</li> <li>- Phê duyệt giao dịch giữa Công ty và người nội bộ</li> <li>- Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021</li> <li>- Chấm dứt hoạt động Trung tâm nguồn nhân lực FECON</li> <li>- Chỉ định và thay đổi người đại diện vốn tại các công ty thành viên</li> </ul>
Quý IV/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt trả cổ tức 2020 bằng tiền</li> <li>- Thôi giữ chức vụ PTGD đối với ông Đoàn Lam Trà</li> <li>- Ban hành Quy chế quản trị thông tin truyền thông tập đoàn</li> <li>- Ban hành Quy chế quản lý kỹ thuật tập trung</li> <li>- Ban hành Quy chế quản lý an toàn lao động tập trung</li> <li>- Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số vị trí Trưởng Ban</li> </ul>

### D. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP (KHÔNG ĐIỀU HÀNH)

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các buổi họp của HĐQT và đóng góp nhiều ý kiến khách quan, thiết thực trong công tác quản trị Công ty cũng như việc ra quyết định của HĐQT. Các hoạt động của các thành viên HĐQT không điều hành trong năm như sau:



- Về chiến lược: Đóng góp tích cực vào việc xây dựng chiến lược và kế hoạch trung hạn của Công ty giai đoạn 2022-2025, đặc biệt Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa - người có kinh nghiệm nhiều năm trong mảng xây dựng chiến lược tại các doanh nghiệp lớn, đã trực tiếp tham gia Ủy ban chiến lược của Công ty, đồng hành cùng đội ngũ Lãnh đạo chủ chốt trong suốt quá trình triển khai chiến lược;
- Về kiểm soát hoạt động của Ban Điều hành: Các thành viên đã xem xét kỹ lưỡng các kế hoạch, kết quả hoạt động của Ban Điều hành trong các hoạt động quản trị điều hành hướng tới các mục tiêu đề ra và tích cực giám sát việc báo cáo kết quả hoạt động. Đặc biệt công tác đầu tư dự án, các thành viên HĐQT độc lập đã cho ý kiến đầy trách nhiệm, có tính phản biện vào tất cả các dự án và ý tưởng đầu tư;
- Về kiểm soát rủi ro: Các thành viên giúp kiểm tra để đảm bảo các thông tin tài chính được công bố là minh bạch, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư dự án được phân tích hiệu quả cẩn thận trước khi triển khai. Đồng thời các thành viên HĐQT độc lập cũng mang đến cái nhìn khách quan đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần gia tăng hiệu quả kiểm soát và quản trị rủi ro cho Công ty; và
- Về nhân sự: Các thành viên HĐQT độc lập đã cùng với các thành viên HĐQT điều hành, đóng góp một cách có trách nhiệm trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức công ty và các công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo cán bộ quản lý cấp cao.

#### **E. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty là 06 thành viên, bao gồm: Ông Phạm Việt Khoa, Ông Hà Thế Phương, Ông Trần Trọng Thăng, Ông Hà Thế Lộng, Ông Phạm Trung Thành và Ông Phùng Tiến Trung.

Ngoài ra, trong năm 2021, các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý khác của Công ty cũng được tham gia các khóa đào tạo nội bộ thường kỳ liên quan đến kỹ năng quản lý và hoạt động của Công ty. Các hoạt động này không chỉ cung cấp những kỹ năng mới, nâng cao tính chuyên nghiệp mà còn giúp nâng cao nhận thức về các giá trị nền tảng của công việc giúp việc quản trị Công ty hiệu quả hơn.

## F. CÁC ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

Trong bối cảnh dịch covid -19 vẫn đang diễn biến phức tạp, HĐQT đã xây dựng các kịch bản ứng phó với các tác động của dịch bệnh, củng cố và duy trì sự phát triển ổn định của FECON, tích lũy nội lực để tạo đà tăng trưởng trong tương lai ngay sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

Để hoàn thành tốt những mục tiêu đã đề ra, HĐQT cùng Ban điều hành Công ty triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tái cấu trúc và nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT, tăng số lượng thành viên HĐQT chuyên trách để giúp công tác điều hành hiệu quả hơn
- Tái cấu trúc các Công ty thành viên theo hướng tinh gọn để tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, tăng cường năng lực cạnh tranh cho FECON.
- Chỉ đạo, phê duyệt và đôn đốc Ban điều hành công ty xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh chi tiết 2022 đảm bảo đạt được các mục tiêu tài chính đã đề ra và củng cố phát triển Tập đoàn FECON theo hướng bền vững, chất lượng và hiệu quả.
- Nâng cao tỷ trọng doanh thu các mảng kinh doanh chiến lược, đặc biệt là hiện thực hóa các cơ hội đầu tư dự án, đóng góp lợi nhuận chính cho Tập đoàn;
- Phát triển thương hiệu và xây dựng hình ảnh Nhà thầu chuyên nghiệp, cung cấp giải pháp tổng thể tối ưu, quản lý dự án chuyên nghiệp theo chuẩn quốc tế;
- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý dự án thông qua việc hoàn thiện hệ thống cung ứng tập trung và đẩy mạnh kiểm soát chi phí và giá thành.
- Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính tập đoàn.
- Hoàn thiện và thực thi các chương trình phát triển văn hóa doanh nghiệp, sáng kiến cải tiến, chính sách đãi ngộ, khuyến khích nâng cao năng suất và trả lương theo hiệu quả quản lý.
- Đẩy mạnh khai thác ứng dụng công nghệ thông tin (4.0) trong công tác quản lý dự án và quản trị doanh nghiệp.

## 2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### A. CỔ PHẦN

- Tổng số cổ phần: 157.439.005 cổ phần phổ thông,
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 157.439.005 cổ phần phổ thông,
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 125.439.005 cổ phần.

### B. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 30/03/2022

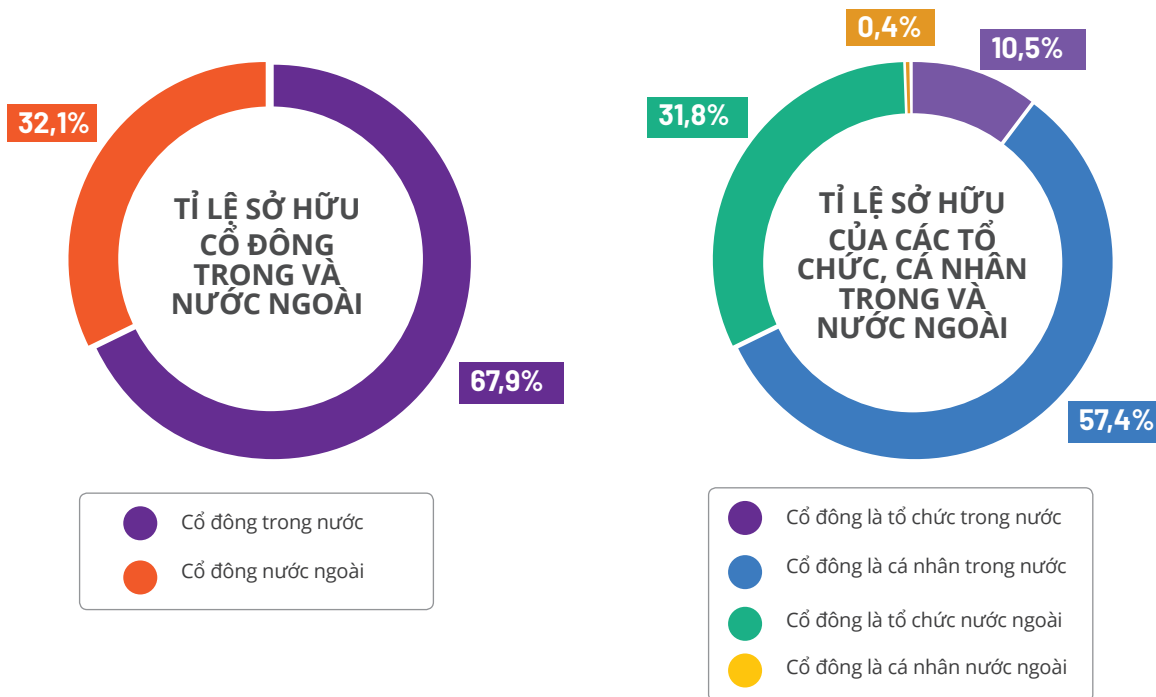
\* Tỷ lệ sở hữu cổ phần

TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CỔ PHẦN TƯƠNG ỨNG	GIÁ TRỊ (VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>23.834</b>	<b>106.879.866</b>	<b>1.068.798.660.000</b>	<b>67,9%</b>
	Cổ đông là tổ chức	68	16.533.168	165.331.680.000	10,5%
	Cổ đông là cá nhân	23.766	90.346.698	903.466.980.000	57,4%
	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>156</b>	<b>50.559.139</b>	<b>505.591.390.000</b>	<b>32,1%</b>
	Cổ đông là tổ chức	24	49.989.478	499.894.780.000	31,8%
	Cổ đông là cá nhân	132	569.661	5.696.610.000	0,4%
<b>Tổng cộng</b>		<b>23.990</b>	<b>157.439.005</b>	<b>1.574.390.050.000</b>	<b>100%</b>

\*Danh sách cổ đông lớn

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU	NGÀY CẤP	SỐ CỔ PHẦN NẴM GIỮ (CP)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Công ty Cổ phần Raito Kogyo	CB9736	06/03/2019	40.167.682	25,51%
2	Quỹ đầu tư Hạ tầng Red One	41/GCN-UBCK	01/11/2021	16.000.000	10,16%

\*Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại 31/12/2021: 75%.



### c. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty đã thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ trong năm 2021 với thông tin cụ thể như sau:

THỜI GIAN GIAO DỊCH	TỪ NGÀY 07/01 - 01/02/2021
Số lượng cổ phiếu quỹ đã bán	1.509.570 cổ phiếu
Giá giao dịch bình quân	13.105 đồng/cổ phiếu
Phương thức giao dịch	Khớp lệnh/Thỏa thuận

### d. Các chứng khoán khác:

Công ty thực hiện 01 đợt phát hành trái phiếu trong năm 2021 với thông tin cụ thể như sau:

- Tổng số lượng trái phiếu phát hành: 95.000 Trái phiếu
- Tổng giá trị trái phiếu phát hành: 95.000.000.000 đồng
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm và được bảo lãnh thanh toán, có kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải là nợ thứ cấp của Tổ chức phát hành.
- Kỳ hạn: Tối đa 24 tháng kể từ ngày phát hành
- Ngày phát hành: 15/06/2021
- Ngày đáo hạn: 15/06/2023
- Mục đích phát hành:

Thực hiện chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.

**Cụ thể:** Tổ Chức Phát Hành hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Ecotech Việt Nam ("Ecotech") theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/FCN-ECO ngày 19 tháng 05 năm 2021 ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Ecotech và các phụ lục sửa đổi, bổ sung (Hợp Đồng Hợp Tác Kinh Doanh 1") để cùng hợp tác thực hiện dự án với Công ty TNHH điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng ("Quốc Vinh Sóc Trăng"), theo đó Ecotech đại diện cho cả Tổ Chức Phát Hành và Ecotech để hợp tác kinh doanh với Quốc Vinh Sóc Trăng để thực hiện dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng: (i) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2021/HĐ/ECO-QVST ngày 21 tháng 05 năm 2021 ký giữa Ecotech (Đại diện cho cả Tổ Chức Phát Hành và Ecotech) và Quốc Vinh Sóc Trăng cùng các phụ lục sửa đổi, bổ sung ("Hợp Đồng Hợp Tác Kinh Doanh 2"); và (ii) Góp vốn vào Quốc Vinh Sóc Trăng."

# ➤ BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần FECON, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, BKS nhất trí thông qua báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 với các nội dung cụ thể như sau:

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2021 đánh dấu sự chuyển dịch mạnh mẽ của Tập đoàn với chiến lược mới. BKS đã tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát, phối hợp với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc bám sát quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT. BKS tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Công ty mẹ cũng như ở các đơn vị thành viên trong hệ thống, đảm bảo các hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn.

Năm 2021, BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý với các nội dung chính:

THỜI GIAN	SỐ THÀNH VIÊN THAM DỰ	NỘI DUNG
Quý I/2021	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020.</li> <li>Tổng kết hoạt động của BKS 2020, lập kế hoạch hoạt động 2021.</li> <li>Thảo luận, thống nhất danh sách đề cử danh sách đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021.</li> </ul>
Quý II/2021	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2021.</li> <li>Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.</li> <li>Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn.</li> </ul>
Quý III/2021	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định Báo cáo tài chính tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2021.</li> <li>Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021.</li> </ul>
Quý IV/2021	03/03	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn năm tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2021;</li> <li>Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ giai đoạn 9 tháng đầu năm 2021.</li> <li>Tổng kết sơ bộ hoạt động của BKS năm 2021, lập kế hoạch hoạt động năm 2022</li> </ul>

## KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ 2021

- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM – đơn vị thuộc danh sách đã được ĐHCĐ thông qua để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
- Doanh thu Công ty năm 2021 là 3.484 tỷ đạt xấp xỉ 90% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 71 tỷ đạt 40% kế hoạch năm 2021.
- Công ty đã hoàn thành việc phát hành riêng lẻ 32.000.000 cổ phần phổ thông cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Công ty đã hoàn thành việc trích lập các Quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và thực hiện trả cổ tức vào tháng 12/2021.
- Công ty đã chi trả lương, thù lao năm 2021 cho các thành viên HĐQT và BKS theo quy định cũng như định mức đã được ĐHCĐ phê duyệt.

## ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng định hướng, có hiệu quả các nghị quyết của ĐHCĐ. Từng thành viên HĐQT, tiểu ban giúp việc của HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy chế hoạt động của HĐQT và phân công của Chủ tịch HĐQT: nghiên cứu, thảo luận, tham gia ý kiến, biểu quyết có chất lượng, trách nhiệm đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp theo phiên toàn thể và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định theo thẩm quyền để định hướng, chỉ đạo, đảm bảo tình hình hoạt động của toàn hệ thống thông suốt theo đúng chiến lược, kế hoạch đã đề ra.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành tiếp tục được thực hiện theo các quy chế đã ban hành và quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT cho Ban điều hành. Nhìn

## ■ SẴN SÀNG BỨT PHÁ

chung, giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thống nhất để có các chỉ đạo định hướng cũng như giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề lớn phát sinh của Công ty.

Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo kết quả giám sát Ban điều hành của HĐQT.

### ▣ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2021, BKS, HĐQT và Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích cao nhất của Công ty, của Cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. HĐQT và Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đề xuất, kiến nghị của BKS đều được HĐQT, Ban điều hành quan tâm chỉ đạo và thực hiện.

Trong năm, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông/nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. BKS thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

### ▣ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

Trên cơ sở thẩm định lại các Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần FECON đã được lập và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, BKS Công ty có những đánh giá như sau:

- Thống nhất với các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;
- Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty, phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ TẠI 31/12/2021
1	Tổng tài sản	7.496
2	Vốn chủ sở hữu	2.929
3	Kết quả kinh doanh năm 2021	
-	Doanh thu thuần	3.484
-	Lợi nhuận sau thuế	71
-	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) – đồng/ cổ phiếu	534

Doanh thu hợp nhất của Công ty trong năm 2021 đạt 3.484 tỷ đồng, đạt xấp xỉ 90% kế hoạch về doanh thu và tăng trưởng 10% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong năm 2021 đạt 71 tỷ đồng (tương đương 40% kế hoạch năm).

Trong bối cảnh sự cạnh tranh giữa các Công ty diễn ra ngày càng khốc liệt, tình hình dịch bệnh bùng phát, việc duy trì và tăng trưởng các chỉ tiêu về doanh thu so với năm 2020 cũng là một thành tích đáng khích lệ của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn hệ thống FECON.

### ▣ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022 sẽ là năm tiếp tục cho sự đổi mới và phát triển của Công ty cùng với sự chuyển biến tích cực trong quản lý điều hành của các đơn vị thành viên FECON. Do vậy, Ban Kiểm soát đặt ra 06 mục tiêu trọng tâm cho năm kế hoạch 2022 như sau:

**Một là,** giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 cũng như việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, các quy định, quy chế trong quản trị, điều hành FECON.

**Hai là,** thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và các chính sách quan trọng về tài chính kế toán năm 2022.

**Ba là,** cập nhật Danh mục rủi ro trọng yếu của Tập đoàn, trên cơ sở đó, xây dựng và quản lý kế hoạch kiểm toán nội bộ trong toàn hệ thống FECON.



Doanh thu hợp nhất của Công ty trong **NĂM 2021 ĐẠT 3.484 TỶ ĐỒNG**, đạt xấp xỉ **90% KẾ HOẠCH** về doanh thu và **TĂNG TRƯỞNG 10%** so với năm 2020



**Bốn là,** tích cực nghiên cứu, tư vấn, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro trong quản trị điều hành.

**Năm là,** giám sát sự biến động về tình hình nắm giữ cổ phần FECON của những cổ đông lớn và người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

**Sáu là** các công việc khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ Công ty.



#### 4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

##### a. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc:

*vị tính: tỷ đồng*

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	GIÁ TRỊ (VNĐ)
<b>I Hội đồng quản trị</b>			
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	2.327.559.204
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch	1.335.138.465
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch TT	1.307.778.976
4	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên	399.999.996
5	Hà Thế Lộng	Ủy viên	399.999.996
6	Nguyễn Song Thanh	Ủy viên	399.999.996
7	Phùng Tiến Trung	Ủy viên	399.999.996
8	Phạm Trung Thành	Ủy viên	399.999.996
9	Satoyuki Yamane	Ủy viên	450.000.000
<b>II Ban Kiểm soát</b>			
1	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban	1.532.675.134
2	Trần Công Tráng	Thành viên	379.054.377
3	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	399.999.996
<b>III Ban Tổng Giám đốc</b>			
1	Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc	2.282.375.000
2	Nguyễn Quốc Bảo	Phó TGD TT	1.892.812.500
3	Phạm Quốc Hùng	Phó TGD	135.000.000
4	Muôn Văn Chiến	Phó TGD	60.000.000
5	Tạ Công Thanh Vinh	Phó TGD	1.201.614.583
6	Lê Quang Hanh	Phó TGD	721.197.917
7	Đoàn Lam Trà	Phó TGD	1.195.911.058
8	Nguyễn Thanh Tùng	Phó TGD	1.574.490.417
9	Đỗ Mạnh Cường	Phó TGD	1.141.927.083
10	Nguyễn Thị Nghiênn	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	1.287.010.096

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Việt Khoa	Người nội bộ	6.478.804	5,16	5.000.100	3,18	Bán cổ phiếu
2	Trần Trọng Thắng	Người nội bộ	1.191.461	0,74	866.461	0,55	Bán cổ phiếu
3	Hà Thế Phương	Người nội bộ	1.309.715	1,53	105.500	0,07	Bán cổ phiếu
4	Phạm Trung Thành	Người nội bộ	16.233	0,01	33	0,00	Bán cổ phiếu
5	Phùng Tiến Trung	Người nội bộ	328.177	0,27	238.177	0,15	Bán cổ phiếu
6	Nguyễn Song Thanh	Người nội bộ	31.471	0,03	1.471	0,00	Bán cổ phiếu
7	Nguyễn Văn Thanh	Người nội bộ	298.693	0,19	258.693	0,16	Bán cổ phiếu
8	Nguyễn Thị Nghiênn	Người nội bộ	10.151	0,008	0	0,00	Bán cổ phiếu
9	Nguyễn Quốc Bảo	Người nội bộ	10.159	0,008	59	0,00	Bán cổ phiếu
10	Trần Công Tráng	Người nội bộ	5.787	0,004	87	0,00	Bán cổ phiếu
11	Lê Quang Hanh	Người nội bộ	68.078	0,05	78	0,00	Bán cổ phiếu
12	Phạm Thị Hồng Nhung	Người nội bộ	29.222	0,02	22	0,00	Bán cổ phiếu
13	Hà Thị Tâm	Người có liên quan	1.859	0,00	59	0,00	Bán cổ phiếu
14	Nguyễn Đình Sắc	Người có liên quan	97.605	0,1	5	0,00	Bán cổ phiếu
15	Phạm Minh Huệ	Người có liên quan	61.461	0,04	61	0,00	Bán cổ phiếu
16	Nguyễn Thị Liễu	Người có liên quan	14.813	0,001	13	0,00	Bán cổ phiếu
17	Hà Thế Hồng	Người có liên quan	20.008	0,02	2.008	0,001	Bán cổ phiếu
18	Trần Văn Ty	Người có liên quan	3.888	0,003	0	0,00	Bán cổ phiếu
19	Phùng Nguyệt Hà	Người có liên quan	126.092	0,08	92	0,00	Bán cổ phiếu

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH*. NGÀY CẤP. NƠI CẤP	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT... THÔNG QUA (NẾU CÓ. NẾU RÕ NGÀY BAN HÀNH)	NỘI DUNG. SỐ LƯỢNG. TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
1	Hà Thế Lộng	Thành viên HĐQT	036053000014 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 13/05/2013	Số 939 Hồng Hà. Chương Dương. Hoàn Kiếm. Hà Nội	15/09/2021 và 07/12/2021	NQ HĐQT số 60/2021/NQ-HĐQT.FECON ngày 06/09/2021	Bán cho Công ty 310.023 cổ phần CTCP Đầu tư FECON trị giá 3.720.276.000 VNĐ
2	Nguyễn Thị Nghiênn	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	012790597 do CA Hà Nội cấp ngày 06/05/2005	Số 9A. ngách 1/29. ngõ 1. Nhân Hòa. Thanh Xuân. Hà Nội	15/09/2021	NQ HĐQT số 60/2021/NQ-HĐQT.FECON ngày 06/09/2021	Bán cho Công ty 100.000 cổ phần CTCP Đầu tư FECON trị giá 1.200.000.000 VNĐ
3	Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	025750794 do CA TP HCM cấp ngày 17/05/2013	1/11/24 đường TTN 22. P. Tân Thới Nhất. Q.12. TP. HCM	15/09/2021	51/2021/NQ-HĐQT.FECON	Bán cho Công ty 179.500 cổ phần Công ty cổ phần FECON SOUTH trị giá 1.795.000.000 VNĐ

The background is a solid orange color with a repeating pattern of the word 'FECON' in a light orange, outlined font. Interspersed with the text are stylized icons of buildings with multiple floors, also in a light orange outline. A central purple rectangle contains the main title text.

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2021**

# ➤ BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO



Đại dịch Covid trong năm 2021 là một trong những rủi ro tác động vô cùng to lớn đến mọi mặt của nền kinh tế, xã hội nói chung cũng như tới hoạt động sản xuất kinh doanh tại FECON nói riêng. Việc nhận diện và có kế hoạch ứng phó với các rủi ro hiện tại và tương lai giữ vai trò then chốt trong việc duy trì ổn định và phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Với FECON, Quản trị rủi ro (QTRR) không chỉ nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực mà còn giúp nắm bắt được cơ hội chuyển hóa từ những rủi ro. Thông qua việc xây dựng các khung Quản trị rủi ro, FECON tiếp tục duy trì và hoàn thiện hoạt động Quản trị rủi ro, đồng thời tăng cường văn hóa quản trị rủi ro ở góc độ vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp tại Công ty mẹ và tất cả các công ty thành viên trong Tập đoàn

## • 5.1. RỦI RO MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ

Những yếu tố quan trọng của nền kinh tế, tác động của các vấn đề xã hội như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, vấn đề thất nghiệp hay thiếu lao động... đều có ảnh hưởng đến các hoạt động và kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

Đứng trước những rủi ro đến từ môi trường vĩ mô, FECON luôn theo dõi chặt chẽ diễn biến của nền kinh tế, thường xuyên cập nhật các kịch bản ứng phó kèm nguồn lực phù hợp để giữ thế chủ động trong mọi tình huống.

## 5.2. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động của FECON gắn liền với rủi ro hoạt động của các dự án. Năm 2021, FECON đối mặt với các rủi ro về những ảnh hưởng của dịch bệnh và sự biến động của giá cả nguyên vật liệu.

FECON đang phát triển mạnh mẽ hoạt động xây dựng theo hình thức tổng thầu với mục tiêu trở thành “Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu Việt Nam vào năm 2025, tầm nhìn 2030”. Chiến lược mới mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt, chủ động dòng tiền hơn tuy nhiên cũng khiến FECON phải đối mặt với rủi ro về vận hành, nguồn lực và cơ chế quản lý trong quá trình chuyển dịch.



Ban Lãnh đạo FECON đã chủ động hợp tác, phối hợp với các đối tác có năng lực chuyên môn và tài chính tốt, tuyển dụng nhân sự nhiều kinh nghiệm, xây dựng và cập nhật các cơ chế, chính sách và quy trình quản lý dự án theo mô hình tổng thầu, cũng như đẩy mạnh áp dụng các phần mềm tiên tiến (PMS, BIM, REVIT...) trong đấu thầu và điều hành dự án.

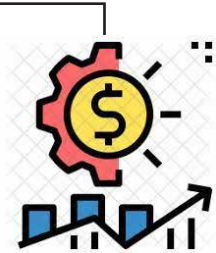
TOP10 các rủi ro đáng quan tâm năm 2021 của FECON bao gồm rủi ro về an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Các biện pháp ứng phó với rủi ro này được tiếp tục duy trì, đẩy mạnh như đào tạo an toàn, thắt chặt quy định về an toàn, bảo vệ môi trường ở từng dự án, thực hiện các công tác kiểm soát an toàn,...

Đặc biệt, trước tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát mạnh ở tất cả các địa phương trên cả nước đặc biệt trong giai đoạn Quý 1/2022, cùng với việc thay đổi chính sách chống dịch sang "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19", FECON đã điều chỉnh các biện pháp ứng phó rủi ro trong quản lý dự án để thích ứng với những thay đổi thực tế.

### 5.3. RỦI RO TÀI CHÍNH

Những biến động của thị trường đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động tài chính của FECON. Các rủi ro tài chính được nhận diện bao gồm:

- **Rủi ro nợ xấu:** Sự khó khăn trong hoạt động kinh doanh của hầu hết các lĩnh vực dẫn đến việc khách hàng của FECON không đáp ứng được nghĩa vụ công nợ theo hợp đồng.
- **Rủi ro thanh khoản:** Khả năng cân đối dòng tiền, nguy cơ thiếu hụt nguồn tiền để thanh toán các nghĩa vụ đến hạn hoặc tài trợ cho các hoạt động quan trọng ....
- **Rủi ro đầu tư và quản lý đầu tư:** Rủi ro trong quá trình thẩm định đầu tư, cấu trúc đầu tư chưa phù hợp với nguồn lực tài chính của Tập đoàn và cho việc thoái vốn.



Các biện pháp ứng phó rủi ro được FECON triển khai như tăng cường, tập trung cho hoạt động quản lý dòng tiền, trích lập dự phòng với những khoản nợ xấu, và đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các bộ phận, phòng, ban trong công tác đánh giá khách hàng, thu hồi công nợ và đánh giá lựa chọn các phương án đầu tư. Năm 2021, việc phát hành thành công 32 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đã góp phần quan trọng cho FECON trong việc ứng phó với các rủi ro tài chính của Công ty.

### 5.4. RỦI RO VỀ NHÂN SỰ

FECON nhận định rủi ro về chất lượng nguồn nhân lực luôn là một trong những rủi ro ảnh hưởng lớn đến chiến lược phát triển của Tập đoàn. Sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, các công ty cùng ngành khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy mạnh việc tuyển dụng nhân sự đặc biệt là nhân sự cấp cao và cấp trung dẫn đến sự cạnh tranh lớn trong việc thu hút, tuyển dụng nhân sự, nguy cơ chảy máu chất xám.

Nhận thức được rủi ro này, năm 2021 FECON tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nhân sự tập trung cũng như cải thiện đồng bộ các chính sách nhân sự nhằm tạo dựng môi trường làm việc hấp dẫn, công bằng và cạnh tranh lành mạnh trong tập đoàn, các quy định về lương thưởng cũng được điều chỉnh nhằm giữ chân nhân tài đồng thời nâng cao năng lực cho nhân sự thông qua các khóa đào tạo về kỹ năng quản lý, chuyên môn, kết hợp cùng việc xây dựng lộ trình công danh rõ ràng, trao cơ hội tới các nhân sự có năng lực.



### 5.5. RỦI RO DANH TIẾNG

Rủi ro về quản trị thương hiệu FECON là một trong những rủi ro ảnh hưởng lớn đến chiến lược phát triển của Tập đoàn trong bối cảnh tăng trưởng quy mô cùng với việc đẩy mạnh phát triển lĩnh vực đầu tư dự án.

Năm 2021, công tác quản lý rủi ro về thương hiệu gắn liền với quản trị khủng hoảng truyền thông được triển khai mạnh mẽ trên cả hai phương diện bao gồm việc nâng cao hiểu biết về quản trị rủi ro thương hiệu trong nội bộ Tập đoàn và quy định về công bố thông tin, ứng phó khủng hoảng truyền thông.

Công ty luôn đảm bảo minh bạch hóa các thông tin và tối đa hóa lợi ích kỳ vọng của các bên liên quan nhằm hạn chế việc phát sinh các thông tin bất lợi liên quan đến chất lượng và uy tín của doanh nghiệp.



### 5.6. RỦI RO PHÁP LÝ

Hệ thống pháp luật Việt Nam liên tục có những thay đổi, điều chỉnh có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của FECON.

Các quy định đặt ra đối với các công ty niêm yết như quản trị công ty, công bố thông tin... ngày càng chặt chẽ, do đó các rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các nghĩa vụ với cổ đông luôn được Công ty chú trọng quản lý, giám sát việc tuân thủ.

Ban Pháp chế tiếp tục đẩy mạnh công tác tham mưu, tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật tới các cán bộ nhân viên liên quan. Bên cạnh đó, FECON luôn sẵn sàng tham khảo ý kiến các chuyên gia tư vấn hỗ trợ nghiệp vụ khi cần thiết.



# ➤ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



*“Ngay từ khi mới thành lập đến nay và mãi mãi về sau, phương châm của FECON là ích nước lợi nhà. Mọi hoạt động đều hướng đến mục tiêu lâu dài là phát triển bền vững của đất nước” – Câu nói này của Chủ tịch Phạm Việt Khoa đã trở thành kim chỉ nam trong mọi hành động của FECON – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG là mục tiêu quan trọng nhất!*

Năm 2021, FECON tiếp tục khẳng định con đường phát triển bền vững trong định hướng đầu tư gắn sự phát triển của doanh nghiệp với sự phát triển bền vững của đất nước.

## • CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Xu thế dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang một số nước ASEAN, trong đó có Việt Nam tạo cơ hội cho bất

động sản công nghiệp phát triển. Cùng với đó, dự báo nhu cầu năng lượng tái tạo trong những năm tới cực kỳ cao với tổng số công suất điện phát trên cả nước vào năm 2030 sẽ gấp đôi hiện nay. FECON là nhà thầu, nhà đầu tư gần gũi 2 mảng này đã nhìn thấy những cơ hội lớn cũng như tự tin vào năng lực của công ty.

Bằng chứng là năm 2021, dự án Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng do liên danh Công ty Cổ phần FECON (đại diện là Công ty Cổ phần đầu tư FECON) và Công ty Ecotech làm chủ đầu tư đã chính thức vận hành thương mại. Với việc được công nhận COD trước “giờ G”, dự án Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng chính thức được hưởng giá ưu đãi cố định (giá FIT) cho điện gió trên bờ là 8,5 cents/ kWh (khoảng 1.927 đồng) theo Quyết định số 39 được Thủ tướng Chính phủ ban hành về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam. Đây là cột mốc quan trọng, ghi nhận nỗ lực của chủ đầu tư và các nhà thầu trong việc triển khai dự án kịp tiến độ giữa bối cảnh dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến công tác thi công.

Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng có công suất giai đoạn 1 là 30MW, tổng mức đầu tư hơn 1.420 tỉ đồng trên diện tích quy hoạch 7,5ha trên đất liền. Nhà máy có 6 trụ turbine gió, mỗi turbine có công suất 5MW. Khi đi vào hoạt động, nhà máy sẽ cung cấp điện năng cho hệ thống thúc gia với sản lượng khoảng 97,5 triệu kWh/năm.

Đây là dự án đầu tư thứ hai của FECON trong mảng năng lượng tái tạo (sau Dự án điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 - 50MW), đánh dấu bước tiến mới của doanh nghiệp trong lĩnh vực này nói riêng và chiến lược “đi bằng hai chân: thi công và đầu tư” nói chung.

Việc tiếp tục đầu tư dự án năng lượng tái tạo là minh chứng cho thấy FECON đang từng bước chắc chắn triển khai chiến lược đã hoạch định cho giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030 - song song hai mảng là đầu tư và thi công. Điểm chung của các dự án là đều được phát triển vì mục tiêu ích nước lợi nhà, không chỉ góp phần phát triển doanh nghiệp mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và đất nước, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Bên cạnh Dự án năng lượng sạch đã đầu tư và vận hành, FECON cũng đang nghiên cứu phát triển các dự án khác tại các địa phương có tiềm năng gió lớn ở Bình Thuận, Gia Lai, Bình Phước... Đặc biệt, tháng 1/2021 UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vừa đồng ý chủ trương cho phép FECON thực hiện nghiên cứu lập hồ sơ đối với dự án nhà máy điện gió trên biển. Dự án này có tổng công suất dự kiến 500MW, diện tích nghiên cứu khảo sát dự án khoảng 120km<sup>2</sup> vùng biển ngoài khơi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Về mảng bất động sản ven đô, FECON hiện có quỹ đất tại nhiều tỉnh thành vùng ven đô Hà Nội trong bán kính 30km từ khu vực hồ Hoàn Kiếm. Đối với các dự án này, FECON định hướng phát triển theo mô hình sinh thái, là những khu đô thị hiện đại phục vụ nhu cầu công nghiệp hóa diễn ra mạnh mẽ tại các thành phố vệ tinh xung quanh Thủ đô Hà Nội.

Quý 1/2021, Tổng công ty đầu tư FECON (FECON Invest) được thành lập, nhằm tăng cường và chuyên nghiệp hóa công tác đầu tư, coi đây là một trụ cột quan trọng, song song và hỗ trợ tích cực cho lĩnh vực thi công trong quá trình phát triển của FECON.

## • HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỰA TRÊN NỀN TẢNG VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Với FECON, việc ứng dụng và phát triển công nghệ trong mọi hoạt động luôn là ưu tiên hàng đầu, với mục tiêu tạo ra lợi thế cạnh tranh trên nền tảng áp dụng những công nghệ tiên tiến nhất. Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu và áp dụng khoa học công nghệ của FECON còn hướng đến mục đích đóng góp cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Năm 2021, dù chịu nhiều tác động của đại dịch Covid 19 trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhưng công tác nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ vẫn được FECON tiếp tục duy trì và phát triển.

- Ngày 18/6, FECON và Hội Bê tông Việt Nam (VCA) đã ký kết thỏa thuận hợp tác về R&D “Nghiên cứu tổng quan về sử dụng trụ điện gió trên bờ bằng bê tông cốt thép thay thế trụ thép tại Việt Nam”. Theo đó, hai bên sẽ hợp tác thu thập, tổng hợp thông tin về trụ điện gió trên bờ bằng bê tông cốt thép trên thế giới và trụ thép tại Việt Nam, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật của trụ gió bê tông cốt thép so với trụ thép, tiến tới đề xuất khả năng thay thế trụ thép bằng trụ bê tông cốt thép cho các nhà máy điện gió tại Việt Nam.
- Tháng 11/2021, Hội nghị công nghệ xây dựng FECON lần thứ 6 đã chính thức được khai mạc với sự tham dự của các chuyên gia ở nhiều lĩnh vực thi công xây dựng. Hội nghị công nghệ thường niên lần thứ 6 của FECON tập trung thảo luận và chia sẻ xoay quanh 5 báo cáo lớn gồm: Bài học kinh nghiệm của FECON trong thiết kế và thi công điện gió; Nghiên cứu giải pháp cho xây dựng trụ điện gió bê tông lắp ghép tại Việt Nam; Xử lý nền đất yếu công trình bến cảng biển bằng cọc xi măng đất đường kính lớn thi công theo phương pháp Jet grouting; Tổng quan về các thí nghiệm địa kỹ thuật, địa vật lý và



FECON tiếp tục khẳng định con đường **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ GẮN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP** với sự phát triển bền vững của đất nước.

không phá hủy cho công trình tuabin gió ngoài khơi (OWT); Thiết kế và thi công móng trụ điện gió ngoài khơi.

- Tháng 12/2021, Hội thảo kỹ thuật với chủ đề “Analysis and design for piled foundations affected by negative skin friction” (Phân tích và thiết kế móng cọc chịu ảnh hưởng của ma sát âm) đã được diễn ra. Đặc biệt, Hội thảo có báo cáo đến 2 chuyên gia nước ngoài, trong đó có Giáo sư Fellenius (Canada), người từng có bài giảng Keynote tại Hội thảo GEOTEC HANOI 2016 – Hội nghị Khoa học Quốc tế gây tiếng vang của FECON.

Ngoài ra, phong trào thường niên “Sáng kiến cải tiến” vẫn tiếp tục thu hút sự tham gia của CBCNV FECON. Chương trình năm nay nhận về tổng cộng 37 sáng kiến trong khắp hệ thống, trong đó, có 31 bài dự thi đã được đưa vào ứng dụng, còn lại 6 bài đang ở giai đoạn ý tưởng. 20 sáng kiến được chọn vào vòng chung khảo, trong đó có 19/20 sáng kiến đã và đang được áp dụng tại các dự án của FECON.

### • NHỮNG BƯỚC ĐI LÂU DÀI GẮN VỚI PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, FECON coi yếu tố con người là ưu tiên hàng đầu. “Tài sản lớn nhất của FECON chính là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập” đã trở thành một trong những triết lý kinh doanh, là kim chỉ nam cho mọi chiến lược, mọi bước đi của FECON trong suốt gần 18 năm qua.

Đầu tư phát triển con người, lan tỏa văn hóa học tập



37 sáng kiến  
31 BÀI ĐƯỢC  
ĐƯA VÀO  
ỨNG DỤNG



- Năm 2021, những hoạt động đầu tư cho con người của FECON tiếp tục đi vào chiều sâu. Trong đó, chương trình “Phát triển lực lượng quản lý dự án (PMP)” vẫn tiếp tục là một trong những điểm nhấn của chính sách phát triển con người của FECON trong năm qua. Chương trình được triển khai từ năm 2017 nhằm rà soát, đánh giá đội ngũ QLDA hiện tại, xây dựng các nội dung phát triển lực lượng lao động QLDA có tính chiến lược và thể hiện hướng đi phát triển nguồn lực cạnh tranh, khác biệt của FECON. Ngoài ra, PMP cũng thúc đẩy tinh thần chia sẻ, học tập giữa các thế hệ QLDA của ECN, sự kết nối một cách tâm huyết giữa những nhân sự có kinh nghiệm, có năng lực tốt, có đam mê và khát vọng cống hiến cho tổ chức.
- Chương trình FECON Leader Foundation 2021 (FLF 2021) được thiết kế dành riêng cho quản lý cấp trung của FECON - một trong những chiến lược phát triển nguồn nhân lực công ty, nhằm mang đến những tri thức quản trị tinh hoa, vừa giúp học viên nâng cao năng lực/tư duy quản lý, vừa có thể áp dụng để giải quyết các vấn đề hiện có của công ty. Chương trình bao gồm 4 mô-đun chuyên biệt, cụ thể về: Quản trị nền tảng, Nâng tầm lãnh đạo, Kiến thức quản trị nâng cao với tổng thời lượng là 120 giờ học. Đặc biệt, các talkshow có sự tham dự và chia sẻ của những nhà quản lý, lãnh đạo đến từ các doanh nghiệp lớn như Vin, FPT... đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của những học viên của khóa học.
- Năm 2021, FECON đứng vị trí thứ 6 Công ty có Nguồn nhân lực hạnh phúc nhóm ngành



Xây dựng/Vật liệu/kiến trúc, đồng thời đứng trong Top 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn năm 2021 do Anphabe bình chọn. Trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của mình, FECON chú trọng việc đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng tầm nhìn, mục tiêu của doanh nghiệp. Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, CBNV được trang bị kỹ năng, kiến thức cần thiết phục vụ cho công việc. Cùng với đó, FECON chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, phúc lợi hấp dẫn.

Trong suốt gần 2 năm bị tác động bởi đại dịch Covid-19, FECON vẫn duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, nỗ lực đảm bảo lương, thưởng cho 1.500 cán bộ công nhân viên trên toàn hệ thống bên cạnh các chính sách hỗ trợ kịp thời, giúp người lao động coi công ty như “ngôi nhà thứ hai”. Năm 2021, nhằm bảo đảm an toàn sức khỏe cho người lao động, FECON đã sớm chủ động tìm kiếm nguồn vaccine và tổ chức tiêm cho CBCNV trên toàn hệ thống. Theo đó, hầu hết người lao động FECON đã được tiêm đủ 2 mũi vaccine theo chương trình tiêm chủng tập trung của Tập đoàn.

Đồng hành cùng các hoạt động xã hội ý nghĩa, lan tỏa văn hóa cống hiến tới thế hệ trẻ. Mặc dù đại dịch Covid-19 kéo dài gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của FECON, tuy nhiên Tập đoàn vẫn thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua việc đồng hành cùng các địa phương bằng các hoạt động thiết thực tổ chức như: Chương trình thăm khám, cấp phát thuốc miễn phí và tặng quà cho người dân tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Chung tay vào công tác phòng, chống dịch tại tỉnh Bắc Giang, Quảng Bình; Ủng hộ người dân chịu ảnh hưởng của bão lũ tại tỉnh Quảng Bình, chương trình tình nguyện “Áo ấm mùa đông” tại huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang...

Bên cạnh đó, FECON còn đồng hành cùng ban nhạc Bức Tường trong liveshow “Trở về”, để cùng lan tỏa nhiều hơn nữa nguồn năng lượng tích cực tới cộng đồng, truyền cảm hứng đến giới trẻ - Hãy dám mơ ước, sống lạc quan và cống hiến nhiều hơn nữa những điều tốt đẹp cho cuộc đời này, chúng ta sẽ nhận lại muôn vàn yêu thương. Với FECON, doanh nghiệp luôn hướng đến việc phát triển thế hệ trẻ, để khơi dậy niềm đam mê cũng như tinh thần sống tích cực. Trước đó, từ năm 2013-2017, FECON đã đồng hành cùng liên đoàn Võ cổ truyền Việt Nam, với mong muốn góp phần gìn giữ phát huy bản sắc dân tộc, cổ vũ phong trào đào tạo Võ cổ truyền trong nhà trường như một môn thể thao được ưa thích của giới học sinh, sinh viên. Thông qua đó, thế hệ trẻ Việt Nam sẽ rèn luyện được cho mình bản lĩnh chiến đấu, vượt qua khó khăn trong mọi hoàn cảnh để tự lập và phát triển bền vững



FECON chú trọng xây dựng **MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHUYÊN NGHIỆP**, phúc lợi hấp dẫn.



# PHẦN 05



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của ban tổng giám đốc	- 68
Báo cáo kiểm toán độc lập	- 70
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	- 72
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	- 74
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	- 75
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	- 76



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch
	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực
	Ông Hà Thế Lộng	Thành viên
	Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên độc lập
	Ông Phạm Trung Thành	Thành viên độc lập
	Ông Nguyễn Song Thanh	Thành viên độc lập
	Ông Phùng Tiến Trung	Thành viên
	Ông Satoyuki Yamane	Thành viên
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
	Ông Trần Công Tráng	Thành viên
	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/4/2021)
	Ông Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/4/2021)
	Ông Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/12/2021)
	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	

## CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc.**



**NGUYỄN VĂN THANH**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022*

# BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**

**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 30/3/2022, từ trang 06 đến trang 63, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

## ► Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## ► Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**VŨ NGỌC ÁN**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày

03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022*

**VŨ XUÂN HÙNG**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

The background is a solid orange color with a repeating pattern of the word 'FECON' in a light orange, outlined font. The 'O's in 'FECON' are replaced by a stylized building icon with a pointed roof and horizontal lines representing windows or floors. A central purple rectangle contains the title text.

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2021

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TÀI SẢN		MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.062.620.383.406	5.557.412.775.682
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	312.430.239.372	358.353.732.799
1.	Tiền	111		172.755.595.009	302.718.732.799
2.	Các khoản tương đương tiền	112		139.674.644.363	55.635.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49.148.587.209	35.358.143.989
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	49.148.587.209	35.358.143.989
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.821.445.306.296	3.969.341.050.922
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.057.456.007.585	2.663.910.912.631
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	173.861.796.618	621.272.475.826
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	62.062.540.000	44.405.044.167
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	531.326.076.549	643.009.282.033
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.197.690.370)	(4.185.497.150)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		936.575.914	928.833.415
IV.	Hàng tồn kho	140		1.662.011.105.914	1.028.107.365.982
1.	Hàng tồn kho	141	5.7	1.662.011.105.914	1.028.107.365.982
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		217.585.144.615	166.252.481.990
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	31.912.874.669	10.268.884.294
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.377.573.349	8.860.704.520
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	2.294.696.597	3.365.933.176
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		124.000.000.000	143.756.960.000
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.433.084.195.177	1.222.701.947.188
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		57.423.776.151	70.291.521.583
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	2.602.610.000	6.333.390.000
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	23.300.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	5.6	54.821.166.151	40.658.131.583
II.	Tài sản cố định	220		1.886.312.740.786	673.036.229.036
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.631.823.344.094	434.424.987.981
-	Nguyên giá	222		2.037.531.474.573	801.271.684.320
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(405.708.130.479)	(366.846.696.339)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	228.314.685.631	185.783.319.516
-	Nguyên giá	225		262.507.159.627	213.661.288.028
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(34.192.473.996)	(27.877.968.512)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.11	26.174.711.061	52.827.921.539
-	Nguyên giá	228		48.459.475.815	71.997.793.875
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.284.764.754)	(19.169.872.336)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		26.965.662.452	46.226.126.647
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	26.965.662.452	46.226.126.647
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		292.205.863.439	304.763.816.009
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2	188.633.242.500	188.633.242.500
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	102.072.620.939	114.630.573.509
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	1.500.000.000	1.500.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		170.176.152.349	128.384.253.913
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	110.253.641.667	75.753.175.787
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		207.450.700	316.390.008
5.	Lợi thế thương mại	269	5.13	59.715.059.982	52.314.688.118
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		270		7.495.704.578.583	6.780.114.722.870



NGUỒN VỐN		MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>C-</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>4.566.523.278.536</b>	<b>4.277.200.229.024</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.365.479.978.631</b>	<b>3.896.088.221.242</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	1.048.908.369.492	1.038.767.308.824
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	354.059.702.076	326.382.710.526
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	44.150.876.373	130.978.504.065
4.	Phải trả người lao động	314		39.140.847.087	29.457.007.708
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	466.586.353.729	999.301.740.342
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		35.190.479	52.785.719
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	72.440.223.420	143.419.299.268
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.331.632.444.581	1.220.446.974.519
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.525.971.394	7.281.890.271
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.201.043.299.905</b>	<b>381.112.007.782</b>
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.778.828.591	2.941.774.132
7.	Phải trả dài hạn khác	337	5.18	54.000.000.000	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	1.140.623.103.116	374.528.865.452
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.641.368.198	3.641.368.198
<b>D-</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>2.929.181.300.047</b>	<b>2.502.914.493.846</b>
<b>I-</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>2.929.181.300.047</b>	<b>2.502.914.493.846</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.574.390.050.000	1.254.390.050.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.574.390.050.000	1.254.390.050.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		517.556.564.217	418.206.069.395
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.039.280.000	10.039.280.000
4.	Cổ phiếu quỹ	415		-	(13.935.465.178)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418		333.791.372.072	334.081.396.957
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		254.161.637	254.161.637
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		218.438.279.112	212.288.658.729
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		150.063.866.509	93.592.214.429
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		68.374.412.603	118.696.444.300
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		274.711.593.009	287.590.342.306
<b>II-</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>		<b>440</b>		<b>7.495.704.578.583</b>	<b>6.780.114.722.870</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN THU TRANG



NGUYỄN THỊ NGHIÊN




NGUYỄN VĂN THANH

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2021 VND	NĂM 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.484.219.388.593	3.154.193.828.244
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.484.219.388.593	3.154.193.828.244
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.014.506.972.691	2.680.784.968.097
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		469.712.415.902	473.408.860.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.943.155.701	15.188.765.569
7. Chi phí tài chính	22	6.4	152.265.106.452	99.245.607.151
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		145.670.784.482	97.973.976.082
8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	25.239.575.877	21.987.042.112
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	200.099.244.674	192.222.584.791
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		111.051.644.600	175.142.391.662
12. Thu nhập khác	31	6.6	6.711.769.614	1.201.316.720
13. Chi phí khác	32	6.6	7.945.583.007	8.154.750.363
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(1.233.813.393)	(6.953.433.643)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		109.817.831.207	168.188.958.019
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	38.927.106.131	34.647.187.978
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		108.939.308	(43.403.083)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		70.781.785.768	133.585.173.124
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		68.374.412.603	118.696.444.300
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.407.373.165	14.888.728.824
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	534	929

Người lập

TRẦN THU TRANG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGHIÊN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	MS	TM	NĂM 2021 VND	NĂM 2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		<b>109.817.831.207</b>	<b>168.188.958.019</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		96.495.220.916	77.751.887.656
- Các khoản dự phòng	03		12.193.220	2.103.152.039
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(43.529.558)	205.073.537
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.674.711.795)	(12.690.624.518)
- Chi phí lãi vay	06		145.670.784.482	96.073.976.082
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>337.277.788.472</b>	<b>331.632.422.815</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.102.426.826.139	(303.061.485.521)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(633.903.739.932)	(352.708.482.329)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(682.982.384.654)	589.818.471.697
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(33.930.923.243)	(7.156.436.807)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(147.453.328.257)	(94.311.240.060)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(41.655.872.956)	(50.506.519.828)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.080.600.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(14.245.349.666)	(25.049.257.603)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(110.386.384.097)</b>	<b>88.657.472.364</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.215.794.261.669)	(404.275.394.821)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		59.694.945.962	190.819.480
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(44.877.003.185)	(124.200.849.501)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.293.459.965	150.922.891.449
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(89.217.551.203)	(1.956.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		32.622.255.000	9.250.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.732.288.359	14.815.826.057
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.208.545.866.771)</b>	<b>(355.252.707.336)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		435.535.960.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(13.935.465.178)
3. Tiền thu từ cho vay	33		4.188.149.225.102	2.418.282.951.423
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.210.207.256.840)	(1.874.126.317.801)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(99.633.260.536)	(82.684.277.044)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(40.869.223.256)	(59.014.661.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.272.975.444.470</b>	<b>388.522.229.900</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(45.956.806.398)</b>	<b>121.926.994.928</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>358.353.732.799</b>	<b>236.464.914.224</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		33.312.971	(38.176.353)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	5.1	<b>312.430.239.372</b>	<b>358.353.732.799</b>

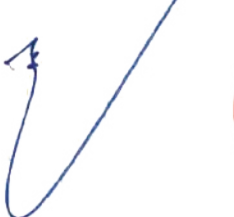
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN THU TRANG



NGUYỄN THỊ NGHIÊN




NGUYỄN VĂN THANH

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FECON được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31/12/2021 là 1.357 lao động (tại ngày 31/12/2020: 1.224 lao động)

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN NĂM GIỮ	QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH
<b>Đầu tư vào các Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần công trình ngầm FECON)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	99,93%	99,93%	94,12%
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm	99,89%	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc	99,89%	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần thi công cọc và xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	99,94%	99,94%	99,94%
FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON (trước là Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (trước là Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON)	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	57,90%	57,90%	57,90%
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Tư vấn đầu tư xây dựng	99,99%	99,99%	91,87%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	97,22%	97,22%	88,01%
FECON Rainbow Foundation Construction Co Ltd.	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	99,999%	99,999%	96,59%
Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	99,997%	99,997%	95,85%
Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng và bán bê tông	100,0%	100,0%	99,56%
Công ty Cổ phần FECON Miltec (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Long An	Sản xuất sản phẩm từ plastic như bắc thăm, vải địa kỹ thuật và các sản phẩm khác từ plastic.	50,29%	50,29%	50,07%
Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (Tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Ecotech Việt Nam)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.	90,00%	90,00%	90,00%
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6		Sản xuất điện	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Hà Nội	Thi công xây dựng	49%	49%	28,4%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Hà Nội	Thi công xây dựng	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	48,83%	48,83%	48,83%

## 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng năm 2021 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần FECON, các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Đầu tư FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON, Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng, Công ty Cổ phần Thiết bị FECON, Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1, Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON, Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON), FECON Trung Chính Myanmar, Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam, Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON, Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI.

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

### **Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

### **Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2021.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

### **Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn

thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 - 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

**Thuê tài chính**

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

**Nguyên tắc kế toán thuê tài chính**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
Máy móc, thiết bị	08 - 20
Phương tiện vận tải	8 - 10

**Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính năm.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu một lần khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.



### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Chi phí trả trước là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Đối với chi phí trả trước là Giá trị quyền sử dụng văn phòng tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm. Công ty phân bổ theo thời gian 48 năm.

### **Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Nguyên tắc kế toán Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ Công ty mẹ - Công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay

Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Trích trước chi phí các công trình khi đã có nghiệm thu khối lượng.

### **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: khoản chênh lệch giữa giá bán và giá thuê lại tài sản thuê tài chính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn thuê của hợp đồng.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu xây lắp.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp, bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế và 25% đối với thuế suất đầu tư vốn ra ngoài Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam theo đó không có Báo cáo bộ phận.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	19.295.351.785	63.466.115.408
Tiền gửi ngân hàng	153.460.243.224	239.252.617.391
Các khoản tương đương tiền	139.674.644.363	55.635.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	139.674.644.363	55.635.000.000
<b>Tổng</b>	<b>312.430.239.372</b>	<b>358.353.732.799</b>

### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>49.148.587.209</b>	<b>49.148.587.209</b>	<b>35.358.143.989</b>	<b>35.358.143.989</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	48.648.587.209	48.648.587.209	35.358.143.989	35.358.143.989
<b>Dài hạn</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Trái phiếu kỳ hạn 10 năm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>50.648.587.209</b>	<b>50.648.587.209</b>	<b>36.858.143.989</b>	<b>36.858.143.989</b>

#### b. Các khoản đầu tư dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>188.633.242.500</b>		<b>188.633.242.500</b>	
Công ty CP Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	49.00%	49.00%	24.500.000.000		24.500.000.000	
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	40.00%	40.00%	162.177.242.500		162.177.242.500	
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	49.10%	49.10%	491.000.000		491.000.000	
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	48.83%	48.83%	1.465.000.000		1.465.000.000	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>102.072.620.939</b>		<b>114.630.573.509</b>	
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	9.09%	9.09%	41.262.620.939		45.201.592.259	
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP			-		8.618.981.250	
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.94%	1.94%	7.000.000.000		7.000.000.000	
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	11.85%	11.85%	16.000.000.000		16.000.000.000	
Hợp tác kinh doanh, đầu tư với các cá nhân			37.810.000.000		37.810.000.000	
<b>Tổng</b>			<b>290.705.863.439</b>	<b>(*)</b>	<b>303.263.816.009</b>	<b>(*)</b>

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty liên kết, đầu tư khác trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.

### 5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.057.456.007.585</b>	<b>2.663.910.912.631</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	62.553.118.955	64.742.512.745
Công ty Posco E&C-Thầu chính Gói thầu A2 thuộc DA Hóa dầu Long Sơn	22.204.245.170	35.386.736.878
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	34.863.407.320	45.249.504.646
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	4.038.004.902	8.718.752.627
Công ty TNHH Liên doanh Thành phố Đế Vương	-	7.730.011.437
Liên danh Hyundai E&C-GHELLA	67.243.818.523	85.686.011.715
Trường đại học Phenikaa	-	11.752.730.344
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	11.822.990.559	20.268.659.507
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Nhơn Trạch	41.027.496.576	72.431.522.440
Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn - Tây Đô	79.309.142.550	79.309.142.550
Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC)	234.534.396.555	176.013.212.679
Liên Danh Nhà Thầu Kumho - Hyundai	12.522.462.968	10.118.198.661
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A	2.038.584.918	99.262.110.479
Công ty Cổ phần điện gió BT1	-	199.293.575.408
Công ty TNHH VESTAS WIND TECHNOLOGY Việt Nam	78.136.751.550	214.291.987.379
Công ty Cổ phần điện gió BT2	-	124.360.487.117
Công ty Cổ Phần Quốc Lộc Phát	30.540.074.468	58.956.817.347
Phải thu các đối tượng khác	1.376.621.512.571	1.350.338.938.672
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>2.602.610.000</b>	<b>6.333.390.000</b>
Phải thu các đối tượng khác	2.602.610.000	6.333.390.000
<b>Tổng</b>	<b>2.060.058.617.585</b>	<b>2.670.244.302.631</b>
<i>Trong đó phải thu ngắn hạn các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>16.090.701.168</i>	<i>952.471.204</i>

### 5.4. Trả trước cho người bán

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu Điện Nam Hà Nội	-	58.058.516.411
Công ty TNHH POWERCHINA Việt Nam	-	329.944.491.860
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thông Thuận	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	8.248.575.994	8.248.575.999
Công ty Cổ phần Tổng hợp Xây dựng 69	8.458.630.589	8.458.630.589
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Đông Anh	7.067.820.544	1.808.290.545
Các đối tượng khác	110.086.769.491	174.753.970.422
<b>Tổng</b>	<b>173.861.796.618</b>	<b>621.272.475.826</b>

### 5.5. Phải thu về cho vay

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>62.062.540.000</b>	<b>44.405.044.167</b>
Công ty Cổ phần Tổng hợp xây dựng công trình 69	550.000.000	634.104.167
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 (1)	34.127.540.000	39.685.940.000
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO) (2)	23.300.000.000	-
Các đối tượng khác	4.085.000.000	4.085.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>23.300.000.000</b>
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO) (2)	-	23.300.000.000
<b>Tổng</b>	<b>62.062.540.000</b>	<b>67.705.044.167</b>
<b><i>Trong đó phải thu cho vay các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i></b>	<b><i>57.427.540.000</i></b>	<b><i>62.985.940.000</i></b>

(1) Theo hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6, thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày bên vay rút khoản vay đầu tiên; Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 01/2019//HĐCG/FCN-FCP ngày 15/12/2019 giữa bên chuyển giao Công ty Cổ phần FECON và bên nhận chuyển giao Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon toàn bộ quyền và nghĩa vụ của FCN phát sinh từ hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019; Phụ lục hợp đồng số 01/2019/FCN-VH6-FCP ngày 16/12/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON, bên kế thừa Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6, theo đó số tiền vay là 55.584.000.000 đồng; Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/01/2020 tự động gia hạn kỳ hạn vay bằng kỳ hạn vay của hợp đồng 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 nếu Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 không có thông báo hoặc các bên không có thỏa thuận khác và điều chỉnh lãi suất hợp đồng cho vay là 5,3% áp dụng kể từ ngày 01/02/2020 cho đến ngày bên vay hoàn trả đầy đủ khoản vay.

(2) Theo thỏa thuận hợp đồng vay có thể chuyển đổi ngày 15/5/2020 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon và Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune; Theo đó Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon cho CTCP Hạ tầng Omega Fortune vay số tiền 23.300.000.000 đồng cho kỳ hạn 2 năm từ 15/5/2020 đến 15/5/2022, lãi suất cho vay 10%/năm; Nếu khoản vay được hoàn trả muộn hơn 15/5/2022 thì cứ 10.000 đồng sẽ quy đổi bằng 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon nắm giữ tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune.

### 5.6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>531.326.076.549</b>	<b>-</b>	<b>643.009.282.033</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hà Việt	4.415.833.610	-	4.415.833.610	-
ACWA Power Vietnam Renewables Pte. Ltd.	-	-	267.000.000	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NHTMCP ngoại thương Việt Nam	853.129.871	-	-	-
Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hảo 6	153.620.680	-	-	-
Công ty cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	3.798.219.176	-	-	-
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	4.936.371.933	-	-	-
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	30.100.589.822	-	-	-
Phải thu khác	35.760.985.942	-	193.416.368.174	-
Tạm ứng	446.556.860.265	-	442.328.714.889	-
Ký cược, ký quỹ	4.750.465.250	-	2.581.365.360	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>54.821.166.151</b>	<b>-</b>	<b>40.658.131.583</b>	<b>-</b>
Các khoản phải thu khác	39.479.684.269	-	7.587.906.473	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	15.341.481.882	-	33.070.225.110	-
<b>Tổng</b>	<b>586.147.242.700</b>	<b>-</b>	<b>683.667.413.616</b>	<b>-</b>
<b><i>Trong đó phải thu khác các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i></b>	<b><i>4.244.330.846</i></b>	<b><i>-</i></b>	<b><i>116.654.782</i></b>	<b><i>-</i></b>

## 5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.426.221.038	-	21.900.756.198	-
Công cụ, dụng cụ	1.806.958.908	-	7.420.252.945	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	1.569.971.713.268	-	902.720.656.453	-
Thành phẩm	24.034.431.471	-	7.307.790.001	-
Hàng hóa	48.771.781.229	-	88.757.910.385	-
<b>Tổng</b>	<b>1.662.011.105.914</b>	<b>-</b>	<b>1.028.107.365.982</b>	<b>-</b>

## 5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>31.912.874.669</b>	<b>10.268.884.294</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	725.849.985	801.034.916
Chi phí bảo hiểm	905.615.111	268.010.313
Chi phí thuê văn phòng	349.002.299	344.607.099
Chi phí mua phần mềm	1.423.371.054	1.393.104.096
Chi phí sửa chữa	-	110.263.455
Chi phí khác	28.509.036.220	7.351.864.415
<b>Dài hạn</b>	<b>110.253.641.667</b>	<b>75.753.175.787</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	31.028.443.017	16.684.834.064
Chi phí sửa chữa	1.464.644.193	2.041.336.990
Tiền thuê văn phòng, thuê tài sản	53.697.036.826	33.268.280.907
Chi phí phần mềm	68.880.918	234.541.610
Phí bảo hiểm	3.560.385.227	1.514.877.000
Phí cung cấp dịch vụ bảo lãnh, Chi phí khác	20.434.251.486	22.009.305.216
<b>Tổng</b>	<b>142.166.516.336</b>	<b>86.022.060.081</b>

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

NGUYÊN GIÁ	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TSCĐ HỮU HÌNH KHÁC	TỔNG
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>100.914.226.135</b>	<b>613.661.779.034</b>	<b>42.152.930.573</b>	<b>3.031.113.407</b>	<b>41.511.635.171</b>	<b>801.271.684.320</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>36.965.898.276</b>	<b>1.056.348.194.376</b>	<b>154.262.488.903</b>	<b>129.454.545</b>	<b>125.246.350.034</b>	<b>1.372.952.386.134</b>
Mua trong năm	111.500.000	33.077.630.284	6.041.239.109	129.454.545	7.173.443.681	46.533.267.619
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	36.766.010.000	-	-	-	36.766.010.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	36.854.398.276	986.504.554.092	148.221.249.794	-	118.072.906.353	1.289.653.108.515
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>132.771.513.936</b>	<b>3.363.047.014</b>	<b>4.100.000</b>	<b>553.934.931</b>	<b>136.692.595.881</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	132.771.513.936	3.363.047.014	-	553.934.931	136.688.495.881
Phân loại lại	-	-	-	4.100.000	-	4.100.000
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>137.880.124.411</b>	<b>1.537.238.459.474</b>	<b>193.052.372.462</b>	<b>3.156.467.952</b>	<b>166.204.050.274</b>	<b>2.037.531.474.573</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>15.825.785.420</b>	<b>306.625.736.232</b>	<b>26.646.775.241</b>	<b>3.031.113.407</b>	<b>14.717.286.039</b>	<b>366.846.696.339</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>4.147.442.887</b>	<b>64.372.368.459</b>	<b>6.522.926.313</b>	<b>127.136.079</b>	<b>10.062.412.510</b>	<b>85.232.286.248</b>
Khấu hao trong năm	4.147.442.887	51.076.565.934	6.522.926.313	127.136.079	10.062.412.510	71.936.483.723
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	13.295.802.525	-	-	-	13.295.802.525
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>44.592.505.409</b>	<b>1.553.956.105</b>	<b>1.781.534</b>	<b>222.609.060</b>	<b>46.370.852.108</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	44.558.414.489	1.553.956.105	-	222.609.060	46.334.979.654
Giảm khác	-	34.090.920	-	-	-	34.090.920
Phân loại lại	-	-	-	1.781.534	-	1.781.534
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>19.973.228.307</b>	<b>326.405.599.282</b>	<b>31.615.745.449</b>	<b>3.156.467.952</b>	<b>24.557.089.489</b>	<b>405.708.130.479</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2021</b>	<b>85.088.440.715</b>	<b>307.036.042.802</b>	<b>15.506.155.332</b>	<b>-</b>	<b>26.794.349.132</b>	<b>434.424.987.981</b>
<b>Tại 31/12/2021</b>	<b>117.906.896.104</b>	<b>1.210.832.860.192</b>	<b>161.436.627.013</b>	<b>-</b>	<b>141.646.960.785</b>	<b>1.631.823.344.094</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 1.402.449.847.406 đồng (Tại ngày 31/12/2020 là: 95.105.358.241 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 81.733.490.650 đồng (Tại ngày 31/12/2020 là: 67.749.969.460 đồng).



## 5.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	TỔNG
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2021	207.340.075.957	6.321.212.071	213.661.288.028
<b>Tăng trong năm</b>	<b>85.582.621.599</b>	<b>2.569.198.091</b>	<b>88.151.819.690</b>
Mua trong năm	85.582.621.599	-	85.582.621.599
Phân loại lại	-	2.569.198.091	2.569.198.091
<b>Giảm trong năm</b>	<b>39.305.948.091</b>	<b>-</b>	<b>39.305.948.091</b>
Mua lại tài sản thuê tài chính	36.736.750.000	-	36.736.750.000
Phân loại lại	2.569.198.091	-	2.569.198.091
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>253.616.749.465</b>	<b>8.890.410.162</b>	<b>262.507.159.627</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2021	26.945.874.469	932.094.043	27.877.968.512
<b>Tăng trong năm</b>	<b>18.680.526.032</b>	<b>952.306.453</b>	<b>19.632.832.485</b>
Khấu hao trong năm	18.680.526.032	929.781.977	19.610.308.009
Phân loại lại	-	22.524.476	22.524.476
<b>Giảm trong năm</b>	<b>13.318.327.001</b>	<b>-</b>	<b>13.318.327.001</b>
Mua lại tài sản thuê tài chính	13.295.802.525	-	13.295.802.525
Phân loại lại	22.524.476	-	22.524.476
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>32.308.073.500</b>	<b>1.884.400.496</b>	<b>34.192.473.996</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2021	180.394.201.488	5.389.118.028	185.783.319.516
Tại 31/12/2021	221.308.675.965	7.006.009.666	228.314.685.631

## 5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	QUYỀN KHAI THÁC MỎ	BẢN QUYỀN, BẰNG SÁNG CHẾ	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC	TỔNG
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2021	29.678.619.190	13.195.889.771	241.800.000	27.956.367.657	925.117.257	71.997.793.875
<b>Tăng trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>88.000.000</b>	<b>-</b>	<b>88.000.000</b>
Tăng khác	-	-	-	88.000.000	-	88.000.000
<b>Giảm trong năm</b>	<b>23.626.318.060</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.626.318.060</b>
Phân loại lại	23.626.318.060	-	-	-	-	23.626.318.060
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>6.052.301.130</b>	<b>13.195.889.771</b>	<b>241.800.000</b>	<b>28.044.367.657</b>	<b>925.117.257</b>	<b>48.459.475.815</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2021	2.558.891.747	5.345.051.015	52.914.452	10.721.828.709	491.186.413	19.169.872.336
<b>Tăng trong năm</b>	<b>420.751.718</b>	<b>910.801.939</b>	<b>30.225.000</b>	<b>3.540.424.535</b>	<b>46.225.992</b>	<b>4.948.429.184</b>
Khấu hao trong năm	420.751.718	910.801.939	30.225.000	3.540.424.535	46.225.992	4.948.429.184
<b>Giảm trong năm</b>	<b>1.833.536.766</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.833.536.766</b>
Phân loại lại	1.833.536.766	-	-	-	-	1.833.536.766
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>1.146.106.699</b>	<b>6.255.852.954</b>	<b>83.139.452</b>	<b>14.262.253.244</b>	<b>537.412.405</b>	<b>22.284.764.754</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2021	27.119.727.443	7.850.838.756	188.885.548	17.234.538.948	433.930.844	52.827.921.539
Tại 31/12/2021	4.906.194.431	6.940.036.817	158.660.548	13.782.114.413	387.704.852	26.174.711.061

### 5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	4.615.950.555
Chi phí dự án trồng lê tại huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	16.906.543.928	15.321.258.670
Sửa chữa TSCĐ	-	43.000.000
Mua sắm tài sản cố định	9.550.027.615	14.203.326.627
Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (giai đoạn 1)	-	12.042.590.795
Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (giai đoạn 2)	509.090.909	-
<b>Tổng</b>	<b>26.965.662.452</b>	<b>46.226.126.647</b>

### 5.13. Lợi thế thương mại

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi thế thương mại đầu năm	52.314.688.118	774.077.256
Lợi thế thương mại tăng trong năm	14.277.897.652	53.423.500.000
Lợi thế thương mại tăng giảm trong năm	6.877.525.788	1.882.889.138
Lợi thế thương mại cuối năm	59.715.059.982	52.314.688.118

### 5.14. Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.048.908.369.492</b>	<b>1.048.908.369.492</b>	<b>1.038.767.308.824</b>	<b>1.038.767.308.824</b>
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	73.303.809.731	73.303.809.731	68.880.450.857	68.880.450.857
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	53.185.812.772	53.185.812.772	109.661.643.345	109.661.643.345
GEOHARBOUR Limited	36.816.311.641	36.816.311.641	36.866.145.196	36.866.145.196
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dung Trần	7.913.524.188	7.913.524.188	30.493.136.088	30.493.136.088
Powerchina Huadong Engineering Corporation Limited	24.753.983.800	24.753.983.800	-	-
Các đối tượng khác	852.934.927.360	852.934.927.360	792.865.933.338	792.865.933.338
<b>Tổng</b>	<b>1.048.908.369.492</b>	<b>1.048.908.369.492</b>	<b>1.038.767.308.824</b>	<b>1.038.767.308.824</b>
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>73.303.809.731</i>	<i>73.303.809.731</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

### 5.15. Người mua ứng tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Techtronic Tools (Việt Nam)	26.323.216.754	-
Công ty TNHH Phong điện Hòa Đông	37.269.610.938	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội	12.002.165.125	20.000.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Sports City	-	694.329.717
Công ty CP Gumada Land (HCMC)	4.584.366.828	25.662.708.839
Ban Quản lý dự án 7	20.031.600.000	-
Văn phòng chính phủ	24.551.683.000	-
Công ty TNHH PowerChina Việt Nam	9.293.113.264	171.720.133.234
Các đối tượng khác	220.003.946.167	108.305.538.736
<b>Tổng</b>	<b>354.059.702.076</b>	<b>326.382.710.526</b>

## 5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM	SỐ ĐÃ NỘP TRONG NĂM	31/12/2021
<b>Phải nộp</b>	<b>130.978.504.065</b>	<b>194.763.078.152</b>	<b>281.590.705.844</b>	<b>44.150.876.373</b>
Thuế giá trị gia tăng	91.753.330.122	44.287.489.698	128.348.633.620	7.692.186.200
Thuế XNK	-	100.435.938	100.435.938	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.229.066.332	44.466.206.595	41.655.872.956	29.039.399.971
- Phát sinh trong năm	32.765.309.237	32.244.448.193	35.970.357.459	29.039.399.971
- Thuế TNDN hoàn nộp thuế (i)	(6.615.373.789)	6.615.373.789	-	-
- Tăng khác	79.130.884	-	79.130.884	-
- Thuế TNDN truy thu	-	5.606.384.613	5.606.384.613	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.823.058.378	21.792.755.122	22.993.067.199	4.622.746.301
Thuế tài nguyên	-	4.211.130.000	2.740.853.000	1.470.277.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	574.419.454	138.699.528	713.118.982	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	1.737.752.636	65.983.168.395	66.465.046.515	1.255.874.516
Thuế môn bài	-	47.500.000	47.500.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.860.877.143	13.735.692.876	18.526.177.634	70.392.385
<b>Tổng</b>	<b>130.978.504.065</b>	<b>194.763.078.152</b>	<b>281.590.705.844</b>	<b>44.150.876.373</b>

	01/01/2021	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM	SỐ ĐÃ NỘP TRONG NĂM	31/12/2021
<b>Phải thu</b>	<b>3.365.933.176</b>	<b>22.464.401.401</b>	<b>21.393.164.822</b>	<b>2.294.696.597</b>
Thuế GTGT	461.872.553	461.872.553	388.642	388.642
Thuế XNK	1.443.752.944	20.707.003.488	21.124.865.813	1.861.615.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp	495.702.783	67.284.149	-	428.418.634
Thuế thu nhập cá nhân	11.623.655	275.259.970	267.910.367	4.274.052
Thuế tài nguyên	952.981.241	952.981.241	-	-
<b>Tổng</b>	<b>3.365.933.176</b>	<b>22.464.401.401</b>	<b>21.393.164.822</b>	<b>2.294.696.597</b>

## 5.17. Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>466.586.353.729</b>	<b>999.301.740.342</b>
Lãi vay phải trả	9.112.260	1.762.736.022
Trích trước chi phí các công trình	458.349.117.627	997.539.004.320
Trích trước chi phí khác	8.228.123.842	-
<b>Tổng</b>	<b>466.586.353.729</b>	<b>999.301.740.342</b>

**5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>72.440.223.420</b>	<b>143.419.299.268</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	121.600	121.600
Kinh phí công đoàn	2.117.137.107	1.161.205.491
Bảo hiểm xã hội	1.137.470.167	873.565.612
Bảo hiểm y tế	394.347.582	331.603.988
Bảo hiểm thất nghiệp	110.227.553	167.086.499
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	4.237.926.335	100.000.000
Phải trả phải nộp khác	64.442.993.076	140.785.716.078
Cổ tức phải trả	123.486.173	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech Việt Nam (1)	25.873.559.000	58.160.000.000
Công ty TNHH Geoharbour Holding (2)	9.955.679.021	22.839.423.224
Viện nền móng và công trình Ngầm Fecon	-	1.000.000.000
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>28.490.268.882</i>	<i>58.786.292.854</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng (3)	54.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>126.440.223.420</b>	<b>143.419.299.268</b>

(1): Khoản phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2020/ECOTECH-FECON giữa CTCP Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech và CTCP Năng lượng Fecon ngày 25/8/2020; Theo đó cổ phần chuyển nhượng là 7.650.000 cổ phần tương đương 25,5% vốn điều lệ của CTCP Năng lượng ECOTECH, giá trị chuyển nhượng là 76.500.000.000 đồng.

(2): Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09/01/2018 giữa bên chuyển nhượng Công ty TNHH Geoharbour Holding và Bên nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần FECON; Cổ phần chuyển nhượng: Cổ phần của Công ty Cổ phần Xử lý nền và xây dựng FECON; Số lượng: 5.070.857 cổ phần; Giá chuyển nhượng: 47.095.000.000 đồng.

(3): Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 99/STE-QVST/HĐHTĐTKD/2021 ngày 01/7/2021 giữa bên A - Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (chủ đầu tư nhà máy điện gió số 6) và Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng (chủ đầu tư nhà máy điện gió số 7); Bên B sẽ hợp tác đầu tư với bên A theo hình thức góp vốn bằng tiền của mình để hoàn trả chi phí đầu tư cho bên A đầu tư, xây dựng các hạng mục đầu tư (đoạn đường dây 110kV mạch kép, tiết diện phân pha 2xACSR 240 mm<sup>2</sup>, chiều dài khoảng 18.779 km từ điểm đầu nối của vị trí số 6 đến điểm đầu nối của vị trí số 5 - Nhà máy điện gió Lạc Hòa giai đoạn 1 thuộc một phần của Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng do bên A làm chủ đầu tư). Các bên sẽ cùng nhau khai thác tài sản hình thành từ hệ thống đường dây truyền tải điện, phục vụ cho việc truyền tải, phân phối và phát điện tại Dự án điện gió số 5 và Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng. Tỷ lệ góp vốn: Bên A chịu trách nhiệm góp phần vốn còn lại để đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư, xây dựng hạng mục đầu tư; Bên B góp 50% giá trị đầu tư xây dựng tương đương 35 tỷ đồng đoạn đường dây từ điểm đầu nối dự án nhà máy điện gió số 7 (vùng 1-3) đến điểm đầu nối nhà máy điện gió Lạc Hòa giai đoạn 1 (vùng 2-3), được sở hữu 50% giá trị của đoạn dây này, được quyền khai thác sử dụng 50% công suất của tuyến đường dây truyền tải và góp 25% giá trị đầu tư tương đương 25 tỷ đồng đoạn đường dây từ Dự án nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (vùng 2-2) đến vị trí đầu nối dự án nhà máy điện gió số 7 (vùng 1-3), được sở hữu 25% giá trị của đoạn dây này, được quyền khai thác sử dụng 25% công suất của tuyến đường dây truyền tải. Tổng giá trị bên B góp vốn hoàn trả chi phí đầu tư là 60 tỷ đồng đã bao gồm thuế GTGT 10%. Các bên thống nhất chia sẻ chi phí vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa toàn bộ hạng mục đầu tư theo tỷ lệ góp vốn đầu tư của các bên. Sau khi hoàn thành dự án đưa vào sử dụng, nếu theo quy định của pháp luật cho phép bên A được cho thuê lại đường dây, bên A cam kết sẽ ký thỏa thuận cho thuê lại đường dây với bên B nếu bên B có yêu cầu, việc cho thuê lại phải căn cứ vào hợp đồng hợp tác đầu tư này và đảm bảo kế thừa các điều kiện, cam kết của các bên tại hợp đồng hợp tác đầu tư này. Thời hạn hợp tác là hết thời hạn của Dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng. Thời hạn góp vốn: Lần 1 bên B góp 80% giá trị đóng góp tương đương 48 tỷ đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc từ ngày ký hợp đồng; Lần 2 bên B góp 10% giá trị đóng góp tương đương 6 tỷ đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hạng mục đầu tư được xác nhận việc thử nghiệm COD đạt yêu cầu; Lần 3 bên B góp 10% giá trị đóng góp tương đương 6 tỷ đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hạng mục đầu tư được nghiệm thu, hoàn công và đưa vào vận hành.

## 5.19 Vay và nợ thuê tài chính

A. VAY	31/12/2021 (VND)		TRONG NĂM (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.331.632.444.581</b>	<b>1.331.632.444.581</b>	<b>3.169.923.543.582</b>	<b>3.058.738.073.520</b>	<b>1.220.446.974.519</b>	<b>1.220.446.974.519</b>
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đống Đa (1)	595.441.090.091	595.441.090.091	1.182.617.740.403	1.025.235.252.897	438.058.602.585	438.058.602.585
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.381.870.494	1.381.870.494	1.381.870.494	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Quân Đội - Sở Giao dịch (2)	263.363.846.532	263.363.846.532	842.850.079.631	924.259.202.895	344.772.969.796	344.772.969.796
NHTương Mại Cổ Phần Quân Đội - Chi nhánh Đồng Anh (3)	40.108.326.003	40.108.326.003	41.481.726.234	1.373.400.231	-	-
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội	30.414.017.640	30.414.017.640	30.000.000.000	31.129.408.732	31.543.426.372	31.543.426.372
Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam	-	-	-	7.365.453.469	7.365.453.469	7.365.453.469
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	5.693.371.034	36.670.678.758	30.977.307.724	30.977.307.724
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm (4)	76.583.492.486	76.583.492.486	133.276.501.385	102.417.688.530	45.724.679.631	45.724.679.631
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (5)	71.305.774.896	71.305.774.896	167.945.153.525	127.352.438.763	30.713.060.134	30.713.060.134
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thanh Xuân (6)	77.156.216.062	77.156.216.062	143.597.277.262	85.300.607.603	18.859.546.403	18.859.546.403
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (7)	11.475.322.549	11.475.322.549	69.309.469.967	82.604.495.308	24.770.347.890	24.770.347.890
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	7.700.000.000	7.700.000.000	7.700.000.000	23.792.391.235	23.792.391.235	23.792.391.235
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ (8)	19.933.509.041	19.933.509.041	35.688.202.707	19.565.803.475	3.811.109.809	3.811.109.809
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	-	7.700.000.000	7.700.000.000	7.700.000.000
Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Ha Noi Branch	-	-	144.102.127.198	193.607.822.853	49.505.695.655	49.505.695.655
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hội sở	7.772.032.993	7.772.032.993	19.570.161.696	59.176.791.041	47.378.662.338	47.378.662.338
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (10)	36.775.649.871	36.775.649.871	127.463.719.523	148.025.591.860	57.337.522.208	57.337.522.208
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long (11)	27.080.535.586	27.080.535.586	91.832.789.051	105.563.253.088	40.810.999.623	40.810.999.623
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long (12)	37.546.738.566	37.546.738.566	55.731.487.697	28.306.344.756	10.121.595.625	10.121.595.625
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng, Tp. Hồ Chí Minh (13)	9.880.380.000	9.880.380.000	15.005.828.026	5.125.448.026	-	-
Vay các cá nhân (14)	17.713.641.771	17.713.641.771	54.676.037.749	44.166.000.000	7.203.604.022	7.203.604.022

	31/12/2021 (VND)		TRONG NĂM (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.012.894.129.105</b>	<b>1.012.894.129.105</b>	<b>907.702.784.321</b>	<b>158.116.521.879</b>	<b>263.307.866.663</b>	<b>263.307.866.663</b>
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	2.832.792.200	2.832.792.200	2.832.792.200
Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - CN Sở Giao Dịch 1	905.968.800	905.968.800	16.508.135	5.953.323.851	6.842.784.516	6.842.784.516
Ngân hàng TMCP Quân đội (15)	756.935.340.252	756.935.340.252	701.795.482.479	19.408.598.467	74.548.456.240	74.548.456.240
SHOWA LEASING ,LTD	515.400.000	515.400.000	-	-	515.400.000	515.400.000
Vay Công ty Shanghai Harbour Brunei (16)	44.009.705.032	44.009.705.032	-	-	44.009.705.032	44.009.705.032
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	-	-	-
Trần Ngọc Dương (17)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (18)	446.666.676	446.666.676	-	611.166.663	1.057.833.339	1.057.833.339
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội (19)	2.053.333.343	2.053.333.343	-	559.999.992	2.613.333.335	2.613.333.335
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (20)	46.225.928.236	46.225.928.236	76.819.977.498	35.352.417.500	4.758.368.238	4.758.368.238
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Kinh Đô	255.970.557	255.970.557	-	1.223.223.206	1.479.193.763	1.479.193.763
<b>Trái phiếu thường</b>						
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí (21)	79.333.333.332	79.333.333.332	33.683.333.332	52.000.000.000	97.650.000.000	97.650.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (22)	70.212.482.877	70.212.482.877	95.387.482.877	25.175.000.000	-	-

	31/12/2021 (VND)			TRONG NĂM (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Thuế tài chính</b>	<b>127.728.974.011</b>	<b>127.728.974.011</b>	<b>116.141.235.758</b>	<b>99.633.260.536</b>	<b>111.220.998.789</b>	<b>111.220.998.789</b>	<b>111.220.998.789</b>	<b>111.220.998.789</b>	
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.194.629.642	10.194.629.642	16.087.591.819	9.836.577.519	3.943.615.342	3.943.615.342	3.943.615.342	3.943.615.342	
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	29.271.007.228	29.271.007.228	26.032.776.250	12.999.875.250	16.238.106.228	16.238.106.228	16.238.106.228	16.238.106.228	
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (27)	30.862.931.044	30.862.931.044	29.858.566.100	37.307.622.171	38.311.987.115	38.311.987.115	38.311.987.115	38.311.987.115	
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	217.916.636	217.916.636	217.916.636	217.916.636	217.916.636	
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội (28)	6.455.865.997	6.455.865.997	-	5.822.359.768	12.278.225.765	12.278.225.765	12.278.225.765	12.278.225.765	
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - CN Hà Nội (29)	50.259.301.320	50.259.301.320	44.162.301.589	33.075.142.432	39.172.142.163	39.172.142.163	39.172.142.163	39.172.142.163	
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	685.238.780	685.238.780	-	373.766.760	1.059.005.540	1.059.005.540	1.059.005.540	1.059.005.540	
<b>Tổng</b>	<b>2.472.255.547.697</b>	<b>2.472.255.547.697</b>	<b>4.193.767.563.661</b>	<b>3.316.487.855.935</b>	<b>1.594.975.839.971</b>	<b>1.594.975.839.971</b>	<b>1.594.975.839.971</b>	<b>1.594.975.839.971</b>	

#### b. Nợ thuế tài chính

	NĂM 2021 (VND)			NĂM 2020 (VND)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Trả tiền lãi thuế
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.391.445.200	9.836.577.519	554.867.681	6.172.429.059	621.647.463	5.550.781.596
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	14.804.547.574	12.999.875.250	1.804.672.324	10.133.232.530	1.158.732.723	8.974.499.807
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chaillease - CN Hà Nội	6.603.819.128	5.822.359.768	781.459.360	8.420.347.031	1.289.862.806	7.130.484.225
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	39.566.150.934	37.307.622.171	2.258.528.763	43.222.150.758	2.957.428.161	40.264.722.597
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín	221.674.436	217.916.636	3.757.800	1.375.840.500	102.890.500	1.272.950.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV- Sumi Trust - CN Hà Nội	36.956.954.312	33.075.142.432	3.881.811.880	20.368.006.424	939.462.065	19.428.544.359
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	459.221.077	373.766.760	85.454.317	76.112.802	13.818.342	62.294.460
<b>Tổng</b>	<b>109.003.812.661</b>	<b>99.633.260.536</b>	<b>9.370.552.125</b>	<b>89.768.119.104</b>	<b>7.083.842.060</b>	<b>82.684.277.044</b>

(1) -Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/132625/HĐTD ngày 25/05/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng 1.300 tỷ đồng trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn 600 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 700 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, tối đa là tới 31/05/2022. Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12117088/HĐTD lập ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 cấp hạn mức tín dụng tối đa là 120 tỷ đồng. Trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán là 50 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 70 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này nhưng không quá 29/6/2022. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng, bảo lãnh cụ thể. Biện pháp bảo đảm là: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/12117088/HĐBĐ ngày 15/07/2019 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thế chấp các tài sản sau: Máy ép cọc thủy lực ZYJ420B, Máy ép cọc thủy lực ZYJ860BG, Máy ép cọc thủy lực ZYJ 600, Máy đóng cọc bánh xích IHI IPD100 cùng các chứng từ kèm theo với tổng giá trị tài sản thế chấp sau khi làm tròn là: 9.116.420.290 đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/12117088/HĐBĐ ngày 12/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thế chấp Xe Toyota Fortuner 20119, Biển kiểm soát 30G-540.14 cùng chứng nhận đăng ký xe ô tô số 753055 ngày 18/09/2020 với tổng giá trị tài sản thế chấp là 910.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/12117088/HĐBĐ ngày 12/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thế chấp các tài sản sau: Búa đóng cọc Diezen HD50, số ZC20081107A, Búa đóng cọc Diezen HD50 số ZC20081120A, Búa đóng cọc Diezen HD62 số ZC20081132A, Búa đóng cọc Diezen HD62 số ZC20110322A, Búa đóng cọc Diezen HD50 số ZC20110318A cùng các chứng từ gốc với tổng giá trị tài sản thế chấp là 1.390.862.016 đồng.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12145161/HĐTD ngày 05/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON; Hạn mức cấp tín dụng tối đa 60.000.000.000 đồng, Trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn (gồm cả L/C và bảo lãnh thanh toán) là 30.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 30.000.000.000 đồng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Biện pháp bảo đảm: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản và Phạm vi về bảo đảm của Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này; Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12745542/HĐTD ngày 08/7/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Thi công Cọc và Xây dựng FECON. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán là 40 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 60 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/7/2022. Lãi suất cho vay xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: Máy ép cọc DTZ 718; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508(N59902); Máy đóng cọc Hitachi PD100; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508-105M(N56702); Máy đóng cọc Sumitomo LS218 RH5; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH608-120M; Bộ búa đóng cọc thủy lực DKH-13; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508-105M(N59202); Máy đóng cọc Nippon Saryo DH558-110M; Trạm trộn bê tông công suất 120m3/h; Bộ máy bơm Hitachi trục vít 120HP (xuất xứ Nhật); và Xe ô tô Ford Rang

(2) - Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 51457.21.002.966899.TD ngày 29/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 và Công ty cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng bao gồm:

*HMTD 1:* Hạn mức cho vay 190 tỷ đồng, hạn mức thấu chi (thuộc hạn mức cho vay) 2 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 240 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán 15 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh khác 225 tỷ đồng, hạn mức LC 15 tỷ đồng, hạn mức cho vay chưa có đầu ra cụ thể 12.5 tỷ đồng, hạn mức cho vay thanh toán cho Công ty liên quan 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức từ 29/09/2021 đến ngày 26/08/2022.

*HMTD 2:* Hạn mức cho vay 380 tỷ đồng, hạn mức thấu chi (thuộc hạn mức cho vay) 4 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 480 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh khác 450 tỷ đồng, hạn mức LC 30 tỷ đồng, hạn mức cho vay chưa có đầu ra cụ thể 25 tỷ đồng, hạn mức cho vay thanh toán cho Công ty liên quan 200 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: HMTD 2 chỉ có hiệu lực khi:

+ Fecon có nhu cầu sử dụng vượt giá trị HMTD 1; có đề nghị gửi cho MB và được chấp nhận

+ HMTD 2 có hiệu lực tại thời điểm MB chấp thuận cho Fecon sử dụng khoản tín dụng trong HMTD 2.

Lãi suất gồm lãi suất cố định theo văn bản nhận nợ của hoặc lãi suất thả nổi theo thị trường; Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây dựng của khách hàng; Tài sản đảm bảo là giá trị sản lượng dở dang và/hoặc quyền đòi nợ từ phương án MB tài trợ theo các Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ; Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa là 30, 70, 80% tùy theo tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng vay số 71762.20.226.2831023.TD ngày 16/12/2020 với Ngân hàng TMCP Quân Đội. Mục đích vay: Để bổ



sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp của khách hàng giai đoạn 2020 - 2021. Ngày hiệu lực: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 05/12/2021; thời hạn vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Hình thức đảm bảo tiền vay: Tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành, quyền đòi nợ và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang, quyền phát sinh từ hợp đồng thầu phụ số LTRS/SUB/0033 ngày 20/02/2020 và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang.

- Theo hợp đồng cho vay số 355.20.031.7109327.TD ngày 03/12/2020 giữa bên vay Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng và bên cho vay Ngân hàng TMCP Quân Đội; Phương thức cho vay: Cho vay dài hạn; Số tiền vay 900.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Tài trợ thanh toán các chi phí xây dựng, thiết bị để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng – Giai đoạn 1 tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Thời hạn cho vay 168 tháng (14 năm); Thời hạn rút vốn vay tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không muộn hơn 31/12/2021; Lãi suất thả nổi được quy định tại các văn bản nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Tiền – Thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi-Giấy tờ có giá, Tài sản khác, Động sản (Quyền tài sản và các quyền, các khoản thu, lợi tức phát sinh từ Dự án, Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Dự án), Bất động sản (Công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc Dự án,...).

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 64493.21.031.5207909.TD ngày 25/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Thi công Cọc Fecon số 1 và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh; Hạn mức tín dụng 1 là 17.250.000.000 đồng, doanh số giải ngân tối đa 25.785.000.000 đồng; Hạn mức tín dụng 2 là 34.500.000.000 đồng, doanh số giải ngân tối đa 51.750.000.000 đồng. Tại thời điểm cấp tín dụng, Hạn mức tín dụng 1 có hiệu lực, Hạn mức tín dụng 2 chưa có hiệu lực. Hạn mức tín dụng 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi khách hàng có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của Hạn mức tín dụng 1 và khách hàng có đề nghị gửi MB và được MB chấp thuận; Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/06/2022; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn phục vụ thi công theo Hợp đồng xây lắp số 0910/2021/LH2/IPC-FC1 ngày 09/10/2021 về việc cung cấp vật tư và thi công cọc cho móng tuabin điện gió - Dự án Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2 giữa Công ty Cổ phần Thi công Cọc Fecon số 1 và Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC; Lãi suất theo văn bản nhận nợ của khách hàng với MB; Biện pháp đảm bảo gồm tiền ký quỹ, tiền gửi của MB, tối thiểu 15% nghĩa vụ đảm bảo bằng tài sản độc lập, tối đa 85% nghĩa vụ đảm bảo bằng hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ, bảo đảm theo quy định cụ thể tại hợp đồng bảo đảm ký giữa MB và khách hàng.

(4) Hợp đồng vay số 372/2020-HĐCVHM/NHCT903-FECON SOUTH JSC ngày 15/12/2020 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp năm 2020 – 2021; thời hạn vay: Được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng và được duy trì hạn mức đến ngày 30/11/2021; Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản đảm bảo là các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng cho vay có quy định hoặc dẫn đến nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay

(5) - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 21/2020/HDTD/TTKHDNL MB2/01 ngày 04/3/2021 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Fecon; Hạn mức cấp tín dụng 500 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay tối đa là 200 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này; Mục đích vay: vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp của khách hàng; Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức theo từng phương án kinh doanh đảm bảo không vượt quá 9 tháng/khế ước nhận nợ; Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ; Không áp dụng biện pháp bảo đảm, theo đó Công ty Cổ phần Fecon có nghĩa vụ: Bổ sung các biện pháp bảo đảm hoặc tài sản bảo đảm theo yêu cầu của TP Bank nếu FECON không đáp ứng được các điều kiện cấp tín dụng không có bảo đảm theo quy định của TP Bank & Trả nợ trước hạn cho TB Bank trong trường hợp không thực hiện được các biện pháp bảo đảm

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo HĐ cấp tín dụng hạn mức số 148/2020/HDTD/PHG/01 ngày 14/4/2020. Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ đồng chẵn); Thời hạn: 12 tháng (từ ngày 14/4/2020 đến 14/4/2021). Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh theo từng lần giải ngân và quy định trong từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ và các biện pháp bảo đảm khác.

- Hợp đồng hạn mức số 549/220/HDTD/PHG/01 ngày 18 tháng 12 năm 2020 với Ngân Hàng TMCP Tiên Phong Bank. Hạn mức tính dụng :120.000.000.000 VND. Thời gian sử dụng hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay quy định cụ thể trong văn bản nhận nợ. mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công nền móng công trình ngầm. Tài sản đảm bảo chung cho hạn mức tính dụng: Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai; đã hình thành từ các khách hàng đầu ra; Sổ tiết kiệm; Hợp đồng tiền gửi; Bất động sản; Oto dưới 10 chỗ; Máy móc thiết bị đủ điều kiện theo quy định của TP Bank thuộc sở hữu của công ty;các thành viên của Công ty hoặc của bố, mẹ, anh, chị, em, vợ chồng của cổ đông Công ty hoặc bên thứ 3 theo quy định.

(6) - Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2020 và 2021:

+ Theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 67/2020/HDTD/TXN/01 ngày 12/5/2020 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty cổ phần Cọc khoan và kết cấu ngầm FECON; Hạn mức cấp tín dụng tối đa 80.000.000.000 VND trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 50.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh; Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày 12/5/2020 đến ngày 12/5/2021;

Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ hoặc theo các hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa 2 bên;

+ Theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 122/2021/HDTD/TXN/01 ngày 15/6/2021 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON; Hạn mức cấp tín dụng tối đa 80.000.000.000 đồng, Trong đó hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng, hạn mức L/C là 50.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, xây lắp; Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày 15/6/2021 đến ngày 15/6/2022; Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ hoặc theo các hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa 2 bên

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 26/2021/HDTD/TXN/01 ngày 05/02/2021 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 về việc cấp hạn mức tín dụng như sau: Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND bao gồm bảo lãnh thanh toán và Hạn mức bảo lãnh là 60.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng HMTD là 12 tháng kể từ ngày 05/02/2021 đến ngày 05/02/2022 với lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Tài sản đảm bảo được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 247/2019/HDBD/TXN/04 ngày 29/10/2020.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 167/2021/HDTD/TXN/01 ngày 23/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON; Hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng, hạn mức cho vay 50 tỷ đồng, hạn mức L/C 50 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 70 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, xây lắp của Công ty; Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng cầm cố tài sản số 64/2021/HDBD/TXN/04 ngày 18/05/2021, hợp đồng thế chấp tài sản số 130/2020/HDBD/TXN/02 ngày 04/02/2021, hợp đồng bảo đảm ký kết trước, trong và sau ngày hiệu lực của Hợp đồng này.

(7) Hợp đồng vay số 9899503.21 ngày 04/01/2021 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB); mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng này; Lãi suất vay: Lãi suất cho vay thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của VIB theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Pháp luật; Hình thức đảm bảo tiền vay: Là các khoản phải thu đã hình thành, hình thành trong tương lai từ các hợp đồng đầu ra do VIB tài trợ, bảo lãnh thanh toán của Công ty mẹ - Công ty CP Fecon đối với toàn bộ hạn mức tín dụng

(8) Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-2021.01001 ngày 12/10/2021 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ và Công ty Cổ phần Fecon; Hạn mức cấp tín dụng 350 tỷ đồng bao gồm toàn bộ số dư nợ và số dư bảo lãnh trừ bảo lãnh vay vốn, trong đó hạn mức cho vay tối đa là 200 tỷ đồng; Thời hạn cho vay là theo từng giấy nhận nợ cụ thể, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 05/10/2021; Mục đích vay: vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ. Cho vay có đảm bảo một phần bằng tài sản với tỷ lệ tối thiểu là 15%/ tổng số dư nợ giải ngân. Tài sản đến đâu giải ngân đến đó, đảm bảo tại mọi thời điểm duy trì được tỷ lệ tài sản nêu trên.

(9) Theo hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu (áp dụng với Chiết khấu BCT kèm hối phiếu theo phương thức thanh toán trả sau) số MMD202113398490/HĐHMCK ngày 28/04/2021 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Công ty cổ phần FECON; Giá trị hạn mức chiết khấu BCT kèm hối phiếu theo phương thức thanh toán trả sau: 60 tỷ đồng; Tỷ lệ chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau: Tỷ lệ chiết khấu tối đa là 100% giá trị hối phiếu hoặc hóa đơn. Mục đích sử dụng tiền chiết khấu BCT: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được nêu cụ thể tại đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất và phí chiết khấu được quy định cụ thể trên đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Đồng tiền BTT là VND; Biện pháp bảo đảm theo quy định của Techcombank từng thời kỳ được quy định cụ thể trong các hợp đồng bảo đảm.

(10) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/19202 ngày 03/01/2020 và bản sửa đổi thứ nhất Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/20227 ngày 25/12/2020 giữa Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức vay tài trợ thương mại 150.000.000.000 đồng; Mục đích: Tài trợ nhập khẩu, mua vật liệu, hàng hóa và các dịch vụ trong nước; Lãi suất: 1,5% cộng với chi phí huy động vốn tùy từng thời điểm hoặc lãi suất khác được 2 bên chấp thuận; Kỳ hạn tối đa 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Hạn mức bảo lãnh 150.000.000.000 đồng; Mục đích: Dành cho việc phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh ứng trước, bảo lãnh bảo hành; Kỳ hạn tối đa 03 năm cho tất cả các bảo lãnh ngoại trừ bảo lãnh thanh toán là 01 năm; Phí 1,5%/năm; Bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh ứng trước được giới hạn ở mức 10% - 15% giá trị hợp đồng hoặc tùy vào quyết định của ngân hàng; Biện pháp bảo đảm: Thế chấp các hợp đồng của bên vay được ngân hàng tài trợ sẽ phải đăng ký giao dịch bảo đảm (không áp dụng cho bảo lãnh dự thầu), đối với mỗi hợp đồng được ngân hàng tài trợ phải chỉ rõ qua tài khoản của bên vay được mở tại ngân hàng, các hợp đồng tài trợ phải được ngân hàng xác nhận. Bản sửa đổi thứ 2 của Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/19202 Ngân Hàng và Bên Vay đồng ý tái tục Hợp đồng Tín Dụng số UOB/HCMC/CASL/19202 ngày 03/01/2020, Bản Sửa Đổi Thứ Nhất Hợp Đồng Tín Dụng số UOB/HN/CASL/20227 ngày 25/12/2020 ("Hợp Đồng Tín Dụng") thêm kỳ hạn một (1) năm kể từ ngày của Bản Sửa Đổi Thứ Hai này. Hạn mức tín dụng 200 tỷ, mục đích vay, lãi suất và các điều khoản khác không đổi.

(11) -Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 1711/2020-HĐCVHM/NHCT326-FECON ngày 25/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 25/11/2020 đến ngày 25/11/2021; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC phục vụ hoạt động SXKD của bên vay; Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ; Biện pháp

bảo đảm: Theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo.

-Hợp đồng cho vay từng lần số 54/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 24/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư FECON với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 12.000.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: phục vụ hoạt động thi công hạng mục Bền tạm thuộc Dự án Nhà máy điện gió Lạc Hòa tại xã Lạc Hòa, Tx. Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Thời hạn giải ngân là từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 02/3/2021, thời hạn cho vay đến hết ngày 26/6/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ được điều chỉnh một tháng một lần. Biện pháp bảo đảm bao gồm các Hợp đồng: Hợp đồng thế chấp số 26/2019/HĐBĐ/NHCT328-HTFECON ngày 02/8/2019, 27/2019/HĐBĐ/NHCT328-HTFECON ngày 02/8/2019, 113/2018/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 25/10/2018; Cam kết trả nợ thay của Công ty Cổ phần Fecon; HĐ thế chấp số 119/2020/HĐBĐ/NHCT/328-FECON ngày 24/12/2020; HĐ cầm cố giấy tờ có giá số 56/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 30/08/2020; HĐ thế chấp động sản số 104/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 27/11/2020; Hợp đồng thế chấp động sản số 105/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 26/11/2020.

-Hợp đồng cho vay từng lần số 55/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 24/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư FECON với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: phục vụ hoạt động thi công hạng mục Thi công đường và hệ thống thoát nước, bãi cầu, công tác đất cho móng trụ điện thuộc dự án Trang trại điện gió BT1 tại xã Ninh Hải, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Thời hạn giải ngân là từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/05/2021, thời hạn cho vay đến hết ngày 23/9/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ được điều chỉnh một tháng một lần.

-Hợp đồng cho vay từng lần số 44/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 05/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư FECON với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 180.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công công trình hạ tầng thuộc dự án Hoa Sen Đại Phước Phân khu 4 tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cố định ghi trên từng Giấy nhận nợ.

-Hợp đồng cho vay từng lần số 38/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 29/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư FECON với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 270.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công công trình hạ tầng thuộc dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất tại địa điểm Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Thời hạn giải ngân là từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/9/2020, thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cố định ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(12) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 02/21/CTD/FECON ngày 05/01/2021 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Fecon; giới hạn cấp tín dụng 300 tỷ đồng; thời hạn cấp tín dụng tối đa 12 tháng nhưng không quá ngày 04/02/2022; Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm.

(13) Hợp đồng vay số 01/2020/14167346/HĐTD ngày 16/11/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng, Tp. Hồ Chí Minh; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng này; Lãi suất vay: Lãi suất cho vay được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Hình thức đảm bảo tiền vay: Nhận tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của Công ty.

(14) Theo Hợp đồng vay vốn số 01/FCPL1/2022 ngày 01/01/2022 giữa bên vay Công ty Cổ phần Thi công Cọc Fecon số 1 và bên cho vay bà Nguyễn Thị Lan Nhung; Số tiền vay 4.700.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn ngắn hạn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay dự kiến từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022; Lãi suất 6%/năm.

(15) Theo hợp đồng cho vay số 355.20.031.7109327.TD ngày 03/12/2020 giữa bên vay Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng và bên cho vay Ngân hàng TMCP Quân Đội; Phương thức cho vay: Cho vay dài hạn; Số tiền vay 900.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Tài trợ thanh toán các chi phí xây dựng, thiết bị để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng - Giai đoạn I tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Thời hạn cho vay 168 tháng (14 năm); Thời hạn rút vốn vay tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không muộn hơn 31/12/2021; Lãi suất thả nổi được quy định tại các văn bản nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Tiền – Thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi-Giấy tờ có giá, Tài sản khác, Động sản (Quyền tài sản và các quyền, các khoản thu, lợi tức phát sinh từ Dự án, Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Dự án), Bất động sản (Công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc Dự án,...)

(16) Khoản vay Công ty TNHH Shanghai Harbour Brunei theo Hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 01/6/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 02 tháng 5 năm 2012; thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng, lãi suất vay 0%. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay gốc nguyên tệ tại ngày 31/12/2020 là: 1.935.768,86 USD.

(17) Hợp đồng vay tiền số 0810/2019/HĐ-KT.FECON ngày 11/5/2020 giữa ông Trần Ngọc Dương (Tư cách là bên cho vay) và Công ty Cổ phần Fecon; Số tiền vay là 12 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 24 tháng; lãi suất cho vay là 12%/năm; phương thức trả lãi vào ngày 20 hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; Bảo đảm của bên vay: Bên vay bảo đảm bằng mọi biện pháp, bao gồm tất cả và toàn bộ số dư tài khoản tại ngân hàng, các tài sản (bao gồm bất động sản và động sản) mà bên vay là chủ sở hữu hợp pháp, bất kể ở thời điểm

hiện tại và tương lai để hoàn trả khoản vay/hoặc các tài khoản tiền mà bên vay đã giải ngân cho bên vay khi đến hạn

(18) Hợp đồng cho thuê tài chính số 45.19.09/CTTC ngày 17/7/2019 giữa Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư FECON. Số tiền cho thuê 2.010.000.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng từ thời điểm giải ngân khoản đầu tiên được điều chỉnh 6 tháng/lần, 6 tháng đầu áp dụng lãi suất cố định 9,6%/năm. Sau 6 tháng, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Sở giao dịch Vietcombank công bố cộng biên độ 3,3%/năm.

(19) Hợp đồng cho thuê tài chính số B200739613 ngày 30/9/2020 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội và Công ty cổ phần Đầu tư FECON. Số tiền cho thuê 2.800.000.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng sau ngày bắt đầu thuê là lãi suất thả nổi tính theo lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC (tính theo lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng của 1 trong 3 ngân hàng BIDV, Sacombank, Vpbank) 9,30%/năm, biên độ dao động 2,69%.

(20) - Hợp đồng cho vay số: 28/2017/HĐTD/PHG ngày 20/01/2017 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Số tiền vay là 733.000.000 đồng. Mục đích vay: để thanh toán tiền mua ô tô phục vụ mục đích đi lại nội bộ của doanh nghiệp theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 0117/07/HĐKT/VH ký ngày 09/01/2017 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Công ty TNHH ô tô Việt Hùng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.

- Hợp đồng cho vay số 280/2019/GNN/PHG/01 ngày 17/6/2019. Số tiền vay là 3.900.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy bơm 2-SHAFT-AUGER theo hợp đồng số 12/2019/HD-KH.FCU ký ngày 08/04/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Sung Won Heavy Machinery Co.,Ltd. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu. Lãi suất linh hoạt: áp dụng 11%/năm trong 3 tháng đầu và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,6%/năm trong thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 305/2019/HĐTD/PHG/01 ngày 01/7/2019. Số tiền vay là 1.067.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại nội bộ theo Hợp đồng mua bán số 2406-04/2019/HĐMB-TG ký ngày 24/6/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Công ty Cổ phần Hà Thành Ô tô. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày 05/7/2019. Lãi suất linh hoạt: 8,9%/năm trong năm đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,95%/năm trong thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.

- Hợp đồng cho vay số 215/2017/HĐTD/PHG/03 ngày 20/9/2019. Số tiền vay là 622.680.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 29/2019/HĐ-KH.FCU. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất linh hoạt theo từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Biện pháp đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi trường an lộc số HDTG/190414/PHG/1818189900E phát hành ngày 19/4/2019.

- Hợp đồng cho vay số 467/2019/HĐTD/PHG/01 ngày 13/11/2019. Số tiền vay là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để bù đắp chi phí đầu tư máy móc thiết bị theo hợp đồng mua bán thiết bị số 32/2019/HĐ-KH.FCU ký ngày 06/9/2019 giữa Công ty TNHH BVA và Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon; Hóa đơn VAT số 0000003 ngày 09/9/2019; biên bản bàn giao máy móc ngày 07/9/2019. Thời hạn cho vay: 36 tháng từ ngày 19/11/2019. Lãi suất linh hoạt: 10,5%/năm trong năm đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,9%/năm với thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo theo quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản số 467/2019/HĐBD/PHG/01 ngày 13/11/2019.

(21) Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 15/4/2020 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí; Mệnh giá trái phiếu 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Khối lượng trái phiếu đặt mua 50.000 trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 18 tháng; Lãi suất trái phiếu trong suốt kỳ hạn trái phiếu cố định là 11%/năm; Ngày thanh toán gốc: trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn theo các điều kiện và điều khoản trái phiếu, tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn; Ngày thanh toán lãi: Ngày thanh toán lãi đầu tiên là 30/09/2020; ngày thanh toán lãi cuối cùng là ngày đáo hạn trái phiếu.

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu FCNH202202 đáo hạn năm 2022 giữa Công ty Cổ phần FECON và các cá nhân; Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu 18 tháng; Tổng khối lượng phát hành: 80.000 Trái phiếu; Lãi suất phát hành cố định 11%/năm.

(22) Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2021/HĐĐMTP/TPBANK-FECON ngày 15/06/2021 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Bên mua Trái phiếu); Mệnh giá một trái phiếu 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Giá phát hành 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Số lượng trái phiếu được mua: 95.000 Trái phiếu; Tổng giá trị được mua 95 tỷ đồng; Cam kết mua lại trái phiếu: Công ty Cổ phần FECON mua lại trái phiếu vào các tháng thứ 3,6,9,12,15,18,21 tháng kể từ ngày phát hành Trái phiếu mỗi đợt mua lại 11,875 tỷ; kỳ hạn trái phiếu là 24 tháng; Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất thả nổi: Lãi suất - lãi suất tham chiếu (Lãi suất TGTK VND áp dụng cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong) + 3,5%/năm và tối thiểu 10%/năm; Ngày thanh toán gốc: trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn theo các điều kiện và điều khoản trái phiếu, tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn; Ngày thanh toán lãi: Việc thanh toán lãi sẽ được thực hiện vào Ngày thanh toán lãi/ngày đáo hạn/ngày mua lại trước hạn/ngày mua lại định kỳ/ngày các trái phiếu đến hạn thanh toán theo nguyên nhân khác. Tài sản đảm bảo: 3 triệu cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần FECON & 4,1 triệu cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon & 10.099.500 cổ phần của Công ty cổ phần Fecon South & 5.000.000 cổ phần của Công ty cổ phần Năng lượng Fecon.

## 5.20. Vốn chủ sở hữu

### a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích có đồng không kiểm soát	Tổng
	vốn ngân sách	Nguyên vốn tự bổ sung	Tổng cộng							
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>1.195.388.930.000</b>	<b>418.206.069.395</b>	<b>10.039.280.000</b>	<b>335.827.353</b>	<b>285.327.260.365</b>	<b>300.744.819.137</b>	<b>255.830.001.249</b>	<b>2.455.832.907.499</b>		
Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	-	-	10.039.280.000	-	-	(10.039.280.000)	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	118.696.444.300	14.888.728.824	133.585.173.124	-	-
Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	59.001.120.000	-	-	-	-	(59.001.120.000)	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(23.247.908.100)	(436.905.937)	(23.684.814.037)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	40.092.596.809	(40.092.596.809)	-	-	-	-
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	(59.014.661.500)	(149.971.506)	(59.164.633.006)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(13.935.465.178)	-	-	-	(13.935.465.178)	-	-
Trích thưởng HĐQT và BKS (i)	-	-	-	-	-	(2.824.434.768)	(136.565.232)	(2.961.000.000)	-	-
Tặng khác (ii)	-	-	-	-	-	7.147.015.864	-	7.147.015.864	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Tạm trích lợi nhuận năm 2020) (iii)	-	-	-	-	-	(1.336.786.000)	-	(1.336.786.000)	-	-
Điều chỉnh hợp nhất các năm trước	-	-	-	-	8.511.767.596	(18.149.073.838)	3.364.587.458	(6.272.718.784)	-	-
Giảm khác tại các Công ty con (i)	-	-	-	-	-	(1.246.672.429)	(701.253.241)	(1.947.925.670)	-	-
Giảm khác (do thay đổi tỷ lệ % sở hữu tại các Công ty con)	-	-	-	-	149.772.187	(81.665.716)	14.931.720.691	15.652.740.034	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>1.254.390.050.000</b>	<b>418.206.069.395</b>	<b>10.039.280.000</b>	<b>(13.935.465.178)</b>	<b>334.081.396.957</b>	<b>212.288.658.729</b>	<b>287.590.342.306</b>	<b>2.502.914.493.846</b>		
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>1.254.390.050.000</b>	<b>418.206.069.395</b>	<b>10.039.280.000</b>	<b>(13.935.465.178)</b>	<b>334.081.396.957</b>	<b>212.288.658.729</b>	<b>287.590.342.306</b>	<b>2.502.914.493.846</b>		
Bán cổ phiếu quỹ cao hơn giá mua vào	-	5.847.994.822	-	13.935.465.178	-	-	-	19.783.460.000	-	-
Tặng vốn	320.000.000.000	95.752.500.000	-	-	-	-	12.000.000.000	427.752.500.000	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	68.374.412.603	2.407.373.165	70.781.785.768	-	-
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	(37.631.701.500)	(3.352.985.908)	(40.984.687.408)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(10.064.143.402)	(625.037.578)	(10.689.180.980)	-	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	(1.398.450.469)	(3.820.746.359)	953.031.189	(4.266.165.639)	-	-
Các khoản điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế và nộp bổ sung (ii)	-	(2.250.000.000)	-	-	-	(7.491.704.245)	-	(9.741.704.245)	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	28.874.866	-	28.874.866	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển tại các Công ty con	-	-	-	-	1.108.425.584	(1.108.425.584)	-	-	-	-
Trích thưởng Ban điều hành, HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(1.570.772.916)	(220.805.605)	(1.791.578.521)	-	-
Giảm khác (Các khoản truy phát thuế điều chỉnh Cty con)	-	-	-	-	-	564.047.742	(59.105.538)	504.942.204	-	-
Điều chỉnh liên quan đến Hợp nhất	-	-	-	-	-	(1.130.220.822)	(23.981.219.022)	(25.111.439.844)	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>1.574.390.050.000</b>	<b>517.556.564.217</b>	<b>10.039.280.000</b>	<b>-</b>	<b>333.791.372.072</b>	<b>218.438.279.112</b>	<b>274.711.593.009</b>	<b>2.929.181.300.047</b>		

(i): Phân phối lợi nhuận và trích quỹ trong năm là phần trích các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con.

(ii): Là các khoản điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước Kiểm toán số liệu các năm 2018-2020 và nộp bổ sung.

**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	1.254.390.050.000	1.195.388.930.000
Vốn góp tăng trong năm	320.000.000.000	59.001.120.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	1.574.390.050.000	1.254.390.050.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	47.695.844.902	181.356.286.409

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>157.439.005</b>	<b>125.439.005</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>157.439.005</b>	<b>125.439.005</b>
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	125.439.005
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>1.509.570</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	1.509.570
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>157.439.005</b>	<b>123.929.435</b>
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	123.929.435
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	160.047.523.766	334.231.440.767
Doanh thu xây lắp	3.218.002.263.465	2.746.295.728.149
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.422.510.130	73.666.659.328
Doanh thu khác	747.091.232	-
<b>Tổng</b>	<b>3.484.219.388.593</b>	<b>3.154.193.828.244</b>
<i>Trong đó Doanh thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<b>32.919.981.833</b>	<b>217.882.101</b>

**6.2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng bán	108.200.707.707	301.824.445.738
Giá vốn của hoạt động xây lắp	2.829.317.930.145	2.313.305.475.082
Giá vốn cung cấp dịch vụ	76.800.040.895	65.655.047.277
Giá vốn khác	188.293.944	-
<b>Tổng</b>	<b>3.014.506.972.691</b>	<b>2.680.784.968.097</b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.571.595.574	11.320.079.057
Doanh thu bán khoản đầu tư	4.594.389.082	1.250.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	477.918.050	18.454.611
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.262.730.315	310.393.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.025.023.500	2.245.747.000
Doanh thu tài chính khác	11.499.180	44.091.229
<b>Tổng</b>	<b>18.943.155.701</b>	<b>15.188.765.569</b>
<i>Trong đó Doanh thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<b>4.369.593.115</b>	-

### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	145.670.784.482	96.073.976.082
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	14.128.095
Chi phí phát hành trái phiếu	4.390.816.209	1.900.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	789.350.370	223.528.148
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	926.848.978	405.604.121
Chi phí tài chính khác	487.306.413	628.370.705
<b>Tổng</b>	<b>152.265.106.452</b>	<b>99.245.607.151</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>25.239.575.877</b>	<b>21.987.042.112</b>
Chi phí nhân viên	16.322.626.054	14.153.777.240
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	776.582.642	222.455.612
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	375.305.640	69.846.671
Chi phí khấu hao TSCĐ	364.483.659	545.450.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.880.139.425	2.698.336.021
Chi phí bằng tiền khác	5.520.438.457	4.297.176.511
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>200.099.244.674</b>	<b>192.222.584.791</b>
Chi phí nhân viên quản lý	131.085.471.755	112.898.734.105
Chi phí vật liệu quản lý	893.249.753	1.666.170.506
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.195.879.112	5.875.675.813
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.802.704.554	6.347.193.207
Thuế phí và lệ phí	4.355.925.601	4.873.695.603
Chi phí dự phòng	147.920.000	2.103.152.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.225.352.561	29.406.228.506
Chi phí bằng tiền khác	18.650.942.330	29.168.845.874
Lợi thế thương mại	6.877.525.788	1.882.889.138
<b>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(135.726.780)</b>	<b>(2.000.000.000)</b>
Hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu	(135.726.780)	(2.000.000.000)
<b>Tổng</b>	<b>225.338.820.551</b>	<b>214.209.626.903</b>

## 6.6 Thu nhập khác /Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản, vật tư	1.547.083.149	190.819.480
Thanh lý phế liệu thu hồi	11.800.000	8.181.818
Thu tiền bồi thường	4.643.090.531	87.814.000
Thu nhập từ việc mua rẻ công ty con	-	66.460.000
Các khoản khác	509.795.934	848.041.422
<b>Tổng</b>	<b>6.711.769.614</b>	<b>1.201.316.720</b>
Chi từ hội nghị Geotec	-	595.275.958
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý	38.356.010	70.274.019
Các khoản chi phí do ngừng sản xuất	2.882.898.430	331.389.023
Phạt vi phạm hợp đồng	1.642.539.949	2.165.670.099
Phạt an toàn lao động	263.850.000	-
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	1.603.771.080	2.825.726.628
Chi phí khác	1.514.167.538	2.166.414.636
<b>Tổng</b>	<b>7.945.583.007</b>	<b>8.154.750.363</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(1.233.813.393)</b>	<b>(6.953.433.643)</b>

## 6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	38.927.106.131	34.647.187.978
<b>Tổng</b>	<b>38.927.106.131</b>	<b>34.647.187.978</b>

## 6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>68.374.412.603</b>	<b>118.696.444.300</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(8.176.907.995)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>68.374.412.603</b>	<b>110.519.536.305</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	127.940.932	118.940.525
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>534</b>	<b>929</b>

Tại ngày 31/12/2021, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2021 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành năm 2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 được trình bày lại do ảnh hưởng của trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận, thưởng ban điều hành năm 2020 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 như trình bày tại thuyết minh số 6.8 - Thuyết minh Báo cáo tài chính. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm 2020 từ 987 đồng/cổ phiếu xuống 929 đồng/cổ phiếu. Cụ thể như sau:



	NĂM 2020 (TRÌNH BÀY LẠI) VND	NĂM 2020 (ĐÃ TRÌNH BÀY) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>118.696.444.300</b>	<b>118.696.444.300</b>
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm ( <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Trích thưởng HĐQT và BKS</i> )	(8.176.907.995)	(1.336.786.000)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>110.519.536.305</b>	<b>117.359.658.300</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	118.940.525	118.940.525
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>929</b>	<b>987</b>

## 6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.537.108.147.621	1.449.512.744.008
Chi phí nhân công	394.199.292.766	329.594.112.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.316.021.236	76.839.628.561
Chi phí dự phòng	12.193.220	2.103.152.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.304.532.562.179	1.871.677.017.969
Chi phí khác bằng tiền	326.912.386.192	276.156.573.157
Lợi thế thương mại	6.877.525.788	1.882.889.138
<b>Tổng</b>	<b>4.651.958.129.002</b>	<b>4.007.766.117.227</b>

## \* THÔNG TIN KHÁC

### 7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	Trần Trọng Thắng	Phó CT Thường trực HĐQT
Phạm Hồng	Bố	Hà Thị Minh Châu	Mẹ
Hà Thị Tuyền	Mẹ	Nguyễn Hồng Nhung	Vợ
Phạm Lê Hà Anh	Con	Trần Gia Khanh	Con
Phạm Lê Hà An	Con	Trần Giang Nam	Con
Phạm Lê Lâm Anh	Con	Trần Vĩnh Khang	Con
Phạm Quốc Hùng	Em	Trần Đức Anh	Con
Phạm Thị Minh Hoa	Em	Trần Thị Yến Thoa	Em
Hà Thế Lộc	Ủy viên HĐQT	Hoàng Thị Cẩm Huê	Mẹ vợ
Nguyễn Ánh Tuyết	Vợ	Nguyễn Quang Hoàn	Bố vợ
Hà Huy Phong	Con	Nguyễn Hoàng Long	Em vợ
Hà Mạnh Tùng	Con	Hà Thế Phương	Phó CT Thường trực HĐQT
Hà Thị Tuyền	Chị	Phan Thị Kim Minh	Vợ
Hà Thế Hồng	Anh	Hà Hải Yến	Con gái
Hà Thị Bích	Chị	Hà Thị Hồng Vân	Con gái
Hà Thị Bốn	Chị	Hà Mai Anh	Con gái
Hà Thế Phương	Em	Phan Xuân Toàn	Con rể
Hà Thị Tâm	Em	Nguyễn Mạnh Quân	Con rể
Hà Thị Chín	Em	Đặng Việt Hùng	Con rể
Hà Thị Lý	Em	Hà Thị Tuyền	Chị Gái

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN	BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN
Phạm Trung Thành	Ủy viên HĐQT Độc lập	Phạm Hồng	Anh rể
Phạm Trọng Năm	Bố	Hà Thế Hồng	Anh Trai
Hà Thị Bốn	Mẹ	Vũ Thị Thoa	Chị dâu
Nguyễn Thị Nhạn	Vợ	Hà Thị Bích	Chị Gái
Phạm Trung Dũng	Con	Hà Thị Bốn	Chị Gái
Phạm Thành Trung	Em	Phạm Trọng Năm	Anh rể
Phạm Minh Huệ	Em	Hà Thị Tâm	Em Gái
Nguyễn Song Thanh	Ủy viên HĐQT Độc lập	Nguyễn Nam	Em rể
Nguyễn Thị Kim Anh	Vợ	Trần Văn Ty	Em rể
Nguyễn Yến Chi	Con	Hà Thị Chín	Em Gái
Nguyễn Song Nguyên	Con	Hà Thị Lý	Em Gái
Nguyễn Văn Bình	Bố	Nguyễn Tiến Duyệt	Em rể
Trần Thị Tá	Mẹ	Hà Thế Lộng	Anh Trai (UVHĐQT)
Nguyễn Anh Dũng	Em trai	Nguyễn Ánh Tuyết	Chị dâu
Nguyễn Thị Thủy	Mẹ Vợ	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Mẹ vợ
Nguyễn Hà	Em Vợ	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS
Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên HĐQT Độc lập	Phạm Đức Năng	Bố đẻ
Nguyễn Hữu Thái	Bố	Nguyễn Thị Huệ	Mẹ đẻ
Trần Thị Tuyết Hoa	Mẹ	Phạm Hồng Giang	Em gái
Nguyễn Hữu Trâm Anh Anna	Con	Phạm Hồng Khánh An	Con gái
Nguyễn Hữu Trí Anh Andres	Con	Trần Công Tráng	TV Ban KS
Satoyuki Yamane	Ủy viên HĐQT	Vũ Thuỳ Chi	Vợ
Yamane Michiko	Vợ	Trần Minh Thu	Con đẻ
Yamane Shunji	Bố	Trần Vũ Mai Phương	Con đẻ
Yamane Kazuko	Mẹ	Trần Vũ Quang	Con đẻ
Ito Tetsuo	Bố vợ	Trần Mạnh Cường	Bố đẻ
Ito Kanato	Mẹ vợ	Nguyễn Thị Hải	Mẹ đẻ
Yamane Tatsuo	Em trai	Trần Thị Thanh	Chị gái
Matsumoto Yumiko	Chị	Trần Thị Thanh Vân	Chị gái
Matsumoto Toshiyuki	Anh rể	Vũ Đình Dương	Bố vợ
Ito Atsushi	Em vợ	Nguyễn Thị Bích Liên	Mẹ vợ
Ito Eri	Em vợ	Nguyễn Chí Thanh	Anh rể
Yamane Yoko	Em dâu	Phạm Đình Nam	Anh rể
Phùng Tiến Trung	Ủy viên HĐQT	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên Ban kiểm soát
Phùng Hữu Trí	Bố đẻ	Nguyễn Tiến Trùng	Bố đẻ
Nguyễn Thị Nguyệt	Mẹ đẻ	Nguyễn Thị Thăn	Mẹ đẻ
Nguyễn Thị Hoàng Hà	Vợ	Nguyễn Thị Minh Tâm	Em gái
Phùng Thu Tra	Con	Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc
Phùng Thu Trang	Con	Nguyễn Xuân Điều	Bố
Phùng Nguyệt Hà	Em	Phạm Thị Nga	Mẹ
Nguyễn Đình Sắc	Bố vợ	Nguyễn Thị Thúy	Chị
Hoàng Thị Cảnh	Mẹ vợ	Nguyễn Thị Hoài	Vợ
Nguyễn Thanh Tùng	Phó TGD	Nguyễn Nhật Nam	Con
Nguyễn Thanh Dũng	Bố	Nguyễn Hoài Bảo Ngọc	Con
Bùi Thị Ruộng	Mẹ	Nguyễn Quốc Bảo	Phó TGD Thường trực
Nguyễn Chung Thủy	Vợ	Trịnh Thị Minh Phú	Mẹ
Nguyễn Phương Tuệ Anh	Con	Nguyễn Thị Huyền Trang	Em

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN	BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN
Nguyễn Phương Thục Anh	Con	Lê Việt Hà	Vợ
Nguyễn Đình Anh	Con	Nguyễn Bảo Hà Vy	Con
Nguyễn Huyền Thương	Chị	Tạ Công Thanh Vinh	Phó TGĐ
Nguyễn Thu Phương	Chị	Phạm Thị Thanh Thúy	Mẹ
Nguyễn Huyền Trâm	Chị	Ngô Phương Hồng Thúy	Vợ
Đỗ Mạnh Cường	Phó TGĐ	Tạ Công Uy Long	Con
Ngô Thị Ngọc Duyên	Vợ	Lê Quang Hanh	Phó TGĐ
Đỗ Mạnh Quang	Con	Lê Quang Huy	Bố
Đỗ Mạnh Khang	Con	Trần Thị Phồn	Mẹ
Đỗ Văn Đường	Bố	Lê Thị Cẩm Bình	Em gái
Nguyễn Thị Mậu	Mẹ	Nguyễn Thị Lan Hương	Vợ
Đỗ Thị Hải Thúy	Chị gái	Lê Quang Hoan	Con
Đỗ Thị Thu Thường	Chị gái	Lê Quang Hiến	Con
Đỗ Mạnh Quyền	Em trai	Nguyễn Thế Sinh	Người được UQ CBTT
Đỗ thị Quỳnh	Em gái	Ngô Thị Huyền Trang	Vợ
Nguyễn Thị Nghiênn	Kế toán trưởng	Trần Thị Xuân	Mẹ đẻ
Nguyễn Đăng Kiên	Bố ruột	Ngô Đình Trường	Bố vợ
Hoàng Thị Bút	Mẹ ruột	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Mẹ vợ
Nguyễn Thanh Khương	Chồng	Nguyễn Minh Thư	Con gái
Nguyễn Nhật Minh	Con gái	Nguyễn Thị Hồng Minh	Chị ruột
Nguyễn Thành Nam	Con trai	Bùi Văn Xiển	Anh rể
Nguyễn Đăng Thăng	Em trai	Nguyễn Công Thành	Người QTCT
Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng FECON	Công ty con	Hoàng Mỹ Linh	Vợ
Trường PTTH Ý Yên	Công ty con	Nguyễn Hoàng Linh Chi	Con gái
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Công ty con	Nguyễn Hoàng Hà My	Con gái
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Công ty con	Nguyễn Công Quán	Bố
Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê	Công ty con	Trần Thị Tú Anh	Mẹ
Công ty Cổ phần FECON South	Công ty con	Hoàng Mạnh Hùng	Bố vợ
Công ty Cổ phần Năng lượng FECON	Công ty con	Nguyễn Thị Kim Anh	Mẹ vợ
Công ty TNHH Xây dựng nền móng FECON - Rainbow	Công ty con	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Công ty con
Công ty TNHH Nguồn nhân lực FECON	Công ty con	Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Công ty con	Công ty CP Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con	Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI	Công ty con	Công ty CP FECON MILTEC	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	Công ty liên kết	Công ty CP Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	Công ty liên kết

**Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:  
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

		NĂM 2021 VND	NĂM 2020 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	21.844.330.331	20.024.412.720
<b>Tổng</b>		<b>21.844.330.331</b>	<b>20.024.412.720</b>

**Trong đó, chi tiết như sau:  
Lương, thù lao của HĐQT**

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	NĂM 2021 VND	NĂM 2020 VND
Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	2.327.559.204	2.374.293.856
Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	1.335.138.465	1.200.000.000
Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	1.307.778.976	1.326.768.227
Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Hà Thế Lộc	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Nguyễn Song Thanh	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Phùng Tiến Trung	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Satoyuki Yamane	Thành viên HĐQT	450.000.000	450.000.000

**Lương, thù lao của Ban Kiểm soát**

HỌ VÀ TÊN	NĂM 2021 VND	NĂM 2020 VND
Phạm Thị Hồng Nhung	1.532.675.134	1.616.249.814
Nguyễn Tiến Thành	379.054.377	412.066.472
Trần Công Tráng	399.999.996	399.999.996

**Lương, thù lao của Ban Tổng Giám đốc**

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	NĂM 2021 VND	NĂM 2020 VND
Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc	2.282.375.000	2.224.625.000
Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1.892.812.500	1.260.439.583
Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	135.000.000	790.700.000
Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	238.000.000
Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	1.201.614.583	607.703.125
Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc	721.197.917	401.197.917
Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc	1.195.911.058	1.034.531.250
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.574.490.417	1.260.677.083
Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.141.927.083	603.718.750
Nguyễn Thị Nghiên	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính	1.287.010.096	1.218.281.250

**Thu nhập của Nhân sự công bố thông tin**





HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	NĂM 2021 VND	NĂM 2020 VND
Trần Phương (Đến ngày 11/10/2021)	Trưởng Ban Quan hệ nhà đầu tư & phát triển Thị trường vốn (Người công bố thông tin)	491.290.545	605.160.417
Nguyễn Thế Sinh (Từ ngày 12/10/2021)	Ban Tài chính Kế toán	128.495.000	-

## Số dư với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>16.090.701.168</b>	<b>952.471.204</b>
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	16.090.701.168	952.471.204
<b>Phải thu khác</b>		<b>4.244.330.846</b>	<b>116.654.782</b>
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	292.490.990	116.654.782
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết	3.798.219.176	
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	Công ty liên kết	153.620.680	
<b>Phải thu cho vay</b>		<b>57.427.540.000</b>	<b>62.985.940.000</b>
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	Công ty liên kết	34.127.540.000	39.685.940.000
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Công ty liên kết	23.300.000.000	23.300.000.000
<b>Phải trả người bán</b>		<b>73.303.809.731</b>	-
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Công ty liên kết	73.303.809.731	-
<b>Trả trước cho người bán</b>		-	-
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>		-	-
<b>Giao dịch với các bên liên quan</b>			
<b>Các giao dịch bán hàng</b>		<b>32.919.981.833</b>	<b>217.882.101</b>
		441.968.128	217.882.101
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	31.233.618.436	-
		193.645.269	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	Công ty liên kết	1.050.750.000	
<b>Các giao dịch mua hàng</b>		<b>52.250.189.611</b>	-
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	52.250.189.611	-
<b>Lãi cho vay</b>		<b>4.369.593.115</b>	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	Công ty liên kết	2.039.593.116	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết	2.329.999.999	-

## 7.2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

<p><b>Người lập</b></p>  <p><b>TRẦN THU TRANG</b></p>	<p><b>Kế toán trưởng</b></p>  <p><b>NGUYỄN THỊ NGHIÊN</b></p>	<p><b>Tổng Giám đốc</b></p>   <p><b>NGUYỄN VĂN THANH</b></p>
--	--	--



Thấu hiểu lòng đất, Chinh phục tầm Cao

**A.** Tầng 15 tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mê Trì Hạ,  
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**T.** (+84) 24 62690481  
**F.** (+84) 24 62690484

**E.** [info@fecon.com.vn](mailto:info@fecon.com.vn)  
[www.fecon.com.vn](http://www.fecon.com.vn)